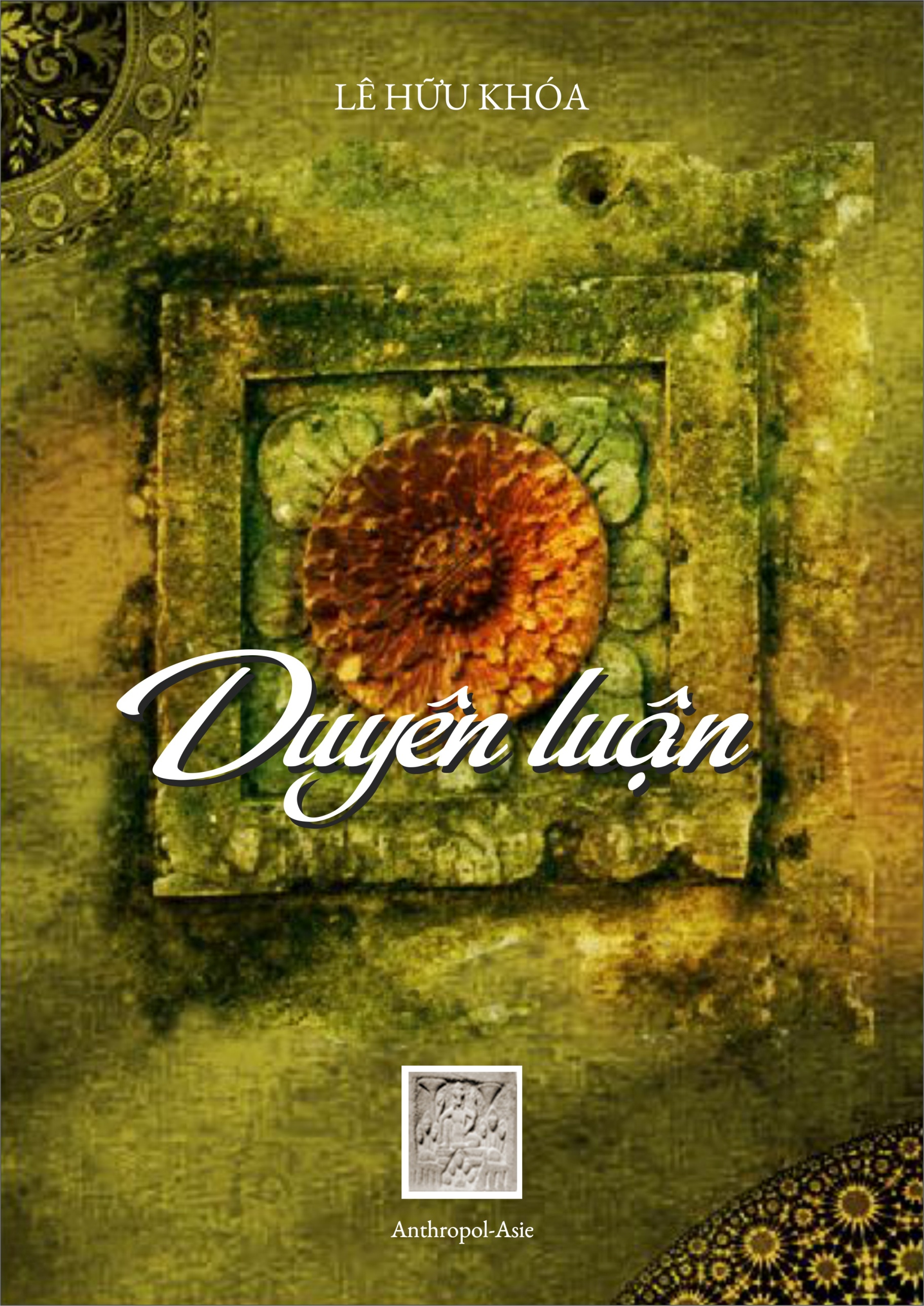
****

*«Khóa ơi, nếu phải ra đi,*

*tiếc nhất là phải lỗi hẹn với bạn bè».*

**Trịnh Công Sơn**

*«Khóa cho tôi gởi lời chào tất cả*

*những người mà Khoá biết và tôi biết,*

*chuyện tất cả chúng ta muốn gặp lại nhau*

*chắc không thực hiện được»*

**Thanh Tâm Tuyền**

*«Khóa à, sao* Toi *viết lâu quá vậy,*

*bây giờ* Moi *còn sống mà không đọc được,*

*chết rồi làm sao đọc?»*

**Phạm Duy**



Với Trịnh Công Sơn



***Nhớ Trịnh Công Sơn***

***«Chim thiêng hát lời mệnh bạc»***

*Chị Thuý, chị Diệu, chị Ngân, chị Trinh, anh Tịnh, anh Hà thân quý,*

Hôm nay ngày giỗ anh Sơn, Khoá thắp nhang trong vườn nhà Khoá giữa đỉnh đồi Địa Trung Hải, xung quanh là biển, rừng, núi, đồi, vắng nhân dạng, nhưng những dòng nhạc của anh Sơn lẳng lặng tìm tới, lặng lẽ trở về trong tâm trí, mà tai mình nghe thật rõ từng giai điệu; rồi nghe rõ hơn nữa là giọng nói, tiếng cười của anh trong lúc bạn bè đùa giỡn nhau. Khuôn mặt anh vui hẳn lên khi có bạn bè xung quanh. Tết năm 1984, Phạm Trọng Cầu và Khoá ngồi kể chuyện cười Pháp chọc Bỉ, rồi Bỉ chọc lại Pháp, anh ngồi ôm bụng cười hàng giờ. Hè năm 1986, Cung Trầm Tưởng và Khoá kể chuyện sinh viên Việt Nam đi du học tại Paris cho anh nghe, đi du học nhưng thật ra là lâm vào cảnh bị *«mang con bỏ chợ»* của một đất nước nghèo lại bị chiến tranh, từ đó biến thành chuyện chọc cười qua ăn uống, quần áo, mặt mũi… của du học sinh, cứ tưởng mình là những đứa con tin yêu của Việt tộc, không ngờ một sớm một chiều thành *«bụi đời»* rồi thành *«cô hồn»* lang thang giữa thủ đô ánh sáng Paris, làm anh cười lăn ra ghế. Anh có nhiều phong cách riêng mà bạn bè nhớ mãi, anh thích trao tặng quà cho bạn bè, còn những quà anh được tặng anh giữ rất lâu. Bạn bè phương xa trời Tây điện thoại hỏi thăm anh, anh hỏi ngay câu đầu: *«Về tới Sài Gòn rồi hả?»,* nếu trả lời là: *«Đâu có về được!»,* đầu dây kia thấy anh yên lặng hồi lâu… Chắc anh buồn vì vắng bạn? Những năm chưa có internet, bạn bè tới chia tay anh, trở lại xứ Tây, anh ngồi thật yên, viết thư cho từng bạn phương xa khác không về được, rồi nhờ kẻ tới chia tay mang về trao tận tay cho những kẻ đang sống ở trời Tây… Khoá vẫn nghe rõ giọng của anh: *«Nhớ ghé ăn cơm, moi sẽ nói nhà làm cơm hến»;* hay là*: «Ráng ghé đi! Ăn với nhau một bữa bún bò huế rồi đi»…* Dành thì giờ cho bạn bè, chăm lo cho bạn bè, nhớ bạn bè, hỏi thăm, nhắc thường xuyên bạn bè, cách đối nhân xử thế có tâm có thức này, hiếm người có. Anh Sơn có một cái hay khác mà ít người biết tới, anh tìm hiểu và lắng nghe thật kỹ những trào lưu lý thuyết mới trong nhân văn và xã hội, các chủ thuyết hay về tư tưởng và triết học, các nhận định sắc sảo về thi ca và âm nhạc; vậy xin các chị, các anh cho phép Khoá viết lá thư này tới các chị, các anh, như Khoá đang trò chuyện với anh Sơn - người bạn, người anh, người thầy - qua các tác giả mà anh thích trong học thuật cận đại; sự nhạy cảm về tri thức quốc tế này, hiếm thấy trong sinh hoạt văn nghệ của chúng ta.

**Tâm, thức**

Người bạn, người anh, người thầy đó cũng là người dường như độc nhất hát lên những thăng trầm của đất nước và vấn nạn được họa căn của Việt tộc thế kỷ vừa qua, *chim thiêng hát lời mệnh bạc,* còn là người nghệ sĩ biết *dạy tình anh em cho dã thú* giữa cuộc chiến tranh mà con người có lúc không giữ được nhân tính. Thủa sinh thời, trong các cuộc vui, tụ họp bạn bè, anh Sơn cũng thường tránh những kẻ sống bằng bản năng, để nhân tính bị đẩy lại gần biên giới của thú tính, có lần anh phàn nàn: *«Moi thích uống rượu, nhưng moi tránh gặp những người uống nạp, uống nốc, uống như nuốt, uống mà không thưởng thức»*. Đây không phải là chuyện ăn uống, mà đây là chuyện nhân sinh quan, chuyện thế giới quan của người, vì giữa cảnh nhậu nhẹt hỗn loạn trên đất nước hiện nay, *uống nạp* nhiều hơn *uống thưởng thức,* tìm ra cho được *tâm giao* để *đắc khí* không dễ. Năm 1984, Văn Cao dặn Khoá: *«Vào Sài gòn nhớ gặp Trịnh Công Sơn»,* như dặn Khoá cách tìm *tâm giao,* vì Văn Cao biết hơn ai hết: *tâm giao* rồi *thâm giao* người ta chỉ *có duyên* với nó vài lần trong đời, để cuối cuộc đời nhìn lại thấy ta chỉ có *vài người* *tâm đắc* trong cả nhân loại hoang trơ này. Sau 1975, có một số người trong miền Nam ra đi, rồi trách anh tại sao không đi? Tại sao ở lại? Tại sao làm việc với chế độ mới?... Còn nhiều câu nữa, nhưng nếu ngồi mà *«ráp lại»* những câu anh tâm sự với bạn bè, sẽ hiểu anh: *«Moi cần quê hương để sáng tác»; «Sáng tác là* *niềm vui lớn nhất để vượt thăng trầm»…* Có lần anh tâm sự với Khoá: «*Phải hiểu hai chuyện để sống và sáng tác: chuyện thứ nhất* «vắng mợ chợ vẫn đông», *không ai trên đời này là tối cần, là không thay thế được; chuyện thứ nhì* «thiền giữa chợ» *chấp nhận sống chung với đồng loại, là chấp nhận cái thanh phải chung chạ với cái tục, giữ được cái thanh, vượt lên cái tục… Thiền để tỉnh thức, để giữ lý trí sáng suốt nhưng cũng phải biết là cõi chợ là cõi hỗn nháo, nhưng không loại bỏ nó…»,* khoa học xã hội và nhân văn gọi những người có *«gân cốt»* phân tích đó là: *chủ thể tri thức (sujet cognitif),* biết mình biết người, biết vai vóc của cá nhân, biết tầm vóc của nhân loại. Chủ thể tri thức tìm được cái lõi của cuộc sống, để khi trở thành *chủ thể xã hội (sujet social)* sẽ không bị các quy tắc tập thể hủy diệt mình, vì các chế độ độc tài, toàn trị luôn tìm mọi cách để diệt chủ thể. Chủ thể tri thức còn biết bảo vệ được *chủ thể tình cảm (sujet affectif)* đểlàm chỗ dựa của đời sống tâm linh cá nhân mình; chủ động được ba chủ thể này trong chuyện *vật đổi sao dời* của năm mươi năm đất nước biến loạn vì chiến tranh, dân tộc như bị thôi miên vì các ý thức hệ không đâu, không phải ai cũng làm được. Người đó lại còn tặng cho dân tộc mình vài trăm ca khúc mà tầm cỡ tư tưởng, vai vóc diễn luận nghệ thuật thuộc loại tinh đẩu của ca khúc thế giới. Khoá sống tại quê nhà không tới hai mươi năm, nhưng sống ở Âu châu đã gần bốn mươi năm, Khoá thấy một chuyện lạ là dân tộc Pháp được nhân loại xem như một dân tộc trí thức, nhưng ca khúc của Pháp không trí thức; ngược lại có thể nhân loại xem dân tộc Việt Nam chưa trí thức, nhưng qua các sáng tác của anh Sơn ca khúc Việt Nam đã rất trí thức. Trí thức theo nghĩa là dùng kiến thức để bảo vệ lý trí, tiếp đó sử dụng kiến thức lẫn lý trí để gây dựng đạo lý, sau cùng biết dựa trên đạo lý để sáng tạo ra cái đẹp, cái hay, cái lành đặt chúng cạnh cái đúng, cái thật, cái trong. Anh Sơn đã làm được tất cả chuyện này, anh là đứa con tin yêu của dân tộc, trong sử Việt tộc mình chỉ có vài đứa con như vậy thôi các anh, các chị à. Khoá hiểu câu chuyện *«thiền giữa chợ»* trong cuộc đời của anh; có lần trong một lá thư gởi anh, Khoá nhắc một câu của các *«tổ sư»* trong chuyện *«mai danh ẩn tích»* giữa đời, giữa chợ của Lão giáo: *Tiểu ẩn, ẩn lâm tuyền. Đại ẩn, ẩn thành thị.*

**Lời, đời**

Anh Sơn gần gũi gắn bó với thơ, từ ngay trong cách dựng vần tìm nhạc, làm cho biên giới giữa thơ và nhạc như không còn nữa, nhưng anh hiểu Antonio Gamoneda hơn ai hết: *«la poésie n’est pas de la littérature. La poésie est révélation»,* thơ không phải là văn chương mà là chuyện khám phá để khai sáng, khai sáng các chân trời, khai sáng các số phận. Những năm chết chóc trước 1975. *Vùng xương khô lên tiếng nói…* Anh tìm được hình ảnh cho thơ để thơ là thơ, tức thơ là hiện hữu của khai sáng mặc dù kiếp người phù du. *Một trăm năm như tiếng thở dài.* Ý nghĩa sống giữa chết chóc chiến tranh nhiều khi không vượt được số phận Việt Nam oan khiên đắm chìm trong chuyện huynh đệ tương tàn từ 1954 tới 1975 mới dứt, *xin cho mây che đủ phận người.* Các nhạc sĩ khác thích dùng hai chữ hoàng hôn, anh Sơn sử dụng hai từ tà dương, *từng lời tà dương là lời mộ địa.* Tà dương xuất hiện như đưa đẩy dân mình tới các chân trời thẳm, tới các cõi chìm. Những năm chiến tranh đó anh nói rõ được nỗi đau của dân tộc. *Một ngày như mọi ngày. Từng mạch đời trăn trối. Đau nặng từng lời nói.* Lời thơ của anh còn vượt lên chuyện kể lể, mà theo Goethe thơ là sức nổi loạn để được sống còn bằng lời nói, vì lời nói là ý thức sống. *Ta thấy em đêm đêm đòi lại tiếng nói*, mặc dầu *đạn về đêm đêm đốt cháy tương lai.* Lời của anh nói lên lẽ sống đang phải trực diện với cái chết. *Từng vùng thịt xương có mẹ có em.* Lời đây là lời của kiến thức mới chống lại cái tự hủy, cái diệt vong. *Tôi mất trong chiến tranh này, bao nhiêu người tình… Người tình lớn lên từ ba miền… Những người tình chưa gặp một lần…* Để hiểu thơ cận đại, có lần H.Michaux đề nghị mỗi bài thơ là một phân tích qua thực nghiệm, chữ trải nghiệm chưa đúng, thực nghiệm là nắm cái thực rồi nghiệm nó bằng lẽ sống của nhân loại nơi mà: *«Tout poète connait cette impression rare: tout d’un corps et totalement se détacher de l’humanité et entrer dans un monde qui ne doit rien à personne »*. Thi sĩ sẽ nhận ra được một ấn tượng hiếm: cả thân mình, toàn thể tự tách rời ra khỏi nhân loại để vào một thế giới (khác) mà thi sĩ chẳng phải nợ ai, chẳng phải mang ơn ai. Anh Sơn biết các công thức thơ loại này, còn biết luôn cách thực hiện nó, nhưng anh không làm, vì giữa diệt vong anh đã thấy họa lưu vong của Việt tộc, nên anh không muốn rời cái kiếp chung của đất nước, cái họa chung của dân tộc này. *Mẹ ngồi ru con, nghe đất gọi thầm trọn nợ lưu vong.* Có những kẻ bên này, bên kia chỉ trích hay phê phán lòng yêu nước của anh, hình như họ chưa có *«thâm duyên»* với dân tộc này. Muốn thâm với duyên phải sáng với trí, để thấy được đã có lần dân tộc phải chịu bao thăng trầm tủi nhục. *Người nô lệ da vàng… ngủ quên… Người nô lệ da vàng… đi quên nước, quên non. Người nô lệ da vàng… xin áo, xin cơm…* Phải thấy được sự thật này mới biến nó thành ý thức để làm chỗ dựa cho lương tri, chỗ đứng cho nhân phẩm*. Nghe xót xa hằn lên tuổi trời. Trẻ thơ ơi trẻ thơ ơi.**Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người…* Anh Sơn làm được hai chuyện, hai thử thách,một củaBo Carpelan *«rester au centre de l’univers»,* tìm mọi cách đứng giữa vũ trụ trước mọi cơn lốc xoáy của thời cuộc, hai của Max de Carvalho *«fixer les vertiges»,* nắm và thấu các chuyện làm con người choáng váng, để biết rõ lúc nào trái đất này sống được, lúc nào sống không được. *Ghế đá công viên dời ra đường phố… Em bé lõa lồ suốt đời lang thang…*

**Đi, vì**

Thế hệ trước anh Sơn, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã báo động: *«Chúng tôi tuổi trẻ đầu thai lầm thế kỷ»,* tới thế hệ của anh, anh làm được chuyện tổng kết lịch sử thế kỷ thứ hai mươi chỉ bằng một câu, giờ đã thành dấu ấn trong tâm linh chúng ta: *«Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì».* Ngọn gió hoang vu nào đã mang theo cái ác, cái sai, cái tối vào thế hệ chúng ta, để rồi cái ác hà hơi cho cái bất công, cái sai bồi sức cho cái vô nhân, cái tồi nuôi dưỡng cái cúi đầu. Nội lực thơ của anh, vai vóc nhạc của anh là chối từ dứt khoát không mang những cái này vào lương tri, cũng như không bao giờ chấp nhận mang hận thù. *Một bàn cơm ngon, chiếu ghế không người. Mẹ bầy cho con với nước mắt rơi… Đường về phố lớn có đoàn quân đi tim không mang hận thù..*. Anh còn tự dặn mình đi để quên: « *Khi đất nước tôi thanh bình tôi sẽ đi thăm… Đi để quên chuyện non nước mình…»*, đi đây không phải là vừa đi vừa cúi đầu, mà đi để mở ra con đường hoà hợp hoà giải dân tộc sau ngọn gió hoang vu huynh đệ tương tàn, vậy đã gần bốn mươi năm những kẻ lãnh đạo của chế độ thắng cuộc không làm chuyện đó, lời nhạc của anh vẫn chờ đợi chuyện đó để *«Việt Nam ơi! Cho mắt nhìn rạch tan căm thù».* V.Hugo dặn thi sĩ hãy làm cho bằng được chuyện *«devoir contenir la somme des idées de son temps »,* gồm cho bằng được mọi ý (lực) của thời mình*.* Thấy được mặt trời mới trong tầm nhìn tức khắc của mình. *Mặt trời mặt trời đã lên, còn nhìn, còn nhìn thấy con người.* Mặt trời là tương lai, Saint-Pol Roux nhận định không sai: *«L’arbre de la poésie plonge ses racines dans l’avenir»,* cây thơ cắm rễ của mình trong tương lai, thi sĩ thấy được tương lai trước mọi người. *Hãy còn bước đi cho bình minh lên sớm.* J.Coteau nói theo cách của ông: *«le poète se souvient de l’avenir»,* thi sĩ biết nhớ về tương lai, Apollinaire còn rõ hơn: *«l’art de prédire»,* thơ là loại nghệ thuật nói trước, nói trước được vì đoán trước được, nói trước người, nói vượt đời, nếu tìm về tận Baudelaire thì sẽ thấy thơ là: *«une sorcellerie évocatoire»* như chuyện bùa phép khơi gợi, khơi lên cái đột biến, gợi lên cái thâm sâu, anh Sơn có cách nói riêng cho mình: *Người ôm lấy muôn loài*. *Nằm trong tiếng bi ai*. Nhạc của anh là trí tuệ người cẩn trọng trước chính đổ **vỡ** của tâm hồn mình, thơ của anh đi tìm cái thức trước khi đi tìm tương lai, chống lại cái trôi chìm của tâm linh hiện tại, *từ độ í a chim thiêng hót lời í a mệnh bạc… Từng giọt í a vô biên, trôi chìm í a tiếng tăm.* Hót lời mệnh bạc là kiếp thi nhân của anh, trôi chìm tiếng tăm là nỗi lo mất ký ức của mình và của đồng loại, Octavio Paz thấy trong mỗi bài thơ: *«une mémoire devenue image, et image devenue voix»,* một ký ức đã thành hình ảnh, và hình ảnh đó đã thành lời, anh Sơn còn nghe được cả lời ký ức của mình vang động mỗi đêm: *Nhiều đêm thấy ta là thác đổ. Tỉnh ra có khi còn nghe.* Paul Valéry nhìn rõ được trong thơ như có sự lưỡng lự, có cái phân vân: *«l’hésitation prolongée entre le son et le sens»,* sự ngần ngại kéo dài giữa âm thanh và ý nghĩa, anh Sơn thấy phân vân có băn khoăn, thấy lưỡng lự như nỗi buồn bị kéo dài ra. *Con diều rơi cho vực thẳm buồn theo.* Cái buồn trùm phủ cái vui, cái vui báo tình yêu vừa tới, cái buồn nhắc ngay là người yêu phải đi; cái vui nhẹ nhàng gởi tín hiệu của hạnh phúc, cái buồn áp đặt mật tin cái mất sẽ có mặt, vĩnh hằng không chỗ đứng trước *phôi pha*. Thơ trong nhạc của anh ở dạng tri thức cao - tri thức giữ cho trí thức thẳng lưng - của một chủ thể biết làm lắng đọng các biến loạn. *Tôi tìm thấy tôi trên từng xót xa. Ta nghe đời rất mênh mông. Trong từng bước đi chầm chậm.* Lấy sự thật làm lẽ phải, lấy kiến thức để bảo vệ ký ức, S.Mallarmé rất rõ trong chuyện này: *«les poètes seuls ont le droit de parler, parce qu’avant coup, ils savent».* Những thi sĩ được quyền nói, vì họ biết trước mọi người là họ biết*.*

**Sinh, linh**

Gaston Bachelard, một triết gia yêu thơ, một nhà khoa học luận biết quý trọng linh hồn, linh hồn cái lõi của tâm hồn, một phạm trù đang bị thần kinh học tấn công tơi tả và xếp vào loại mê tính của siêu hình học, không có chỗ đứng trong khoa học; nhưng lấy gì thay thế linh hồn để làm nghệ thuật? Để bảo vệ tâm linh? Nên ông vẫn tin là: *«la poésie nous apporte des documents pour une phénoménologie de l’âme»,* thơ mang lại cho chúng ta những tư liệu để ta gây dựng được một hiện tượng luận của linh hồn. *Người chết nối linh thiêng vào đời*. *Và nụ cười nối trên môi.* Anh Sơn hay tự nhắc mình là kẻ hát rong, hát lên những chóng chày của sinh linh (từ này của Phật giáo dùng để gọi chúng sinh là sự sống thiêng liêng). Kẻ hát rong này đứng giữa biên giới, bên này là nhân tính, một bên kia là thú tính, biết làm được chuyện bảo vệ bên này, nhưng không chận bên kia, mà triết gia J. Derrida diễn luận là: *«Cette question fondamentale des limites entre l’homme et la bestialité nécessite la déconstruction pour clarifier notre volonté du savoir d’enlever l’enclos qui enferme notre prétention de savoir et de prendre soin (animaux, fous, malades, marginaux…)».* Vấn đề cơ bản trong ranh giới giữa cái người và cái thú đòi hỏi con người phải biết tháo gỡ lề thói tư duy cũ của mình để thấy rõ cái ý chí của con người là gạt bỏ hàng rào, cọc đóng đang giam tù cái kiêu căng hiểu biết của chúng ta, để giúp chúng ta chăm lo kỹ hơn (cho thú vật, cho người điên, cho người bệnh, cho những kẻ đang ngoài lề cuộc sống). Anh Sơn thấy rõ chuyện này thời chiến: *Người nằm co như loài thú khi mùa đông về*. Hãy nối lại tình người, để nối lại môi cười, như anh đã mơ *nối vòng tay lớn*, nếu những kẻ lãnh đạo hiện nay là những đấng minh quân, họ sẽ lấy bài *nối vòng tay lớn* của anh để làm quốc ca, để dứt khoát xoá sạch chuyện huynh đệ tương tàn, xây lại cơ đồ của Việt tộc qua lương tri, qua nhân phẩm. M.Foucault, triết gia của triết học chống chuyện hãm tù nhân tính, ông yêu cầu còn gay gắt hơn: *«d’affranchir la pensée de ce qu’elle pense silencieusement et lui permettre de penser autrement»*. Vượt thắng tư tưởng khi nó đang lẳng lặng suy nghĩ và giúp nó tư duy cách khác; cách khác này anh Sơn đã thấy, đã mơ: *Một ngày kia dân ta đi dựng cờ*. *Dạy tình anh em cho dã thú.* Có những lời thơ bị người đời coi như không thực hiện được trong thực tế cuộc sống, nhưng lời thơ đã mở đường giữa đêm cho hy vọng lần tìm lối ra, tự người cứu người, chuyện ngoan đạo là vô ích, vì *Chúa đã bỏ loài người, Phật đã bỏ loài người*. Y.Bonnefoy cảm nhận được dư chấn này của thơ, vì biết chỗ ở của nó: *«...Je voudrais réunir, je voudrais identifier presque la poésie et l’espoir. Un possible apparait sur la ruine de tout possible, une attente dans la substance des mots: ils apparaissent aux confins de la négativité du langage comme des anges parlant d’un Dieu encore inconnu».* Tôi gom lại, tôi muốn nhận ra thơ và niềm hy vọng. Một chuyện có thể có trên cái đã hoang tàn của những chuyện có thể làm được của đời này, đó là chuyện chờ đợi trong nội chất của chữ: chúng xuất hiện giữa lằn ranh của tính tiêu cực trong ngôn ngữ, thơ như lời các thiên thần đang nói về một thượng đế chưa có tên; anh Sơn hiểu phân tích này, nhưng anh biết từ tốn hoá thơ nhạc của mình. *Một ngày còn sống góp tiếng mong manh.* Thật vậy, xung quanh ta mọi sự sống mong manh quá, cái chết có lúc ngang nhiên mơ mộng giữa đời. *Nằm chết như mơ.* Octavio Paz tìm được trong thơ vai vóc của con người vượt được cái chết: *«une machine qui produit de l’anti-histoire. L’opération poétique consiste dans l’inversion et dans la conversion du flux temporel, le poème n’arrête pas le temps: il le contredit et le transfigure, toute grande poésie doit se confronter avec la mort et être une réponse à la mort».* Có thể coi thơ như một nguồn máy chống sử, phương cách thơ nằm trong sự lật ngược hướng đi của thời gian, thơ không chận được thời gian nhưng nó nói ngược và nó biến dạng thời gian, thơ có tầm vóc lớn là thơ biết đối đầu với cái chết và có câu trả lời về cái chết. Anh Sơn còn thấy cả cái hận thù, cái đau khổ, cái thờ ơ, báo cái chết đang tới để dân tộc anh mau tỉnh giấc. *Người con gái Việt Nam da vàng… Em chưa biết quê hương thanh bình… Em chỉ có con tim căm hờn. Người con gái một hôm qua làng. Đi trong đêm, đêm vang ầm tiếng súng. Người con gái chợt ôm tim mình. Trên da thơm vết máu loang dần. Người con gái Việt Nam da vàng.* Nhạc và thơ của anh thật gần gũi, làm rõ lên suy tư của A. Maumejean thấy qua hành động thơ: *«une cause irréalisable, de réduire la contradiction qu’un destin fatal impose à la condition de l’humain par le langage: l’usage d’une parole par laquelle nous sommes voués à l’inconnaissance»*. Một nguyên nhân không khả thi, đã thu cái mâu thuẫn của số kiếp oan thiên rồi buộc con người qua ngôn ngữ: dụng lời để tự thú là mình vô minh. *Bạn bè ngồi quanh tuốt sáng giáo gươm. Từng ngày đảo điên, giết chết linh hồn.* Không ai có lỗi trên chuyện này, vì người khác, người ngoài áp đặt chuyện huynh đệ tương tàn bằng chiến tranh, dân tộc ta không chế tạo ra chuyện này, vậy mà ta đã chấp nhận tiếng bom đạn làm ta điếc tai, loạn óc như chấp nhận một nghiệp chướng. *Ngày mới lớn tai nghe quen đạn mìn.* Trong quá khứ bọn xấu nói với ta là *chiến tranh không thể tránh được*, chúng ta hãy nói với các thế hệ sau ta là *chiến tranh không thể chấp nhận được.* Trong những cơn điên loạn, A.Artaud vẫn thấy thơ là *«refaire l’homme»*, gây dựng lại được con người, vì nó là tác phẩm của chuyện thu hồi lại ý thức. *Người về soi bóng mình. Giữa tường trắng lặng câm.* F.Kafka, thấy được trong thơ một cố gắng vượt thoát để vượt thắng: *«soulever le monde pour le faire entrer dans le pur, dans l’immuable, dans le vrai».* Nhổ thế giới ra, nâng thế giới lên đưa nó vào cái sạch, cái vĩnh hằng trong cái thật*. Tìm trong vô thường. Thấy có đôi dòng kinh sấm bay rền vang.*

**Hẹn, hát**

Những năm chiến tranh, nhạc của anh Sơn như về từ cõi yên lặng khi con người tìm lại được tiếng nói của mình, loại tiếng nói của tri, của giác, của minh, chứ không phải nói để nói. R.Barthes (tác giả này, anh Sơn rất thích, anh hay hỏi về các công trình của ông, hồi ông còn sống) kể là trên đời này có một loại nhạc rất thông minh: *«la musique se tait toujours. Elle ne m’encombre d’aucun discours; elle ne veut rien substituer à mon malaise (ce qui serait le meilleur moyen de l’approfondir)»*. Loại nhạc luôn biết im tiếng, không dành làm tham luận, nó cũng chẳng muốn thay thế chuyện khó nhọc của người (chính nó là phương tiện hay nhất buộc mình phải đào sâu nó). Anh Sơn có nhiều bài thuộc dạng này, chẳng hạn như bài Diễm xưa, đã thành *«cổ điển»* đối với người nghe nhạc, thành *«kinh điển»* đối với người làm nhạc, một bài hát biết rõ mọi diễn biến của lòng người trong cả cuộc đời. Mỗi câu trong bài này là một kinh nghiệm không quên của một lứa tuổi. Khi hai mươi tuổi, bị thất vọng trong tình yêu, người ta hát: *Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau,* vì người ta còn tin. Khi bốn mươi tuổi, người ta hết tin, người ta hát: *Đường dài hun hút cho mắt thêm sâu.* Khi gần sáu mươi tuổi, người ta hết tin và không còn quê hương để nương thân, người ta hát: *Để người phiêu lãng quên mình lãng du*. Nhạc tiên tri là nhạc có cái tri, cái giác, cái minh, có luôn cả cái đúng, cái bền, cái đời trong đó nữa các chị, các anh à. Đối với những bạn bè thân, anh Sơn thường tâm sự: *«Một trong những cái buồn nhất trên đời này là lỡ hẹn với bạn bè»;* có kẻ vô tâm nghe nhưng không hiểu, lại còn *«dạy đời trở lại»*, ngoài Bắc thì *«hẹn nhỡ thì hẹn lại!»,* trong Nam thì *«hẹn sai hẹn lại mấy hồi!»*. Chuyện lỡ hẹn của anh Sơn không phải vậy, người ta lỡ hẹn vì người ta bị chiến tranh cướp đi cuộc đời. *Đất hoang vu khép lại hẹn hò.* Bị o ép bởi chén cơm manh áo, người ta quên cả hẹn với tình. *Em theo đời cơm áo. Mai ra phố xôn xao*. Có khi người ta lỡ hẹn vì người ta bị cướp mất mặt trời, ánh sáng, đường đi tới nơi hẹn. *Hôm nay thức dậy. Không còn thấy mặt trời.* Lắm lúc người ta lỡ hẹn vì ngoan đạo, nhưng thờ ơ với tình. *Vì em đã mang lời khấn nhỏ. Bỏ ta đứng bên đời kia*. Bạn bè tới chào anh trở lại trời Tây, anh đứng trước cổng nhà 47C đường Duy Tân hỏi nhẹ, rồi cười buồn: *«Ba****o*** *giờ về lại?»,* hỏi nhẹ nhưng nặng lòng, cười buồn vì trĩu tâm, có nhiều người sống cả đời mà không biết *hỏi nhẹ, cười buồn*, vì muốn có thái độ, hành vi, phong cách này thì vừa phải có cái từ tâm của Phật, có cái tử tế của Khổng, có cái khiêm tốn của Lão.W.Carlos Williams dặn đời là mỗi lần được đọc thơ phải thấy được: *«Un univers complet en miniature. Il existe en lui-même. Tout poème de quelque valeur exprime la vie entière du poète, donne un reflet de ce qu’il est».* Một vũ trụ đầy đủ nhưng bị thu nhỏ lại. Nhưng chính nó tự tồn tại. Mỗi bài thơ tự nó mang giá trị của cả cuộc đời thi sĩ, nó là bóng soi của thi nhân. Từ bóng qua hình trong nhạc của chính mình, anh Sơn hoàn toàn không có sự thờ ơ với đời, lãnh đạm với tình, nguội lạnh với hẹn hò. *Hôm nay ta say ôm đời ngủ muộn. Để sớm mai kia lại tiếc xuân thì.* Nỗi lo chống lại sự thờ ơ, cái lãnh đạm, tư cách nguội lạnh không có chỗ đứng trong nhạc của anh, nỗi lo đã thành lời trong nhạc của anh. *Chiều hôm thức dậy. Chập chờn lau trắng trong tay.* Có bận có người hỏi V.C.Richez thơ có phải là một hành động không? Vậy hành động thơ là gì? Ông trả lời: *«Rassembler le silence. L’épuiser… Se gorger lentement du monde souterrain, des terres sombres d’un très ancien abri… Une parole de silence qui se perd en soi… S’avaler, se défaire, consentir à cette perte…».* Tập hợp yên lặng. Vắt cho tàn sức… Để tự nó nhễu thành từng giọt xuống lòng đất, trong miền tối tăm của một nơi ẩn trú cũ kỹ… một tiếng nói của yên lặng tự lạc đường… Rồi tự thoát, tự mở tung, để cuối cùng nhận cái mất mát này. Chuyện này sẽ không khó hiểu, vì anh Sơn đã tổng kết được nó, làm rõ thành từng lời (yên lặng) trong nhạc của anh. *Thừa đôi tay dư làn môi. Từ nay tôi quên hết tiếng người.*

Thơ, thở

Năm 1998, Khoá đưa Jacques Boulogne, một chuyên gia về cổ văn, cổ sử của văn minh Âu châu tới thăm anh, trò chuyện thật lâu, từ đầu tới cuối anh Sơn trao đổi bằng tiếng Pháp rất thoải mái; có lúc Jacques Boulogne hỏi anh về tình hình đất nước, anh trả lời: *«Trên cùng một đất nước, nhưng có nơi là đất chết, có nơi là đất sống, muốn sống phải có nội lực để sống còn, một force vitale, mỗi lần bị nhấn chìm là tự nó bật dậy, trồi lên, không ai làm nó chết đuối được, Sài Gòn đây là nơi có force vitale».* Tưởng đày đọa được nó nhưng không đày đọa được, cùng lúc có nhiều nơi trên đất nước này coi như đã chết hoặc sắp chết.*Đời sao im vắng*. *Như đồng lúa gặt xong*. *Như rừng núi bỏ hoang*… *Không còn không còn ai.* Khi rời khỏi nhà anh Sơn, đứng chờ taxi tới, Jacques Boulogne nói với Khoá rằng: *«Đất nước của bạn có được những đứa con tin yêu như Trịnh Công Sơn biết nhận định sắc nhọn về số phận của dân tộc mình, đây là một cơ may cho đồng bào của bạn».* P.Rozewicz tin là: *«… La poésie de nos jours est une lutte pour respirer».* Thơ thời nay là cuộc chiến đấu để thở, anh Sơn biết chuyện này, vì sáng tác của anh luôn bị đe doạ. *Trong tim tôi có lần. Một mùa ôi rất lạnh.* Thở qua thơ là chuyện không phải của thể xác, mà là chuyện của linh hồn, S.Mallarmé thấy hồn người trong tiếng thơ: *«Toute âme est une mélodie qu’il s’agit de renouer».* Mọi linh hồn trong thơ là một nhạc điệu nối được người với đời, khuyên ta thoát càng sớm càng hay kiếp vong thân, vong linh. *Còn bao lâu cho thân thôi lưu đày chốn đây.* Từ thái độ sống của mình, thơ đã thành hành động thật, J.Bastaire tin vào hành động này: *«Parole essentielle, libérée du bruit pour arriver à un* *silence qui parle»,* lời đã thành chủ yếu, giải phóng người khỏi tiếng động hỗn loạn để tới sự yên lặng đang nói, đang tâm sự với mình. Yên lặng biết nói là chuyện của thơ, cũng là chuyện đời nghệ thuật của anh vì nếu con người biết sống mà không biết yêu thương thì nên giữ yên lặng là hơn. *Hôm nay thức dậy*. *Không còn thấy loài người*. *Vây phủ quanh đời*. *Nói tiếng yêu thương… Như vừa mới vào đời*. *Tay mẹ đâu rồi? Nôi trống ru ai?* Nôi trống là sự yên lặng vừa tuyệt đối, vừa đáng sợ, P.Celan tìm cách định thần chuyện này: *«Le poème n’est pas intemporel. Certes, il élève une exigence d’infini, il cherche à se frayer passage à traver le temps - à travers lui et non par-dessus et toujours la* *tentation de trouver une direction».* Một bài thơ không vĩnh hằng. Chuyện đó đúng, vì chuyện thơ đòi hỏi không ai lường được, nó tự vạch lối đi của nó qua thời gian - qua nó và không trên nó - luôn bằng ý muốn tìm ra được một phương hướng. Trong nhạc của mình, anh Sơn lấy chữ *phù du* làm cầu nối cho thơ và thời gian. *Ôi! Phù du… một ngày kia đến bờ, đời người như gió qua.* Chuyện phù ducũng là chuyện của A.Suied thấy được trong thơ: *«Le poème ouvre le tremblement secret des âmes en éveil… Entre énigme et présence, le Poème énonce le destin et l’infinie liberté de l’aventure de chacun dans le monde inconnu et premier».* Bài thơ luôn mở ra một cơn động đất bí mật giữa những linh hồn đồng điệu, cùng nhau thức… giữa bí ẩn và hiện tại, bài thơ báo lên số phận và sự tự do vô biên trong cuộc thám hiểm của mỗi người giữa một thế giới chưa được biết mà ta gặp lần đầu qua thơ. *Bỗng tôi thấy em dưới chân cội nguồn, Nụ cười mong manh một hồn yếu đuối…* Câu chuyện *phù du, cười mong manh, hồn yếu đuối* chưa hết; giữa thơ và nhạc của anh Sơn, xuất hiện một ẩn số thứ ba là họa, anh Sơn thích vẽ, biết vẽ, có khi say vẽ, nhiều người đã thấy tranh của anh, nhưng hiếm người nhận ra anh vẽ ngay trong nhạc của anh, chẳng hạn như trong *Tuổi đá buồn,* rõ ràng portrait một cô gái cô đơn: *hồn lẻ, nghiêng vai, gọi buồn.* Loại câu sáu chữ, ba nhóm, mỗi nhóm hai từ này, tự nó đã đứng ở chỗ vừa sâu, vừa cao trong thi ca Việt Nam. Câu chuyện thơ để thở, thở bằng thơ cũng là chuyện của L.P.Fargue thấy được hành động thơ qua sức sáng tạo ra một cuộc đời song song cũng quý báu như cuộc sống hằng ngày: *«La poésie, cette vie de secours où l’on apprend à s’évader des conditions du réel, pour y revenir en force».* Thi ca, có cuộc sống bảo toàn thứ hai, nơi mà người ta học cách thoát ra khỏi điều kiện sống thực, để sau đó trở lại mạnh hơn. Anh Sơngiúp đời thấy được tình yêu, làm cho kiếp mình mạnh hơn, dạng ra*… Mặt đất âm u, ngày tháng hoang vu. Chợt thấy em qua, rợp bóng cờ…* Chuyện con người vững vai vóc hẳn lên qua thơ đượcRamos Rosa nhận định là: «*La poésie établit* *un rapport entre le réel et l’inconnu, en restant dans la vie, cet acte suggère une aspiration vers le haut, mais il tend pour y parvenir à la résolution des contraires»*. Thơ dựng được một quan hệ giữa cái thật và cái ẩn, giữ nó giữa đời, hành động này là chuyện thăng hoa, nó thực hiện được bằng cách xử lý các đối chấp. Nghe nhạc của anh người ta nhận ra: càng áp đặt chết chóc, chiến tranh, con người càng yêu nhiều, thương nhiều. *Yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ.* Yêu để cuộc sống dễ thở*.* Reverdy gọi thơ là *«bouche-abime du réel»,* miệng-vực sâu của cái thực*.* Cái thực biết nhận ra người, ra ta*.* V.Hugo có lúc thốt lên: *«C’est insensé de croire que je ne suis pas toi».* Thật không chấp nhận được nếu không tin tôi không phải là anh, là chị, là kẻ đối diện… Trong câu chuyện *suy bụng ta ra bụng người* này,anh Sơn luôn có cách nói âu yếm, thanh nhã hơn: *Tôi là em mà em cũng là tôi.* Trong nhạc của anh con người luôn nhận ra nhau, bằng trực diện.

**Dâng, nâng**

*«… Em cứ yêu con người, đời ngọt ngào vẫn thế. Em cứ dâng cho đời một nụ hoa tình cờ. Em đến bên tôi ngồi, đời mở ra cuộc tình…».* Yêu người vì yêu đời mà chính cũng để thương thân mình. Biết thương người, thương thân, biết dâng tặng đời là biết nâng cuộc sống lên, không để cuộc sống mất nhân tính; trong chiến tranh vừa qua có khi phải nâng cuộc sống lên từ vực thẳm, vực nó dậy từ hố sâu. Joyce xem hành động thơ như chuyện tiếp nhận trí thông minh của sự nổi loạn, nổi loạn để đòi tự do, chứ không phải nổi loạn để đập phá: *«la poésie, même lorsqu’elle semble à son plus fantastique, est toujours une révolte contre l’artifice, une révolte, dans un sens, contre la réalité».* Thi ca, ngay như lúc nó mang dạng giả tưởng nhất, nó luôn là cuộc nổi loạn chống chuyện vẽ vời, nó là cuộc đứng lên, nổi dậy, và trong một ý nghĩa nào đó, có chống lại thực tế*.* Người Việt nói viết văn, nhưng làm thơ, không ai viết thơ, làm đây là *làm cho ra chuyện*, theo cách của R.Daumal: *«La prose parle de quelque chose, la poésie fait quelque chose par des paroles»*. Văn xuôi nói về một chuyện nào đó, còn thơ thì làm chuyện đó bằng lời nói. *Ta thấy em đêm đêm đòi lại tiếng nói,* rồi thấy luôn *Nghe tiền thân về chào bóng lạ,* thấy được kiếp trước về chào tương lai mặc dầu lạ lẫm, vô định, vô phương. Nhạc của anh có sức mạnh của một loại siêu hình học luôn đi tìm lối ra cho tâm linh*. Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi?* Triết gia Bergson, tin rằng ý thức luôn là một kinh nghiệm thân quen, trực tiếp trong hạn hữu đời người, cái hạn hữu này là một dữ kiện trực quan của ý thức. Chuyện dân tộc lầm đường, biến những đứa con thành *bụi đời* trong lúc sống, rồi thành *oan hồn* sau khi chết là cuộc triển lãm đầu tiên về lối vào tri thức của chủ thể: thân là tro, đời là bụi, anh Sơn thấu hiểu thấu chân lý vô thường này của Phật học*. Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi. Để một mai tôi trở về làm cát bụi. Ôi cát bụi mệt nhoài. Tiếng động nào gõ nhịp không nguôi.* Nhưng lẽ sống của nhân sinh luôn tìm cách đi ngoài cái chết, vì cái chết luôn tìm cách diệt cho bằng được lý tưởng của các giá trị vĩnh hằng, làm được chuyện này cái chết đe dọa luôn các giá trị khác của sự sống, tạo sự căng thẳng giữa chủ thể và những giá trị của nhân sinh; anh Sơn thấy được chuyện này: *Còn bao lâu cho thiên thu xuống trong thân này?* Cái nhún nhường của Lão giáo đã thâm nhập vào các bài thơ-không phổ nhạc- ở cuối đời anh: *Đường dài vỡ mộng vô thường*. *Ta xin một góc ta ngồi với ta.* Carl Sandburg có cách giải thích thật lạ: *«La poésie est le journal d’un animal marin qui vit sur terre et qui voudrait voler».* Thơ là nhật ký của một con thú biển giờ phải sống trên đất liền rồi còn lại muốn bay. Thật ra chẳng có gì là lạ, đây là chuyện tự do của tư duy sáng tạo, chẳng có một chế độ nào, một ý thức hệ nào ngăn cấm được. *Xin cho ngục tù thành những công viên.* Lấy thơ dâng đời, rồi nâng cuộc sống *«dở sống, dở chết»* này, và nâng cả không gian tù rạc thành nơi quần chúng đến vui chơi, hẹn hò, anh Sơn đã làm chuyện này. Có lần Velter kể chuyện ngày thanh bìnhcủa tâm hồn trong thơ sẽ là ngày: *«L’oeil contemple le bleu du ciel, la vue réfléchit, l’azur profond du corps… par le coeur, par le souffle, par le haut, l’excès trouve son équilibre».* Mắt trầm mặc với màu xanh của trời, ánh nhìn biết suy nghĩ, màu xanh trong lắng thật sâu trong thân. Qua con tim, qua hơi thở, trên chiều cao, cái bị xem thái quá tìm được sự thăng bằng của mình. *Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt. Rọi suốt trăm năm một cõi đi về.*P.Eluard cũng nhấn mạnh thêm về hành động thơ luôn để lại: *«marges blanches, de grandes marges de silence, les mots du poète ne servent pas à dévoiler leurs sens immédiats mais à les contraindre à livrer ce que cache leur silence».* Những lề trắng, những lề lớn của sự yên lặng, chữ của thi sĩ không phải để vạch ra nghĩa tức khắc mà để ngăn hãm những gì mà sự lặng lẽ muốn giấu kín*. Buồn như giọt máu lặng lẽ nơi này.* Mambrino tin rằng: *«langage silencieux qui efface ses propres traces, pour qu’on entende ce que les mots ne disent pas»*. Một ngôn ngữ yên lặng còn biết xoá chính dấu vết của nó, để người ta nghe được những chữ không đọc được. *Mỗi vết thương lành một nỗi vui. Mắt cười mênh mông giữa đôi bàn tay.* Vết thương lành, nỗi vui, mắt cười, đôi bàn tay… tất cả đây là những chốn không lời và sẽ không cần lời. Pasternak nhận ra được cõi lắng này: *«la prose en action. La poésie est le langage du fait organique»*. Văn xuôi qua hành động. Thi ca là ngôn từ của cơ chất, tức là của ruột thịt. Baudelaire tự dặn mình: *«La poésie est ce qu’il y a de plus réel. C’est ce qui n’est complètement vrai que dans un autre monde».* Thi ca là cái có hơn thật, chuyện này hoàn toàn đúng ở một thế giới khác. *Mới hôm nào bão trên đầu.* Thấy được chuyện mà người khác không thấy, M. Edwards gọi đó là lực nhập nội của thơ: *«la poésie est le possible qui demeure possible, l’attente qui accepte d’attendre».* Thơ là chuyện có thể luôn ở thế khả thi, nó là cái chờ biết đợi*,* sáng tác của anh Sơn có sức nhập nội linh chuyển đó: *lòng thật bình yên mà sao buồn thế. Giật mình nhìn tôi ngồi khóc bao giờ*. Cendrars phạm trù hoá được lực nhập nội này: *«Chaque vie cache un destin, il y a des destins pour toujours, une épée tranchante. Parfois dans mes rêves, je vois la lumière de cet acier…».* Mỗi đời cất dấu một số kiếp, có những kiếp được sống hoài, như dao sắc. Có lúc giữa cơn mê, tôi thấy ánh lên chất thép của nó. Malcolme de Chazal chia sẻ được kinh nghiệm này : « *Le poète est un réaliste dans le plus haut sens spirituel du terme».* Thi sĩ là kẻ theo chủ nghĩa hiện thực trong cái nghĩa tâm linh cao nhất của nó. *Đường thật lặng yên mà sao buồn thế. Giật mình nhìn quanh ồ phố xa lạ.* Brodsky nhận ra một điều trong thơ: *«La poésie est essentiellement la recherche par l’âme de sa libération dans le langage»,* thi ca là cõi lùng tìm của linh hồn trong việc nó tự giải phóng qua ngôn ngữ. *Tôi là ai mà còn ghi dấu lệ… Tôi là ai mà trần gian thế… Tôi là ai mà yêu quá đời này.* Leclaire cảm nhận được nội lực này*: «c’est faire parler la langue au-delà du sens… La langue étrangère que l’on entend au fond de soi*» đủ sức nói được bằng ngôn ngữ trên luôn cả nghĩa của chữ, một ngoại ngữ mà người ta nghe được từ tận đáy hồn mình. *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui. Chọn tiếng ru con nhẹ bước vào đời… Mỗi ngày tôi chọn một lần thôi.* Nietzche thấy các triết gia mỗi lần nhập nội vào sự gay gắt của lý luận để tổ chức các quyết đoán trong lập luận của họ, là mỗi lần họ cần phải gần thơ để: *«les sentences des poètes pour donner à leurs idées de la force et de l’authenticité».* Để những câu đối của thi sĩ thổi vào ý triết một sức mạnh của cái chính thống. Thơ dâng đời để nâng thân, giờ thơ dâng triết để nâng người trước mọi thử thách của nhân thế.

Hôm nay ngày giỗ của anh Sơn, Khoá nhớ có lần anh kể về một câu trong nhạc của anh: *Này nhân gian có nghe đời nghiêng*, chỉ một người quý yêu ra đi mà cả thế giới bị nghiêng đi, nhân loại bị lệch qua hướng khác. Nhân đây, Khoá kể thêm một chuyện cho các chị, các anh nghe, mà Khoá chưa kể với ai là từ ngày anh Sơn qua đời, trong những năm gần đây mỗi lần đi công vụ đại học cho các đại học Âu châu, Khoá cảm nhận một điều rất lạ mỗi lần ghé Sài Gòn là nơi Khoá sinh ra, nơi mà Khoá được gặp anh Sơn, giữa cái ồn ào không ngừng nghỉ của Sài Gòn hiện nay, Khoá như người bị nạo trống trong lòng, cái trống vắng không sao bù đắp được, vì không bao giờ còn nghe được câu của anh Sơn: *«Về tới Sài Gòn rồi hả?».*

**

VớiĐinh Cường, Trịnh Công Sơn, Vũ Thành An



Với Văn Cao

****

Với Đinh Cường, Trịnh Công Sơn, Lữ Quỳnh

***Nhớ Bùi Giáng***

***Đã mở cõi thì đừng ngăn miền***

*Anh Cường, anh Cần, anh Tiên thân quý,[[1]](#footnote-1)*

Hôm nay, giỗ Bùi Giáng, Khóa nhớ lại một kỷ niệm cùng các anh, một đêm ngày hè tháng 8 năm 1987, tối đậm nhưng chưa khuya khoắt lắm, chúng ta đã tới thăm anh Giáng, trong căn chòi tàn hẹp, không tới 4 thước vuông, giữa một khu vườn, xóm Bà Chiểu, chòi chật, không đủ chỗ ngồi cho 5 người. Nhưng buổi gặp gỡ này đẹp vô cùng vì: *hội ngộ* đã thành *hạnh ngộ*, mà hạnh ngộ thì ngày càng hiếm hoi trong cuộc sống. Giới trí thức Âu châu cũng vậy, Khóa sống lâu với họ, Khóa biết họ cũng rất sợ: *les rendez-vous ne deviennent pas des rencontres», những cuộc hẹn đã không làm nên những cuộc gặp gỡ.* Bùi tiên sinh của chúng mình còn nói hay hơn, vì đúc kết rộng hơn, tổng kết sâu hơn, tổng luận cao hơn qua thi ca của tiên sinh mà không ai có được: *chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn*, chưa *sơ ngộ* mà đã chết, thì làm sao có *hội ngộ* để làm được chuyện *hạnh ngộ*! Mãnh lực của thi ca là ở đây, vì nó đã thống hợp được kinh nghiệm của nhân sinh trong khi tư tưởng chưa có lý thuyết gì để thuyết phục ta, trong khi triết học chưa có phạm trù lý thuyết gì hoàn chỉnh để duy lý hóa cho ta về chuyện này. Đứa con suốt đời nổi loạn của triết học Niezche, thấy rõ và cũng nói rõ chuyện này: *triết học suốt đời sống nhờ thi ca*. Vì vậy, câu chuyện chính về *thành nhân* trong cuộc sống của những người sáng tác như chúng ta không còn là: *thành công* qua bằng cấp, *thành đạt* qua nghề nghiệp, *thành tựu* qua kinh tế, *thành quả* trong xã hội, mà là *thành người* bằng các *hội ngộ* để làm được chuyện *tao ngộ*, để giữ *hạnh ngộ;* gặp được và hiểu được Bùi Giáng là một *hạnh ngộ.*

***Chai dầu nóng***

Đêm ấy, những phút đầu tiên của cuộc *hạnh ngộ* này thật lạ: Bùi tiên sinh *chụp chai dầu nóng* trên giường rồi mời mọi người: *«Mừng ngày hội ngộ, uống (rượu) cho thật say!»,* anh Tiên chận ngay*: «Đây là dầu nóng không phải rượu!»,* anh Cường cản: *«Dầu nóng uống không được!»,* anh Cần ngăn: *«Uống dầu nóng thì chết!»,* Bùi tiên sinh cười: *«Nếu không muốn say thì thôi!».* Khi ra khỏi chòi, sau khi chia tay với Bùi Giáng, anh Cần vừa cười, vừa nói: *«Hồi nãy thằng Bùi Giáng nó «dọa» uống dầu nóng là để «chọc» tụi mình chăng?»*, anh Tiên kết: *«nó vừa chọc, vừa giễu, vừa đùa, vừa cợt… cho vui mà!».* Giữa bạn bè, anh Giáng hay nói câu: *«giỡn cho dzui mà! ».* Năm 2007, anh Tiên gởi Khóa tập thơ của anh ấy vừa xuất bản tại Mỹ, trong tập thơ này anh Tiên nhắc lại một câu của Bùi tiên sinh mà anh rất thích:

*«Anh xin em* rỡn *một ngày*

*Rồi xin ngừng* rỡn *suốt ngày hôm sau».*

Khóa mới dần dần hiểu rõ hơn tư tưởng thi ca của Bùi Giáng về cuộc sống, nếu: *chọc, giễu, đùa, cợt…* Nói chung là *«rỡn* cho *vui»,* cho *vui-sống* để *sống-vui*, trên một đất nước nhiều chiến tranh hơn hòa bình, nhiều đàn áp hơn là bình yên, nhiều bạo đảng hơn dân chủ, nhiều bạo quyền hơn nhân quyền… thì tư tưởng thi ca này phải là trung tâm cuộc sống của Việt tộc, vì *«giỡn cho dzui mà!»* mỗi ngày cứu được đồng bào mình trong khổ nạn; trước bao bạo hành của bạo đảng, bạo lực của bạo quyền, sống mà không sao vui sống được, nếu không *chọc, giễu, đùa, cợt…* nói chung là *rỡn* cho *vui* thì làm sao sống được? Nhưng gần đây, nghĩ lại chuyện *«chai dầu nóng»* để *«mừng ngày hội ngộ, uống cho thật say!»* của Bùi tiên sinh*,* thì Khóa lại có một giả thuyết khác: đêm hôm đó anh Giáng cũng muốn *thử*, tức là muốn *cân, đo, đóng, đếm* về *tình người*, để nghiệm *lòng người* với nhau. Và nếu được *anh Tiên chận, anh Cường cản, anh Cần ngăn* thì tình bạn trong tình người còn, tấm tri ân còn dày trong lòng tri kỷ còn đầy. Nếu giả thuyết này đúng thì Bùi Giáng rất tinh tế, đây là giả thuyết đáng tin tưởng, vì ai được sống gần anh Giáng đều phải công nhận là Bùi tiên sinh rất thông minh, sắc sảo trong nhận định, những kẻ vô minh nói là *«Bùi Giáng bị điên»,* sẽ vô tri vì sống mà không có *hội ngộ*, sẽ vô giác vì sống mà không có *hạnh ngộ*! Cái thông minh -cao và sâu- của Bùi Giáng là biết sáng tác cho mình một số phận riêng, biết chế tác cho mình một cuộc sống riêng, rồi chấp nhận trả những giá rất đắt để đánh đổi được cái tự do -rộng và đẹp- mà rất hiếm ai có được một bản lĩnh nhân sinh quan, một nội công thế giới quan, một tầm vóc vũ trụ quan như vậy, nếu được chia sẻ thời gian để được sống với Bùi Giáng cái tự-do-số-phận này thì thật là *hạnh ngộ*. Không biết tự bao giờ, Bùi tiên sinh quyết định không nói *«tiếng thường ngày»* nữa mà chỉ *«nói bằng thơ».* Những ai thân quen với Bùi thi sĩ sẽ tiếp nhận được bao cơ may là tiếng nói của thi nhân đã được thơ đúc kết thành một *«tư tưởng sống qua thơ»*, một Việt ngữ hoàn toàn mới, với ngữ vựng loáng như chớp, ngữ văn táo bạo dựng ngang nhiên giữa tiếng người, ngữ pháp trào dâng như thủy triều bất chợt vụt cao, một trường hợp độc nhất của thi ca, của văn chương:

*Lỡ từ lạc bước chân ra*

*Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn.*

**Tấm (thân)**

Những năm Khóa tìm hiểu về Bùi Giáng, Khóa nhận ra cuộc sống của thi sĩ mỗi ngày tự nó là một thử thách: sáng sớm vừa đi, vừa nhảy múa, luôn có thơ trong lời, sức đủ cho thân thể từ Bà Chiểu *«bay nhảy»* tới chợ Bến Thành, đi ngang khu Tân Định, lên tận Chợ Lớn, khoảng cách tính ra không biết bao nhiêu cây số? Có người thấy và nói thi sĩ: *bị điên!* Nhưng những người nói câu này họ không biết là thi sĩ nhớ rất rõ địa chỉ của bạn bè văn nghệ sĩ của mình, tới thăm, khi chia tay luôn để lại những vần thơ trên giấy, rồi với năm tháng các bạn bè này thấy những vần thơ này quý biết bao. Tại sao quý? Với thời gian, nếu người đọc (tỉnh tâm), sẽ nhận ra trong các câu mà có vài kẻ (vô tâm) nói là *«vạ đâu viết đó»* của Bùi Giáng, nói lên sâu đậm các thăng trầm kiếp làm người, có luôn lời vấn nạn của cả một dân tộc bị đày đọa trong chiến tranh, giờ đây trong bạo đảng, có luôn số kiếp của thi ca luôn bị bêu xấu bởi cái tục của vô cảm, chỉ còn lại tấm thân của thi nhân, mà nhìn kỹ sẽ thấy bao bão giông, bão nổi trên *tấm thân* của mình:

*Tấm thân với mảnh hình hài*

*Tấm thân thể với canh dài bão giông.*

Mỗi vần thơ làm rõ cơn hỗn loạn trầm kha của tấm thân, cơn bấn loạn tới làm nên sức ép để đè *mảnh hình hài,* để dễ diệt *tấm thân thể,* không biết bao giờ thể xác mới được nghỉ ngơi, nhưng đó là lúc giúp thi sĩ đủ ý lực đẩy các *canh dài bão giông* vào sâu trong tư tưởng thi ca, để nhận ra trong chiều sâu này bao rạn nứt, những rạn nứt ngày càng thân thuộc, rồi thành thân thương với thi sĩ, làm thi ca gần hơn với (trái tim) người:

*Trần gian hỡi?*

*Tôi đã về đây sống*

*Tôi đã tìm đâu ý nghĩa của lầm than*

*Tôi ngẩng mặt ngó ngàn mây cao rộng*

*Tôi cúi đầu nhìn mặt đất thấp đen*

*Tôi đã đặt trong vòng tay vạn vật*

*Quả tim mình nóng hổi những chờ mong.*

Thi nhân nhận ra là có lúc phải gỡ ra từng mảnh cái thông minh luôn sáng tạo của thơ, biến nó thành lời tự thú, thúc dục nó làm sáng ra mọi khoảng trời, rồi dùng nó để *«thuần hóa»* mọi mệt mỏi, mọi chán ngán, tập sống hằng ngày như tập tành ngạc nhiên trước cuộc sống, để lời thơ thành lời giải thoát cái số phận mệt lả kiếp người*,* dù vẫn biết là sau lời giải thoát đó *bơ vơ* đang chờ:

*Hãy mang tôi tới dặm trường*

*Giết tôi chết giữa con đường bơ vơ.*

Luôn sẵn sàng với giải thoát để sẵn lòng với cô đơn, côi cút. Nói tâm trạng này là *điên*, thì quả là sai, nói ngược lại thì đúng hơn, đây là dạng sáng suốt của sáng suốt, tỉnh táo của tỉnh táo, thức của thức, Bùi tiên sinh tự khẳng định: *Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt.*

**Tìm: sơ**

Đi tìm cái *sơ*, vừa trong cuộc sống, vừa trong thi ca là đi tìm cái *nguồn ngầm* từ khi thượng nguồn chưa là thượng nguồn, ở đây thi từ của Bùi Giáng dẫn chúng ta vào *sơ ngộ* để thấy *sơ giao*, nhận dạng ra *sơ sinh* khi *sơ sinh* chưa có hình hài chuẩn định. Đoán trước để biết trước, biết trước để sống trước, nên thi sĩ có những câu rất sâu và rất đúng trong tình hình sau 1975, cả miền Nam tan vụn trong kìm kẹp, mọi người ai cũng tìm đường ra đi, nhất là văn nghệ sĩ, từ các trại học tập tới các trại di tản, giữa cuộc sống tự nhiên đã thấy vắng bạn bè:

*Ruộng đồng chưa thể đoán ra*

*Rằng trong ý bạn là ta lên đường.*

Trở lại thi từ *sơ*, có từ thủa nào trong sáng tác của anh Giáng: *sơ xuân*, nhận diện ra xuân trước khi xuân đến, để thấy thật rõ: *xuân tinh thể,* trong dạng tinh suốt, trong dáng *«tin xuân»* của nó, hình chưa đọng lại, chất chưa đặc lại, tên cũng chưa có, nhưng lực đã chuyển động. *Sơ ngộ, sơ giao, sơ sinh, sơ xuân,* Bùi Giáng sẽ từ từ dắt ta tới *sơ nguyên,* để thấy cái tiền đề vô hình trước mọi cái được gọi là: *nguyên thủy*, khi rễ chưa là rễ, chưa có dạng, chưa mang hình, chưa rõ tướng, chắc không ai dám đặt tên, gọi tuổi, nhưng thần sắc nó đang bật dậy. Tại đây thi ca đưa ngôn ngữ đi thật xa, xa hơn tư tưởng, vì không qua đèo lý luận, không qua núi lập luận, nhưng *thi tính* đã nhận ra *cái đẹp*, nhận luôn ra cả màu sắc của *sơ nguyên*, khoai thai giữa càn khôn, biết sực tỉnh giữa sơn hà, để *nhạy-thức* trước những sự sống chưa được sinh ra:

*Bể dâu sực tỉnh sơn hà*

*Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh.*

Nhận thức nhờ *nhạy-thức*, thấy trước cả tất cả các sơ sinh của sơ sinh, chưa định hình, chưa lộ tướng, phân tâm học tri thức **sẵn** sàng tạm thời nêu tên nó là sự *thông minh của ý thức*, ý thức rõ chuyện *chào đời* của mọi sự vật, khi sư vật chưa là sự vật, thế mà thi sĩ đã thấy *sức sống* của nó: *sức sống trước khi sự sống chào đời.* Thi ca thấy trước, cuộc sống thấy sau, hình như đây là thử thách trong cả đời của anh Giáng; mọi mô hình, mọi quy tắc, mọi phạm trù của tính toán thực nghiệm, toan tính của khoa học, khó đi xa hơn sự *nhạy-đoán* của thi sĩ:

*Hãy đem tôi tới ngoài xa*

*Giết tôi chết giữa màu hoa trên ngàn.*

Thế giới thi ca của Bùi Giáng không có xã hội thực dụng của con người, không có tổ chức thực tại của nhân sinh, nhưng nó mang đầy nhân tính, đây là dạng thơ siêu hình học mà Bùi Giáng có vị thế bậc thầy, thầy trong thoải mái, vì có những bậc thầy rất căng thẳng, cái nghiêm ngặt của họ biến thành cái nghiêm trị, làm xung quanh phải *«khó thở»* theo*.* Thơ siêu hình học của anh Giáng *«dễ thở»* nên *«dễ sống»* dài lâu trong tâm tưởng chúng ta.

**Chủ thể không chủ đề**

Chúng ta được quyền tránh xa loại thi ca cứ tuyên bố *chủ đề* nhưng lại không cho ta thấy rõ *chủ thể* của tác giả trong chủ đề nêu ra; chủ thể hiểu theo nghĩa là tác giả dùng tự do trọn vẹn trong tự chủ toàn vẹn để sáng tạo ra nhân sinh quan của mình trong thi ca, nên khi chúng ta trân quý thơ của anh Giáng vì chúng ta luôn luôn thấy chủ thể Bùi Giáng trong ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp của anh ấy, mà tác giả không cần đặt tên cho nó, tức là nêu chủ đề cho mỗi bài. Như vậy, Bùi Giáng không những *«đủ là thi sĩ»,* mà thường xuyên *«dư sức làm thi sĩ».* Chủ đề chỉ là hậu quả của hành động thi ca, còn chủ thể mới là sáng kiến làm ra sáng tạo, làm ra sáng tác cho thi ca, mà muốn có sáng tạo không những phải biết *«xé rào»* mà còn phải có đủ bản lĩnh để *«chặt xiềng»,* đủ nội công để *«phá tù»,* đủ tầm vóc để *«đập thành, phá lũy»* của thông lệ, của thói quen, của đường mòn. Bùi Giáng đã làm trước mắt chúng ta tất cả các chuyện này: *Tìm xa vắng bên kia bờ đổ vỡ.* Nhận số phận *thức trước-thấy sớm*, lấy tự do của thi ca để chắn lại bước đi của vô cảm, thấy luôn cả *bên kia bờ đổ**vỡ* của kiếp người còn cả một vũ trụ mới lắm mà tâm khảm của thi sĩ đủ lực để kham được cả vũ trụ này: *Gió phương trời về ủ mộng giữa hoa tâm.* Nhập nội vào vũ trụ quan này sẽ thấy được bao vũ trụ khác, đang chung dựa nhau để sống, để chuyển hóa, để vận hành, để thao tác, luôn sinh động trong *trực-cảm* của thi nhân: *Ba phương trời về chung gục bên giông.*

Hành tác thi ca của Bùi Giáng mãi mãi sẽ là một chuyện lạ trong văn chương Việt, mà chuyện lạ nhất là xã hội bên ngoài không quen biết thi sĩ, thì nhìn thi sĩ như kẻ điên, cuồng ngôn vì cuồng tâm, còn những ai đã đọc thơ của Bùi Giáng, đã biết con người của thi sĩ thì ai cũng trân quý, thương yêu Bùi Giáng. Những người yêu quý thi sĩ, họ tự lập ra những đường dây tương trợ trong hệ đoàn kết, mà *xã hội học nghệ thuật* cùng *triết học nhân cách luân lý* đặt tên nó là *mạng lưới của lòng tốt (réseau de bonté),* giúp thi sĩ vượt qua nhiều thử thách của cuộc sống trong những năm khó khăn nhất của đất nước sau 1975. Chuyện lạ của tình người này dựa trên một chuyện lạ khác của thi ca: thi sĩ tự nhận mình điên, thường dùng lời lẽ của kẻ điên để sáng tác, kèm theo một loại *ngữ văn dầy ẩn ngữ*, một *ngữ pháp đầy ẩn dụ*, vậy mà kẻ thưởng thức thơ không bị dội ra, lùi lại, khựng thân, mà vẫn tới và vẫn yêu thơ của Bùi thi nhân: *Xóa hướng thời gian trong ẩn ngữ.* Họ yêu thi sĩ vì họ cảm nhận, họ nhận thức, họ hiểu được tấm lòng của Bùi Giáng, vì biết thi sĩ luôn trân quý sâu đậm cuộc sống, thương yêu cao rộng con người, ngay trong *nạn-kiếp* của mình. *Tâm cảnh* của thi nhân đã làm nền cho *đồng cảm*, mở rộng cửa để đón tha nhân, để người gặp được người. *Ngôn ngữ học sáng tác thi ca*, hiện nay đang muốn ngừng thật lâu với *xã hội học tiếp nhận nghệ thuật*, cùng nhau chia sẻ và chế tác ra một phạm trù lý luận về sáng tác để lập luận trên *sức bập mở của ý thức tập thể*, đủ tầm vóc để nhận ra trong *thơ điên-vần cuồng* làm lộ ra cái *ý thức hội tụ* để mọi người có thể gặp nhau được tại một chân trời mới hơn, một chân trời *hay, đẹp, tốt, lành* của nhân tính, mà nhà xã hội học và triết gia Habermas đặt tên là: *la fusion des horizons (nơi hòa quyện các chân trời)*:

*Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyên vẹn*

*Hết tâm hồn và hết cả da xương.*

Càng thức khuya với Bùi Giáng thì càng biết rõ buồn vui không còn là cảm nhận do ngoại cảnh đưa tới, mà đã vào máu xương của thi sĩ, sống chung, sống cùng với thể xác, nhập nội vào thể chất để có lực mà chia sẻ với cuộc đời:

*Buồn vui như thể thân mình*

*Ai chia nửa máu ai giành nửa xương.*

Không *«nạo hồn, vét tâm»* cùng buồn vui với anh ấy, thì sẽ không hiểu tới nơi tới chốn lãnh địa mà thi sĩ gọi là chốn *điêu linh*, nơi đây là nơi con người không kiểm soát được chuyển biến của số phận của mình, vì *điêu linh* vắt não, vùi dập *tâm linh:*

*Ta cứ ngỡ đùa vui trong chốt lát*

*Nào ngờ đâu đùa mãi đến điêu linh.*

Không ai có thể *«cầm dao đằng chuôi»* với *điêu linh*, Bùi Giáng dặn ta đừng *tưởng vọng* mà Phật học đặt tên là: *vọng tưởng,* bắt đầu bằng *vọng ngoại*, đi tìm ngoại cảnh để buồn vui, thì nội tâm làm sao yên được, sau đó sinh ra *vọng động,* cứ đi tìm cảm xúc bằng ngoại cảnh, cuối cùng sẽ rơi vào *vọng loạn*, điên tâm, đảo trí, loạn lòng, mà chủ thể của *vọng,* của *tưởng,* sẽ là nạn nhân của chính mình. Nhưng hình như *tưởng vọng* của Bùi thi nhân không phải là *vọng tưởng*, vì *tưởng vọng* là tư tưởng của tự do, luôn đi ra ngoài, đi xa, để thở ra trời cao, ăn trái lạ để lấy sức cho tự do, chỉ có tự do mới kham nổi nhân phẩm, vì cuộc sống sinh nhai vốn là tù đầy nhân sinh, làm thế giới quan quên bẵng đi là phải giữ nhân sinh quan như giữ nhân phẩm: *«Nous sommes condamnés à être libre»* (Sartre), *chúng ta đã bị kết án phải luôn ở thế tự do.* Tư tưởng tự do thoi thóp trong một bối cảnh ngặt nghèo của một đất nước không có tự do, thì tư tưởng tự do phải biết hóa thân thành *ý lực tự do,* hóa thân ra muôn hình vạn tướng thì đã là tự do rồi, Bùi Giáng viết rõ về phạm trù này: *đa dung mạo* luôn sánh đôi cùng *đa nội lực,* đây là bản lĩnh của tự do, mà cũng là nội công của trí thông minh của con người biết mình là ai trong liêm sỉ của tự do; vì mất tự do tức là đã mất *nhân cách*, không có nhân cách làm sao có *tư cách*, thì đừng mong nói tới chuyện *phong cách*. Mà phong cách là thi đạo của Bùi tiên sinh đúng như Phạm Duy đã thấy khi nhận ra thi từ của thi sĩ biết: «*sống hết mình»,* những ai nói thi sĩ này điên, nên cẩn trọng, một trong định nghĩa của điên loạn là sống trong *«tranh tối, tranh sáng»* mà *«lấy hư làm thực»,* còn Bùi Giáng thì sáng suốt tới độ lấy cuộc sống làm sân khấu, lấy sân khấu cuộc đời để *«khai thị»* những kẻ *«tỉnh trong mê»,* vì ông đã *«rời mê, ra tỉnh»,* nên ông có cái sáng suốt mà không ai có: *Cõi điên vũ trụ tùy nghi tung hoành*, tự do tung hoành vì tự do này do chính mình tạo ra, mà không mong cầu một chế độ nào bố thí, không van xin một đảng phái nào ban bố! Nếu một người điên mà trong *cõi điên* đã tìm được *hạnh phúc thần tiên ở đời* cho mình, thì chưa chắc họ điên, nên những người *«tự cho là mình tỉnh»,* nên suy nghĩ lại; nếu người điên có nhiều tự do hơn những kẻ *«tự cho là mình tỉnh»*, thì những kẻ này hãy định nghĩa hạnh phúc là gì đã? Còn đây là đình nghĩa của thi sĩ:

*Điên duỗi dọc, điên ngửa nghiêng*

*Điên là hạnh phúc thần tiên ở đời.*

Trên sân khấu *giả điên*, thi sĩ còn có một tự do khác mà hiếm người có: *chết đi sống lại vẻ vang,* trong một lựa chọn đầy ý thức: *Điên rồ lừng lẫy chết đi sống lại vẻ vang*, anh Giáng không *«cào cào, xới xới»* trên mặt đất, mà anh ấy đào thật sâu nhân sinh để nhìn nhân tính, để nhận diện ra *thiên thu vạn kỷ,* để trực diện với *suốt thiên thâu.* Anh Giáng viết rất rõ chuyện này bằng tiếng pháp: *«Je fais de la poésie dans une crise de folie, c’est-à-dire que je suis déjà mort deux ou trois fois dans cette bataille du vivre», tôi làm thơ trong điên dại, có nghĩa là tôi đã chết hai ba lần trong trận sống.* Anh ấy không sống *«vật và, vật vờ»,* anh sống qua *trận (sống),* trong trận mạc này có sống và có chết, con người của thi nhân nhập vào bối cảnh suy kiệt của đất nước, số phận sinh ly của Việt tộc. Cả hai quyện làm một, trong thơ thì anh ấy không kể gì về chiến tranh làm quê hương chúng ta điêu tàn, nhưng qua thi từ của Bùi Giáng, chúng ta hít thở, rồi trầm luân với anh ấy qua bao đổ nát của giống nòi. Phải thấy tâm hồn Việt bao lần tàn lụi, mới đủ lực đi tìm *cội nguồn* của *mối buồn Việt*:

*Người điên mang một mối buồn*

*Chưa bao giờ biết cội nguồn từ đâu ?*

Từ chủ thuyết luận ngữ của Aristote cho tới tính hiệu học cận đại đều thống nhất là: một thông tin thường phải theo một mô hình *văn tự* (chủ từ, động từ, túc từ); nhưng thông tin là truyền đạt không những qua *ngữ vựng* mà còn qua *ngữ văn* liên minh ngữ vựng và ngữ văn lập ra *«chiến luật»* cho *ngữ pháp*, để *nhắn, gởi, trao, truyền* nội dung của tác giả truyền thông tới đối tượng truyền thông. Nhưng trong công trình nghiên cứu của Shannon và Weaver (1948) thì tính hiệu của mô hình văn tự trong truyền thông có sức lan tỏa từ *gốc, rễ, cội, nguồn* của thông điệp cho tới tận *tâm trạng*, làm nên *tâm lý*, sinh ra *tâm cảnh* của người tiếp nhận thông tin, nó còn có tác động luôn tới cả môi trường sống rồi chuyển hóa luôn cả bối cảnh của môi trường đó. Grice (1957) rồi Sperber và Wilson (1986) còn đi xa hơn nữa: một thông điệp của ngôn ngữ, qua thi ca hoặc qua chính luận, có thể phá các bức tường của các ngữ vựng, các rào cản của ngữ văn, để tiến tới và tiếp cận một tổng thể giữa các chủ đề đang có mặt trong cuộc sống. Từ đó tạo ra sức liên kết hỗ tương giữa các thông điệp mà: *chính ngữ* sẽ ở thế yếu so với *ẩn ngữ*, đây là chuyện hoàn toàn đúng cho số phận các thi nhân của Việt tộc đã và đang bị sống trong đe dọa, kìm hãm, tù ngục, ám hại do độc quyền của độc đảng tạo ra. Hoàng Cầm, Trần Dần… đã sống và đã thở trong *ẩn ngữ* để luôn gởi các thông điệp của thi ca tới cuộc sống, Anh Giáng hiểu rõ chuyện này: *xoá hướng thời gian trong ẩn ngữ.* Trong *ẩn ngữ* của thi sĩ không hề có chuyện trốn tránh, lo sợ, mà ngược lại là chuyện *«xé màn đêm»* để người không quên mặt người, đây là chuyện sống chết, không hề chuyện tháo lui:

*Đem tôi đến giữa màu đêm*

*Giết tôi chết giữa người quên mặt người*

**Đời (bằng) thời**

Bạn bè của Bùi Giáng rất rõ là anh ấy biết giữ thời gian cho *«tịnh chân, tịnh khẩu»*, ngồi yên không ra đường, *tịnh thần* để không vọng ngoại, để nghiền ngẫm về cuộc đời và cách sống, tức là phải nghiền sâu nghĩ kỹ quy luật của thời gian. Nhất là hai loại thời gian: loại thứ nhất *«gậm nhấm cuộc sống»,* loại thứ hai *«nuốt chửng cuộc đời»,* cả hai loại này đều *«bòn sinh, rút lực»* của chúng ta, vì chúng *«đốt gan, thiêu mật»* ta, nên ta mới rơi vào cảnh *«bầm gan, tím mật»* với thời gian. Nhưng phải trả cái giá này để thấu ba chuyện đang có trong não bộ của ta: *Thiên thu, Hư vô, Hữu thể.*

*Thiên thu lời tạ bên lời*

*Hư vô hữu thể bên đời ngũ yên*

Đừng lấy *Thiên thu* để kình chống lại với *Hư vô*, để *Hữu thể* thực sự có mặt với thời gian, để tiếng nói của thi nhân có mặt không mệt mỏi trong thi ca, ở đây có nên định nghĩa sức mạnh của thi ca là *tòa án* để xét nghiệm thời gian, ngay trong cuộc sống, giữa lòng cuộc đời. Thi ca còn muốn đi xa hơn nó muốn làm *chứng nhân* của thời gian, của cuộc sống, của cuộc đời, vì một bài thơ hay luôn biết sống lâu, có tuổi thọ cao, có cái dẻo dai vô định của nó. Như vậy, nhờ thi ca mà thời gian được nhớ, được ghi, tức là *được sống*, nghĩa là *chết đi sống lại* được*,* quy trình sáng tác thi ca luôn là quá trình sinh sản ra ánh sáng mới để làm mới cuộc sống, có khi chính thi nhân đi lạc trong quá trình đó:

*Viết thơ lạc dấu sai dòng*

*Viết trong tức tưởi sợ đồng lúa mong.*

Cấu trúc của bản chất thi ca luôn tìm cách: cô đọng hóa thời gian, để nhận rõ sức sinh động của cuộc sống, thi ca muốn đại diện cho hiện tại của hiện tại*, muốn* có mặt *để* đối mặt *với thời gian,* khi *chấm ngòi bút*, khi *viết ra câu*:

*Chấm ngòi bút sắt se vào mực*

*Viết ra câu thúc dục sương mù*.

Những khi thi nhân đi lạc trong quá trình này, thì Bùi tiên sinh tự thú:

*Bây giờ tôi ở nơi đâu*

*Chớp đầu thời đại mất đầu thời gian.*

Bùi Giáng là thi nhân hiếm của Việt tộc, đã đi qua lại thoải mái giữa *thơ siêu hình học* và *thơ thuật cảnh,* để nhận diện ra nội chất của thời gian, vì *thời gian tính* luôn có sức giải luận cuộc sống, thời gian bền nhưng thời gian *vô thường*, nắm cái vô thường để biết sâu về cái *vô ngã*, cái tôi phải biết nhún nhường, cái ta phải biết khiêm tốn, để cùng sánh bước với thời gian, cái tôi tự khiêu và cái ta tự mãn không hề có chỗ đứng trong thi ca của anh ấy, cái tôi phải biết *tự tan*, cái ta phải biết *tự khuất* để trực diện với thời gian:

*Thời gian chắn bước bên chiều*

*Khóc sông bến lạ mưa nhiều sớm xuân.*

Nếu thơ tìm ra được nội chất của thời gian như một loại chủ thể vô hình, nhưng đủ lực để lý giải cuộc sống, theo biến thiên để biến dạng, vậy cho nên thi sĩ không dễ dãi lấy các khuôn mặt đẹp của thanh xuân mà khoe khoang trước thời gian, với thời gian nhiều khuôn mặt đẹp đã thành mặt nạ, tự rơi, tự biến. Nhưng anh Giáng không muốn rơi vào mô hình luận giải của sinh, lão, bịnh, tử của Phật học, anh ấy muốn đánh thức chúng ta trên một chủ đề khác: nhận diện thời gian qua thể phách như sử lịch, nhìn cuộc sống như một chuỗi ngày dài của hẹn hò, chuỗi ngày đó biết sống, biết nghĩ, biết suy, sẽ thấy Suối Thề:

Ầm trang sử lịch xô đè

Tóc đầu rơi xuống Suối Thề lại dâng.

Phạm trù Suối Thề làm cuộc sống cao hơn, làm cuộc sống đẹp ra, vì thông minh của nhân sinh là biến: ngày thành hẹn, còn chuyện lão, bịnh, tử hãy tính sau! Sống đầy để sống đủ đi đã, vì thời gian thật kinh khủng, vì nó “mới chào xong đã xin đi ngay”:

*Tin vui giục giã hai bờ*

*Nỗi buồn chết gục từng giờ đi qua.*

Mũi tên thời gian, vừa nhanh, vừa không bao giờ quay đầu lại, không hề có chuyện đảo ngược tình thế với thời gian, Bùi Giáng còn nói rõ chính bản thân, bản thể của thời gian cũng đang tan biến trước nhân sinh: *Đứng trên bờ nghe rã mộng trong tay.* Những bạn thân tình với thi sĩ, biết là thi nhân thường *xuôi thân* nằm trong các nghĩa trang xung quanh Sài Gòn, *rong thân* để nằm chung rất ung dung với những người đã qua đời. Không nằm trong mặc niệm, mà nằm với sức tỉnh táo của *thiền*, lực sáng suốt của *tuệ,* loại tuệ giác biết thanh bạch hóa cuộc sống qua *nắng lạ: Người nằm ngủ thấy gì* / *Thấy thật nhiều nắng lạ.* Nếu biết *xuôi thân* để *rong thân,* thì phải chọn kiếp *sống phiêu* bồng để hưởng *ngàn trăng,* đây là định nghĩa thật đẹp về tự do của Bùi tiên sinh:

*Ngày mai cá sống phiêu bồng*

*Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi.*

**Ngẫm (bằng) thân**

Có lần anh Tâm[[2]](#footnote-2) đưa hình ảnh một Bùi Giáng: *nhà thơ tự hủy (poète autodestructeur)* mà lý lẽ của anh ấy là một *hồn thơ bị vây khốn (une âme poétique encerclée)[[3]](#footnote-3)*; nhưng có *tinh lực rực lửa (force de plein feu)* trong cái *tồn sinh tinh mật (existence de naissances d’essences pures)*[[4]](#footnote-4)*.* Nếu nhập lại các nội chất vào chung các nội lực này với nhau, ta sẽ thấy nó lộ trong khuôn mặt của thi nhân:

*Giã từ cõi mộng điêu linh*

*Tôi về buôn bán với mình phôi pha.*

Trong cái *mộng điêu linh* giữa cái *mình phôi pha,* chúng ta thấy được *chủ ý* của thi sĩ, nhưng chúng ta cũng biết là thi sĩ không có *chủ đạo,* vì không sao *chủ động* trước biến thiên*.* Thân người là nơi giằng co giữa mộng và thực, nơi căng thẳng giữa thân và thời, có giằng co và có căng thẳng thì chắc chắn là có xâu xé, thi từ của thi nhân không phải là chuyện hững hờ đi qua, lãnh đạm đi ngang, mà là *tâm huyết đi xuyên* qua các giằng co, các căng thẳng, các xâu xé để nhận diện cuộc sống, để nhìn lại hình hài. Đây là tính khác biệt căn bản giữa những kẻ không quý thơ vì không biết nội lực của thơ; và những ai yêu thơ vì thấu rõ nội công của nó trước cuộc sống. Trên hình hài của mình thi nhân chỉ cho ta thấy dòng thời gian khôn xiết, hợp lưu những biến cố, phân lưu những trôi nổi, anh Giáng gọi tên nó là *«trận sống»,* vì trên thể phách của người, ta thấy hiện ra *tàn xiêu, hoang liêu*:

*Cõi đời phút chốc tàn xiêu*

*Máu tim bất chợt hoang liêu tận cùng.*

Đừng đi tìm cứu cánh của hình hài, cũng đừng chăm lo hướng đi của thể phách, mà cứ nghiền ngẫm thật kỹ, thật sâu chất sống giữa nhân sinh, chất sống giúp ta gây dựng lại hình hài trong *mòn rỗng,* giúp ta ráp nối lại thể xác trong *rã riêng,* nhìn lại thể phách để nhận ra lối đi của cuộc sống, của chủ thể đang đi về cái chết, nhưng sống mà không bị nạo rỗng bởi cái chết, luôn tỉnh táo nhờ chất sống, dù đã quá mệt mỏi:

*Máu trong mình mòn rỗng*

*Xương trong mình rã riêng.*

Đừng bắt máu xương làm đối tượng phân tích cho một loại tư tưởng chỉ biết nói về cái chết, đừng bắt hình hài làm đối tượng diễn luận cho một loại thi ca chỉ thấy nhục hình, mặc dù chuyện thấy thân thể là *tù ngục,* thấy *ê chề* tấm thân*,* là chuyện có thật:

*Máu xương tù ngục mang về*

*Với mong ước đã ê chề với thân.*

Đừng bắt các thi từ: *tù ngục, ê chề* phải biến thành chuyện phản xạ của bi quan để *«gieo mần, tạo hạt»* cho chủ thuyết chủ bại, mà phải thấy rất sáng suốt là: càng sống càng thấy cuộc sống hủy thiêu hình hài, sống đời để hủy kiếp, nhưng phải sống vui với thân tàn, đây là chuyện thực của Bùi Giáng. Càng sống càng phải nhận thức rõ manh mối này, thì đừng quên chuyện: *dấn thân,* để sống sâu sắc với hiện tại, để thấy sát na là *tuyệt vời,* hiện tại là mầu nhiệm:

*Mênh mông quá khứ xa rồi*

*Chừ đây hiện tại tuyệt vời dấn thân.*

Nghiền ngẫm thi từ của Bùi Giáng để thấy thời gian đang nạo rỗng thân xác là chuyện có thật, nhưng chuyện thật hơn là hình hài này của thi nhân đang tìm cách thoát khỏi lãnh địa của cái chết để nhận diện ra cái *vô tận* vẫn *cuồng điên* sống, đây vừa là điểm hội tụ (tạm thời), vừa là điểm dị biệt (sâu xa) giữa Hàn Mặc Tử và Bùi Giáng:

*Nhìn anh bể cạn sông mòn*

*Kéo dài vô tận vẫn còn cuồng điên.*

Bùi Giáng gần với Montaigne lắm! Trong cái chầm chậm của tan biến hình hài: «… *mais, conduit par sa main, d’une douce pente et comme insensible, peu à peu, de degré en degré, elle nous roule dans ce misérable état et nous y apprivoise; nous ne sentons aucune secours, quand la jeunesse meurt en nous…*»[[5]](#footnote-5), *rồi nó dắt dìu ta, cầm tay ta, trên dốc êm, tưởng là vô cảm, nhưng dần dà, từ mức này tới độ kia, nó lăn ta trong một trạng thái khốn cùng, nó lấy ta, nó gặm ta, chúng ta không cầu cứu được, khi tuổi trẻ chết trong ta....*

**Cố (của) quận**

Cuộc đời Bùi Giáng có những *«gián đoạn»* thật lạ lẫm, trong thơ của Bùi tiên sinh thì ca từ: *cố quận* (làm anh Cần phục lắm, anh cứ nhắc hoài!) là có *sự cố* của nó, giữa thế chiến thứ hai thế kỷ qua, thi sĩ rời bỏ thi đàn về quê xưa (*cố quận* chăng?) để *«chăn trâu»,* chuyện sinh nhai xin được loại ngay ra mọi giả thuyết, vì gia đình anh ấy là loại *«có của»* tại Quảng Nam, ngược lại phải tìm ra chất thơ của chuyện *«chăn trâu»,* để hiểu chuyện *cố quận* có mang cả linh hồn của thiên nhiên: *Tôi lớn lên giữa linh hồn cỏ mọc.* Trở về quê mình không phải nhất thiết là chuyện *«về nguồn»,* mà là một *lộ trình phải có* trong cái *quá trình phải sống*: sống hay tại chỗ để sống đẹp mọi nơi. Về quê đâu phải là chịu *kiếp ẩn sĩ*, phải gạt đời đi để *mai danh ẩn tích*, mà chỉ để sống thoải mái sâu, ung dung rộng, thong dong cao, thật tự nhiên giữa thiên nhiên, đây là một trong những định nghĩa thông minh của nhân tri khi nhận diện được: nhân sinh trong môi sinh*.* Bùi Giáng là thi sĩ rất thành công trong thể loại: *nửa độc thoại-nửa đối thoại,* về quê hương, trong chuyện trở về của anh ấy, đã sẵn có chuyện anh đã từng đi thật xa:

*Hỏi rằng người ở quê đâu?*

*Thưa rằng tôi ở rất lâu quê nhà.*

Giữ một nơi, chốn, gốc, nguồn như giữ một cánh cửa lớn để khi mở ra sẽ thấy mọi chân trời lớn, *cái vui tại chỗ quê mình*, không hề là chuyện đóng cửa bỏ nhân sinh, nó là chuyện đi lại tự do trên cõi đời này, xa quê rồi về quê là chuyện bình thường; ngược lại với là *lưu vong* thẫn thờ như *bụi đời*, rồi lê thê trên đất người như *oan hồn* mới là chuyện đáng sợ. Bùi Giáng đi về rất vui trong cái duyên dáng riêng của anh ấy:

*Người hỏi tôi: «từ đâu ông đến đây ?»*

*Thưa cô thôn nữ từ đây tôi về.*

Trong quê mình, của *cố quận*, có cái thông minh rất *vẹn duyên* của một tấm lòng, chắc như lý luận của thực nghiệm, vững lập luận của trải nghiệm. Cái *«về đây thu xếp lại»* của Trịnh Công Sơn, trong một trật tự tâm linh mới của mỗi người, thì Bùi Giáng thu xếp mọi vọng loạn giữa cố quận, thu gọn lại luôn các ước mơ, đặt lại các loạn động của cuộc đời; kể cả các hỗn mang của chiêm bao:

*Hỗn mang về giữa quê nhà*

*Bây giờ cố quận tên là chiêm bao.*

Bùi Giáng nhận chuyện *xa xứ*, nhưng không nhận chuyện *chết xa xứ*, tên có thể là bụi, nhưng thân phải là quê, cái bụi rộng như *«Biển-Dâu-Ngàn»,* nhưng không được làm mất cái *quê*:

*Hỏi tên, rằng: «Biển-Dâu-Ngàn»*

*Hỏi quê, rằng: «Xứ mơ màng» đã quên.*

Cái *«quên quê»* là cái đáng sợ! Biến cái *«nhớ quê»* thành tranh đấu, tranh đấu để *chống quên*! Cái *«quên quê»* bị đứt rễ, cái *«nhớ quê»* muốn giữ trọn rễ. Cái *«quên quê»* lấy cái chung vô định xóa cái riêng *«nhớ quê»* muốn giữ trọn rễ trong não bộ*,* Bùi thi nhân không để cái *«ở đây sương khói»* làm *«mờ nhân ảnh»* như Hàn Mặc Tử, vì trong *cố quận* của anh ấy có bao *tiền nhân* hiện diện khắp các chân trời, có *cổ nhân* luôn ở trước mặt, không hề ở sau lưng ta, họ làm nên vai vóc các chân mây:

*Mưa có lạnh nhưng chân trời còn mãi …*

*Giòng sông đi cho nước nói ngàn ngày*

*Hôm nay tôi kiếm củi trong rừng*

*Lạc mất đường về*

*Sực nhớ rằng đây rừng rú thẳm*

*Là quê thân thiết biết bao chừng.*

Cố quận là gốc của cái *quê,* là lãnh địa rộng để mọi cuộc đời được ngơi nghỉ, đó cũng là cửa đời, nguôi nghĩ để lấy sức đi tiếp, đi xa; nó là địa bàn thảnh thơi của vũ trụ, nó là vũ trụ ung dung của các hoài bảo, nó giữ rễ cho tha nhân, nó giữ mật cho nhân sinh.

**Bể dâu riêng**

Muốn nhập nội vào vũ trụ quan riêng của Bùi Giáng, thì trước hết phải quên chuyện bến bờ, gạt qua các biên giới, bỏ lãnh thổ để nhận vô biên, vũ trụ quan thi ca này không nhận những giới hạn của kích thước, những trói buộc của chuyện *cân, đo, đong, đếm* làm vũ trụ quan bị xơ cứng, anh Giáng luôn đẩy rộng thế giới quan, luôn đẩy xa nhân sinh quan. Nếu nhân sinh quan mà cao, xa, rộng, sâu như vũ trụ quan thì số kiếp của thân thế bớt nhỏ bé đi, thân phận của hình hài bớt điêu tàn đi, ở đây thân rộng như trời, kiếp xa như mây, phận rong theo mùa; nhờ đó thi ca có sức bật của giao mùa; thi từ mở cửa để vũ trụ tự do giữa nhân sinh. Mỹ quan về vũ trụ có ngay trong quan hệ giữa người và đất trời, làm thơ là nhận cái cơ may của tư duy bén nhạy trước biến hóa của đất trời; nhưng trước hết phải yêu người chu đáo, rồi mới thấy quý vũ trụ đầy ắp:

*Bể dâu sực tỉnh giang hà*

*Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh.*

Lại *sơ nguyên* nữa đây! Vũ trụ thượng nguồn, trời đã tạo mọi mầm lành cho đất, để trước khi gốc, rễ, cội, nguồn ra đời, có mặt trong cuộc sống, chưa có tên, chưa định hình, chưa chỉnh dạng thì con người đã biết: nếu *sơ nguyên* ngầm ẩn hiện, thì sự sống sẽ xuất hiện, cái nguyên thủy sẽ sinh ra. Nhưng Bùi Giáng không rơi vào cái hài hòa thiên địa được vinh danh trong Lão học, thăng hoa trong Khổng học, thi sĩ chế tác ra một nhãn quan khác, ông muốn mình mỗi ngày đều phải ngạc nhiên trước biến thiên. Đất trời cũng như nhân thế có *ngang ngửa,* có *xô bồ,* và *mùa màng* cũng có khi là mộ địa*:*

*Đất trời ngang ngửa xô bồ*

*Bốn mùa sắp đặt nấm mồ tình thương.*

Vừa là trung gian, lại vừa là chứng nhân, thi sĩ dựng tư tưởng thơ của mình bằng nhãn quan của cầu nối giữa trực quan và cảm nhận, trong đó vũ trụ là điểm tựa để nối dài tâm linh, tâm linh ở đây được định nghĩa như một loại sinh hoạt vừa của linh hồn, vừa của trí tuệ, nó là phần sắc nhọn nhất của thông minh nhân trí:

*Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín…*

*Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa*

*Anh lim dim cho chết lịm hồn mình*

*Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ…*

*Lạc trời cao kết tụ bóng không thành.*

Quan hệ giữa vũ trụ và con người là của khoảng cách, nhưng khoảng cách càng dài thì quan hệ càng giầu, khoảng cách càng xa thì sức sinh sôi nảy nở của nó càng mạnh cho sáng tác, chính khoảng cách làm *đâm mọc, nảy chồi* cho sáng tạo, trong đó thi ca vẫn là cầu nối giữa nhân sinh và vũ trụ, trên đó thiên nhiên cứ thoải mái đi về giữa nhân thế:

*Xuân về xuân lại xuân đi*

*Đi là đi biệt từ khi chưa về.*

*Đi* rồi *đi biệt*, đi tìm vũ trụ là đi tìm đường đi nẻo về của thiên nhiên, đi tìm đất trời để cuộc sống được rộng ra, cho nhân sinh quan luôn mở lớn ra, rồi trở thành *vô lượng*, tức là chứa bao nhiêu lượng của vũ trụ cũng được, đây dường như là thành công lớn của thi ca Bùi tiên sinh: nhãn quan của thi ca luôn lớn ngang với tầm vóc của vũ trụ mà nó tiếp nhận:

*Ba phương trời về chung gục khóc bên giông.*

Bùi Giáng cũng là thi sĩ hiếm của Việt tộc đã đưa được vai vóc của đất trời, gân cốt của vũ trụ vào thơ siêu hình học, trong cuộc đối thoại triền miên, không mệt mỏi giữa người và vạn thiên, cuộc đối thoại không làm thi sĩ hao mòn trí lực, mà nó luôn làm anh ấy tỉnh, làm cặp mắt nhìn đời, nhìn trời của anh luôn mới, anh ấy luôn thấy được thiên nhiên che chở:

*Nắng trưa nắng xế đầy trời*

*Bóng cây râm mát che đời ta điên.*

Một đặc điểm khác của thơ Bùi Giáng là sự kết hợp rất thông minh, nhưng cũng rất tự nhiên giữa thi ca siêu hình học và thi từ vũ trụ quan làm mới cách tiếp cận cho thi ca giành cho tình yêu, anh Giáng là một trong những người làm mới thơ tình Việt Nam:

*Thưa rằng nói nữa là sai*

*Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào.*

Chiêm bao, mộng mị của chúng ta cũng vậy, anh ấy mời mọc vũ trụ, chào đón thiên nhiên, để cho chiêm bao, mộng mị có nội công của hoài bão, có tầm vóc của ước mơ:

*Bụi hồng ấy của chiêm bao*

*Thì con sóng đục chìm vào nước xanh.*

Thơ Bùi Giáng thì khi uống trà cũng không được quên thiên nhiên, sinh vật của thiên nhiên luôn sinh động phải quý yêu và phải cần nâng niu, cho nên Phật học gọi *chúng sinh* là *sinh linh*, thì thi sĩ của chúng ta trân trọng sinh linh như đùm bọc chiêm bao cao xa mà ta phải (thèm) bảo bọc:

*Chén trà sương sớm bên thềm*

*Vừa chờ chim hót vừa thèm chiêm bao.*

Chuyển động thầm lặng của thiên nhiên, từ *nguồn* thành *lũ,* thi sĩ cảm nhận được trọn vẹn, ông biết để hiểu, hiểu để thấu chuyện ngàn xưa của vạn vật:

*Ồ vạn vật chờ nguồn nước lũ*

*Tự ngàn năm tuôn chạy tự khe rừng.*

Thi ca của Bùi tiên sinh không phải loại thơ của chủ thể muốn làm chủ muôn loài, mà ngược lại là loại thơ *sống để cảm nhận* sâu sắc, tức là để chiêm ngưỡng sâu xa cái nhiệm mầu của thiên nhiên, cái ta đi theo cái linh hoạt của mùa màng, không hề có cái tôi nắm gọn vũ trụ để thu xếp thiên nhiên:

*Én đầu xuân, tuyết đầu đông*

*Rừng cô tịch ngó nội đồng trổ hoa.*

Thi sĩ thành đạt qua thi từ, nhưng thi sĩ lớn thành công bằng tư tưởng thơ của mình, mà tư tưởng muốn cao thì nội công nhân sinh quan phải mạnh, tầm vóc thế giới quan phải lớn, bản lĩnh vũ trụ quan phải rộng, chuyện này thấy được qua thi pháp và thi phong của anh Giáng!

**Hưởng (theo) hứng**

Muốn hưởng theo trời, hưởng theo mùa, hưởng theo đời… thì thân thế và thân thể phải luôn sẵn sàng đón nhận các tái tạo của trời đất, sẵn lòng mở cửa tiếp nhận các dáng hay, dạng đẹp của người*:*

*Em về rũ áo mù sa*

*Trút quần phong nhuỵ cho tà huy bay.*

Tạo được nhân dạng qua biến thiên của đất trời làm nên một bức họa mà chỉ thi ca Bùi Giáng làm được, trong đặc thù của thi tính vừa có bao la của *mù sa,* vừa gợi cảm trong *phong nhụy,* được khởi xướng bằng một động từ: *«trút quần*», rất lạ, và rất dễ rơi vào cái *tục*, vậy mà vẫn *thanh*, vẫn thanh thoát trong cao xa, đây là một thành công khác của Bùi thi nhân. Trong thơ anh ấy, có *cỏ cây* là có *ngày xuân*, *có dậy* thì là có chuyện: *lên đường* để tầm xuân; không có cách biệt, chỉ có hội tụ của: *cỏ cây, ngày xuân, dậy thì, lên đường*, đây là thượng nguồn cho việc *hưởng theo hứng*, vì mọi *điều kiện thiên nhiên* đều thuận cho mọi *điều kiện dậy thì* đứng lên, mùa xuân trong dậy thì vừa thoải mái, vừa gợi cảm, và thi sĩ không cần nói gì nhiều về chuyện gợi dục, để cái *thanh* luôn được nhẹ nhõm hít thở khí xuân:

*Em đi cây cỏ dậy thì*

*Ngày xuân vô lượng cùng đi lên đường*

Hưởng xuân dậy thì, và hưởng luôn cả *thiên thu* trong *vô tận đá vàng,* biến tự do cảm nhận thành tự do *hưởng theo hứng,* hứng trong thoải mái ngạc nhiên, không hề kinh ngạc căng thẳng khi chạm trán với *thiên thu:*

*Em từ vô tận đá vàng*

*Về chìm đắm giữa lá vàng thiên thu.*

Trong thiên nhiên có nước, có khi là nước lạnh:

*Người con gái lội qua khe*

*Bàn chân nước lạnh lạnh đè lên nhau.*

Ngay như kể về cái lạnh: *nước lạnh lạnh* thi sĩ thấy tường tận sức gợi cảm của nó biết *đè lên nhau.* Hình ảnh *gái lội qua khe* có trong thi ca, có trong dân ca, có luôn trong ca từ của Phạm Duy, nhưng ở đây Bùi thi nhân (đang lo mà cũng đang hưởng) về thân (lạnh) của *người con gái.* Anh ấy muốn xây dựng một chủ thể thi ca: vừa biết hưởng-vừa biết lo, lo lắng nhưng không hề lo sợ, không mâu thuẫn, có lần anh ấy thấy trong *lành* cũng như *rách, người con gái* luôn *long lanh*… vì *trong sạch:*

*Người con gái hôm nay mặc quần rách*

*Vì hôm qua đã mặc chiếc quần lành*

*Lành và rách đều vô cùng trong sạch*

*Bởi vì lành rách cũng long lanh.*

Các mô hình giáo lý bảo thủ trở nên vô duyên trước thơ của Bùi Giáng, các giáo điều xơ cứng sẽ bị xơ xác trước tư tưởng tự do của thi ca của anh ấy, vì bảo thủ và giáo điều thì không bao giờ dám nhìn *người con gái… trút quần phong nhụy*. Đám thủ cựu, loại cuồng đạo nên đi ra khỏi tư tưởng tự do của thi ca, để cho những con người yêu nhau và “yên tâm” chờ nhau:

*Anh chờ em không biết tự bao ngày*

*Để thấy mãi rằng thơ không đủ gọi.*

Tư tưởng tự do của thi ca của anh Giáng, không ngại *gánh than lên bán chợ trời,* và không sợ *thiên thần xúm hỏi*, vì anh ấy luôn có câu trả lời vừa rất thuyết phục, vừa rất duyên dáng, mà bảo thủ hay giáo điều, thủ cựu hay cuồng đạo, không sao có được:

*Gánh than lên bán chợ trời*

*Thiên thần xúm hỏi: em người ở đâu?*

*Thưa rằng em ở rất lâu*

*Trần gian dưới đó dãi dầu liên miên…*

*Hỏi rằng sao chẳng thấy em cười?*

*Thưa rằng cười gượng không vui*

*Nên đành mím miệng một đời cho qua.*

Hưởng qua thơ, là hưởng cái duyên dáng của *«đùa»* liên tục, để có *«đồng cảm»* triền miên, *cười gượng không vui* chỉ để *«đùa»,* mà *mím miệng* cũng là *«đùa»,* không *«đùa»* thì làm sao sống vui được. Nhưng ngay khi *«đùa»* thì gân cốt thi tứ vẫn mạnh trong duyên, vững trong dáng:

*Em ở trong rừng một buổi trưa*

*Ngẫu nhiên tao ngộ gió sang mùa*

*Hai bờ lãnh địa đau lòng gọi*

*Sầu suốt giang sơn vọng tiếng thừa*

*Ta sẽ đợi nghe đời em nói mãi*

*Bên đời ai vạn đợi đã chia lìa.*

Có *đời* là có *đợi,* rồi sẽ có *tao ngộ* trong *ngẫu nhiên,* chờ để hưởng *giang sơn vọng tiếng thừa,* chuyện lòng và chuyện vũ trụ cứ quyện mãi vào nhau, thơ của Bùi Giáng có sức lan tỏa rồi hội tụ, tổng quan siêu hình để tổng luận nhân sinh:

*Em về mấy thế kỷ sau*

*Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chăng*

*Ta đi còn gởi đôi giòng*

*Lá rơi có dội ở trong sương mù.*

Bùi Giáng lội ngược dòng để chống vô cảm, bơi trái chiều để chận hững hờ, lướt trên mọi lãnh đạm chung quanh để được sống trọn, sống sâu, nhờ vậy anh ấy mới đồng cảm rất tự nhiên với thiên nhiên, rất đắc khí với vũ trụ, biến cái bao la của vũ trụ thật gần kề, khích cận với chúng ta, Khóa mang ơn anh Giáng quá:

*Em chợt thấy yêu đời vô cùng tận*

*Vì đời là rất mực thiêng liêng*

*Em chợt thấy không buồn đau oán hận*

*Vì thiêng liêng không chia biệt* ***cõi*** *miền.*

**Điên (ai) điên?**

Anh Giáng yêu đời, vì anh ấy yêu những con người sống giữa đời ấy! Anh ấy có lần là giáo sư văn học, một người thầy giảng say mê về truyện Kiều của sư phụ Nguyễn Du, có lần anh đang giảng, thì nước mắt tràn dâng, khóc trước học trò mình, rồi anh ấy nhảy qua cửa sổ đi luôn, đi biền biệt, biệt tăm tích… Nếu không xót cho số phận của Kiều, của con người trong phong ba thì không sao có thái độ đó, hành vi của anh Giáng thách thức bất cứ ai nói là anh *«điên»,* họ có tỉnh hơn anh ấy không? Ai tỉnh hơn ai? Vì có người sống mà không sống vì không có chữ nhân: *Con người ơi hãy giữ nhân tính (les hommes soyez humains,* Rousseau). Trong *«tăm tích»* của Bùi Giáng, người ta thấy có thư của René Char, của Albert Camus trao đổi với anh trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn nam bắc thế kỷ qua. Anh ấy sống giữa đời, tưởng điên loạn, nhưng ai gặp cũng thương? Trong những năm tháng sau 1975, chế độ mới là chế độ công an trị, thích rình rập để bắt bớ hơn là bảo vệ để chăm lo cho thế thái dân an, anh Tiên có kể cho Khóa nghe hai chuyện về anh Giáng:

Chuyện thứ nhất: có lần công an cứ rình rập để điều tra về Bùi Giáng, vì họ không biết là anh Giáng là *«điên thật»* hay *«điên giả»,* họ tới hỏi anh Sơn Nam, văn sĩ của dân tộc học Nam bộ, nhà dân tộc học tình thâm của Cửu Long. Anh Sơn Nam trả lời chắc nịch *«Bùi Giáng, nó điên lâu lắm rồi!»* đây là tình thâm trong văn nghệ đã biến thành phản xạ giữa bạn bè để bảo vệ nhau, để phù trợ nhau trước bạo quyền.

Chuyện thứ hai, có *«liên lụy»* tới Khóa, vì sau 1975, Khóa gởi quà, gởi thuốc, gởi tiền tới anh Giáng, luôn qua anh Tiên, mỗi lần *«viện trợ»* tới nơi, thì anh Tiên gọi ngay Hiệt, đứa con trai của anh ra: *«Con ơi! Đi tìm bác Bùi Giáng, báo là có quà của chú Khóa vừa tới».* Thế là Hiệt cắm đầu, cắm cổ đạp xe qua các ngã tư lớn của Sài Gòn, để tìm anh ấy, khi thấy Bùi Giáng đang reo hò, nhảy múa giữa đường phố, Hiệt dừng cạnh bên và nói chắc nịch: «*Thưa sư phụ! Có quà chú Khóa tặng sư phụ vừa tới!»,* anh Giáng cũng trả lời chắc bẩm: *«Đi liền để nhận quà của Khóa!».* Và khi anh Giáng tới trước nhà của anh Tiên, thì ai cũng vừa vui, vừa ngại, vì Bùi Giáng đi tới đâu là trẻ con theo tới đó, khi đứng trước nhà của anh Tiên, ở xóm Gà thủa nọ, thì anh ấy lớn tiếng đọc ngay bài thơ *«nổi tiếng»* rất ngắn của anh ấy: *«Đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào / Đánh cho chết mẹ đồng bào miền Nam»*, vui vì đúng, ngại vì công an chỉ cần chụp câu: *«chết mẹ đồng bào miền Nam»* để *«gieo thù, trả oán»* anh em văn nghệ sĩ miền Nam. Bây giờ nhớ lại chuyện này, Khóa cũng vừa cười, vừa khóc đây! Nếu có anh Giáng ở đây thì anh ấy sẽ an ủi Khóa ngay: *“Giỡn cho dzui mà!” .*

*Nó «bậy» lắm,*

Ngày Bùi Giáng qua đời, một trong những người bạn buồn nhất chắc có lẽ là anh Tâm[[6]](#footnote-6), nhưng ngay cả khi anh ấy buồn, anh luôn giữ sức sáng suốt (rất đáng phục) của anh, anh có hai phân tích vừa sâu, vừa cao về Bùi Giáng: sống để *dốc hết máu cho cuộc tầm xuân* và đã sống trong *vô sư tự ngộ.* Anh Tâm đã thấy được năng lực thi ca đã làm nên năng lượng nhân tính của thi nhân, có đủ nội lực cho sáng tạo, để tự đắc đạo, mà không cần phải đeo theo một tôn giáo, không bám theo một người thầy nào. Khóa đang ngồi đây để nhớ lại câu thơ của anh Tiên, hồi còn trẻ: *«Cuộc sống báo động từng giờ»,* sau bao năm, câu này luôn luôn đúng cho Khóa trong gần nửa thế kỷ tại Âu châu, *sống trong báo động* vì bao công việc cứ nghiến thì giờ, nuốt thời gian của mình, gặm tuổi đời mình từng ngày, làm mình quên luôn liên lạc với bạn bè, đánh mất đi các kỷ niệm, để mờ bao chuyện đời về những *hạnh ngộ* mà mình được cuộc sống trao tặng. Bây giờ, Khóa mượn bài này để kể cho ba anh nghe về một chuyện mà Khóa không có dịp kể từ khi bốn chúng ta tới gặp anh Giáng trong một đêm hè năm 1987. Các anh biết không? Sau đêm đó, hôm sau, Khóa đến dùng cơm trưa như đã hẹn với anh Tâm, Khóa có kể cho anh ấy nghe, là tối qua Khóa có đi thăm Bùi Giáng cùng với các anh, trưa đó anh Tâm có nói Khóa một câu: *«Bùi Giáng nó «bậy» lắm, nó «tự động» làm chuyện nó muốn, mà người khác làm không được, không đủ sức để mà làm, cho nên bọn mình không ai «theo kịp» nó!»,* nhiều năm đã qua, Khóa thấy câu này vừa trúng về sự thật, vừa đúng về chân lý, giúp Khóa hiểu, hiểu để thấu con người và sự nghiệp của anh Giáng.

****

Với Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền

**Nhớ Thanh Tâm Tuyền**

***“Ta đập vỡ hình hài và thức giấc”***

*Chị Hoa quý kính,*

Hôm nay ngày 22 tháng 3, ngày giỗ của anh Tâm, bạn bè gần xa dặn dò nhau nhớ ngày này, con người và tác phẩm của anh bạn bè không sao quên, vẫn đọc thơ của anh mỗi lần gặp nhau, có khi đọc qua điện thoại viễn liên; nhiều khi chỉ cần nhắc nhau một câu của anh thôi trong cuộc sống hằng ngày là đầu óc tỉnh lại. Thơ thức tỉnh trí người, tầm vóc này hiếm thấy trong thơ Việt Nam. Không biết Anh Tâm có kể cho chị nghe là những năm đầu anh *«từ cải tạo ra»* mà anh nói gọn là *«đi tù về»,* bạn bè thường hẹn nhau tại nhà họa sĩ Đinh Cường, để sống lại không khí thơ trong sạch mà chế độ mới tìm mọi cách để hủy diệt nó. Chắc chị còn nhớ chuyện cái áo veste năm 1986, Khoá mang từ Pháp về tặng anh, anh nói là giữ cho Thái, đứa con trai lớn thân yêu của anh chị, vì Thái đang chuẩn bị *«vượt biên»,* Khoá còn nhớ câu chị dặn dò Khoá: *«Ở đây sống không được đâu cậu à»*. Câu này sau bao nhiêu năm vẫn đúng, Khoá coi như *một chân lý đau lòng của Việt tộc* từ khi có chế độ mới: tại sao nơi mình sinh ra không phải là đất mình sống, mà có lúc là đất chết, chết ngay trong lòng người, để cha mẹ phải đưa những đứa con ruột thịt của mình ra ngoài vạn dặm, đặt tương lai con cháu thật xa quê cha đất tổ? Chị ơi! Sau đó chuyện Thái biệt tích trên biển là chuyện đau đớn nhất đời của anh Tâm; trong các thư từ qua lại anh dặn Khoá tìm mọi cách liên hệ với các tổ chức nhân đạo quốc tế bảo trợ người di tản, lần tìm giúp anh dấu tích của Thái. Khoá chỉ gặp Thái có một lần, vậy mà gần ba mươi năm qua Khoá xem Thái như người ruột thịt, lẳng lặng tìm dấu tích đứa cháu biền biệt chân mây.

Những năm còn trẻ, anh Tâm đã thấy cuộc đời này là *Hội buồn:* *«…Nghe trong đời miên man ngực yếu… Tiếng trống bồi hồi thôn dã giục người về dự hội*. *Hội xum vầy thắm thiết có hay… Và buổi mai này rồi sẽ mọc lên ủ ê niềm thống hối*. *Trên bầu trời ngày đã quên ngày*. *Chó tru khiếp đảm… ».* Bạn bè gần xa rất quý anh, nhưng có người *«than»* là thơ anh khó hiểu. Hãy ở trong tầm nhìn của anh, để từ từ hiểu tại sao anh viết lại như vậy anh, thơ để viết ra chớ không phải để ngâm, viết từ ký ức trong sự trống vắng của chữ đang bị thôi thúc hướng về những chân trời tối mịt, niềm tin không có tương lai, niềm yêu không còn viễn ảnh: *«…Một phút là thi sĩ đủ sáng tâm hồn đầy cuộc đời… Chữ tự do không nghĩa. Mỗi người đã chính một tự do… Tôi ngủ ngoài nghĩa địa một mình. Quanh tôi là người khác. Chúng tôi cùng cô độc… Không bao giờ quên người ngủ ngoài nghĩa địa…».* Mùa hè năm 1986, anh Tâm dặn Khoá ngay ngôi nhà thân yêu của anh chị tại Bà Chiểu: *«Khoá muốn viết về tôi thì cứ viết, nhưng nên bắt đầu đọc thơ tôi qua chữ thất bại (défaite), nó không phải là chủ bại (défaitisme), vì tôi chẳng theo một chủ thuyết nào, cũng không theo một ý thức hệ nào».* Sau hè năm đó rời Sài Gòn trở lại Pháp, Khoá mang theo bài *Cây rừng*, mà anh dịch từ một bài thơ *Aux arbres* của thi sĩ Yves Bonnefoy lúc anh đang *«ở tù cải tạo»,* anh không để sự ủ rụt diệt mình trong cõi tù xa xăm, anh đã biến một tác phẩm cội gốc của một Nam Tào trong thi ca Pháp thế kỷ hai mươi ra một tác phẩm rộng với câu cao và chữ ngọn, đầy Việt tính, cũng đầy tình người. Đầu năm 1987, Khoá trao tận tay thi sĩ Y.Bonnefoy ngay tại giảng đường của Collège de France, ông vô cùng cảm động vì biết ra là bài thơ được dịch từ nơi tù rạc, ông thốt lên: *«Le poète Thanh Tâm Tuyền arrive à réaliser la vérité de parole dans l’expérience poétique»,* đã làm được chuyệnđưa chân lý của lời người vào được kinh nghiệm thơ*,* ông mong có ngày gặp được anh Tâm. Nhưng chuyện tổ chức cho hai người gặp nhau không thực hiện được trước ngày Y.Bonnefoy qua đời. Khoá buồn về chuyện này, nhưng anh lại vượt lên được cái tiếc nuối. *Tiếng nói gọi về phía trước, bước sóng dài, người sẽ gói vào lòng bàn tay.* Cùng mùa hè năm này, Khoá trở lại Sài Gòn thăm anh chị, anh rất vui khi anh khám phá ra Khoá là môn sinh của Yves Bonnefoy. *Gợi những hơi thở đã đốt lửa trái tim vào những gì đang xuất hiện..*.

Mùa xuân năm 1988, Khoá qua Mỹ tìm gặp Mai Thảo để kể thêm về cuộc sống của anh Tâm từ ngày *«đi tù về».* Ngồi với nhau thật lâu tại quận Cam, Mai Thảo nghe nhiều và cũng kể thật nhiều chuyện về anh mà Khoá không biết, từ hồi lập ra nhóm Sáng Tạo tới ngày *«mất nước, mất thơ»* vì chế độ mới. Mai Thảo có những nhận xét rất đúng về anh, mà chỉ là thâm giao mới thấy được: *«Ngoài những đóng góp của TTT về thơ tự do, văn xuôi TTT là người thích đọc, biết đọc và biết lấy ra những câu hay nhất của một tác phẩm, những chữ sắc nhọn nhất của một tác giả».* Rồi Mai Thảo đọc thơ của anh đêm hôm đó, một trong những niềm vui lớn trong cuộc đời của Khoá là được nghe các thi sĩ đọc thơ, trong đó có ba người mà giọng, thần, sắc, tâm… lúc họ đọc thơ, không bao giờ Khoá quên được: Hoàng Cầm, Mai Thảo và anh Tâm, chắc chị còn nhớ: *«…Giật mìn ngay những vùng trời riêng rẽ, ta chui xuống hố cá nhân, ôm ngày mai vào lồng ngực, tình yêu làm giáp sắt, ta rút về chiến khu, pháo đài dựng lên tua tủa niềm tin, nguyện chiếm lại đại lộ bờ cây tâm sự…».* Vậy mà anh Tâm lại là thi sĩ *«ghét chuyện ngâm thơ», «chán cảnh đọc thơ».* Giữa đảo điên của đất nước, giữa lầm than của Sài Gòn những năm mà anh Tâm và bạn bè vừa rời «*cõi tù không tường»* của các trại cải tạo, có lần tại nhà của anh Tiên, thi sĩ Tô Thùy Yên, sau buổi ăn tối mỗi người được yêu cầu đọc một bài thơ của mình, anh Cần, thi sĩ Cung Trầm Tưởng *«đòi»* anh Tâm đọc những bài mới của anh, anh trả lời: *«Thơ tôi là yên lặng»,* thơ để *viết ra* chứ không phải để *đọc vào*, làm sao đọc được những câu này giữa cuộc sống này mà bản thân mình không có đất sống. *Tôi buồn chết như buồn ngủ. Dù tôi đang đứng bên bờ sông. Nước đen sâu thao thức. Tôi hét tên tôi cho nguôi giận. Thanh Tâm Tuyền.* Nỗi buồn của anh nhiều lúc đưa anh đi thật xa. *Tôi thèm giết tôi… Tôi thèm sống như thèm chết.* Đây không phải là chuyện tự đặt ra, mà đây là chuyện cốt lõi trong nhà ngục tâm hồn qua các thế hệ văn nghệ sĩ Việt Nam trong thế kỷ hai mươi, qua thơ của anh người ta thấy được số kiếp của kẻ sáng tạo trên đất nước oan khiên này. *Không gian tâm hồn trong nhà ngục tâm hồn*. *Thế giới nói thêm lời hoa cỏ thiên nhiên.* Sống không dễ và chết cũng không dễ. *Mỗi lần hoàng hôn tôi cố thở cho nhiều*. *Các anh nhớ tôi còn sống*. *Quờ quạng tay gian díu*. *Cách mạng nổ trong sự nín thinh.* Phạm Đình Chương đã biến thành nhạc những câu mà mỗi lần đọc là mỗi lần thấy nghẹn, nghẹn cổ vì nghẹn lòng: *«...Đất nước tôi có một lần. Tôi ghì đau đớn trong thân thể. Những dòng sông những đường cây núi nhọn. Những biệt ly rạn nứt lòng đường…».*

Năm 1995, Khoá nhận với đại học Aix en Provence làm tuyển tập *La part d’exil* về văn chương lưu vong Việt Nam, khi đó anh chị và hai cháu đã định cư tại Mỹ, đây là dịp để Khoá nghiên cứu kỹ hơn về anh Tâm, Khoá quanh quẩn ra vào với chuyện thân thế và sự nghiệp thơ và văn xuôi của anh, cuối cùng chọn lựa cách thẳng thắn nhất để được thành thật nhất là phỏng vấn anh, anh đã để lại cho bạn đọc Pháp ngữ một bài phỏng vấn khi đọc xong người đọc không quên được. Chị biết hơn ai hết, về chuyện chữ nghĩa anh chuẩn bị rất miệt mài, chu đáo, hiếm thấy trong sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Anh giải trình rất rõ các bối cảnh ra đời của *Bếp lửa,* tại sao nhân vật chính ngay từ đầu đã đi trên đổ nát của lịch sử, rồi của *Ung thư*, cuộc sống như không có lối ra; anh trở lại phân tích *«tận nguồn lạch sông»* nhận định của A.Malraux trong *La voie royale* « *Mais vivre en acceptant la vanité de son existence… Vivre avec cette tiédeur de mort dans la main comme un cancer* ». Sống để chấp nhận cái chóng chầy trong nhân sinh… Sống với cái ẩm mốc của cái chết trong tay như nhận ung thư. Đi lần tìm cõi thơ của anh Tâm, người ta sẽ đọc được lịch sử dân mình từ những viết thương còn tươi tới cái thấp thỏm chờ nhau trong các bịnh viện, nhưng bệnh viện không phải là nơi báo tin về cái chết, nó là nơi mà con người vẫn đòi cho bằng được quyền sống, mặc dầu đất nước đang bị chiến tranh thôi miên; mặc dầu dân tộc đang bị dòng nước đen của chuyện nội chiến chém giết vẩy bẩn. Trong bài *Gửi Quách Thoại,* người bạn sớm mai nhóm Sáng Tạo của anh đã ra đi quá sớm, anh Tâm không để không khí bệnh viện biến thành không gian tật nguyền giữa cuộc sống: *«…Bệnh viện thành công viên khuất nẻo*. *Người ngủ một mình đợi chúng tôi…* *Không chết trần truồng không thể được*. *Chúng tôi đập vỡ những hình hài. Cuộc sống phải thừa như không khí.* *Cuộc sống phải thừa như sớm mai…».*

Anh Tâm hiểu được cái gay gắt của G.Flaubert trong sáng tác như hiểu nghịch lý của văn chương, vừa mang sức mạnh của kẻ sáng tạo đang thắng tờ giấy trắng trước mắt, vừa có sức hủy diệt từng chữ, từng hàng, cả trang trên tờ giấy trắng đó do chính mình viết ra. Viết trong văn chương, nhất là làm thơ, không phải là chuyện viết nhật ký. Triết gia J.Rancière, trong tác phẩm *La parole muette, Lời câm* (đặt tựa sách kiểu này anh Tâm rất thích), đã nhận định không sai: viết để chống lại cái trống, loại ra luôn chuyện bỏ chạy, nó là chuyện thấy được *nhịp đời trong nhịp câu* thật sâu kín luôn nằm bên trong của tư tưởng. Anh Tâm thấy rõ chuyện này, nhưng anh có cách nói của anh, nhớ lại bài *Bao giờ*: *«…Chiều không xanh không tím không hồng. Những ống khói tàu mệt lả… Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình. Như kẻ say rót rượu lấy mà uống… Cho vui thêm cuộc hành trình (Đúng rồi những người thù ghét thơ của tôi ơi). Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc…».* Thời gian đã dắt dìu ý thức bằng cái thất bại giữa đời của chủ thể, cái thất bại này giúp con người hiểu sâu hơn cái thảm bại trong tình yêu, anh không vứt tư tưởng thơ của mình ra giữa khơi, anh bảo vệ tình yêu chống lại mọi ẩm thấp làm chìm ngộp tình yêu, làm nó đuối giữa dòng rồi vùi nó. Vì con người còn có một sức mạnh khác: sức mạnh của tự do cho chính mình, sức mạnh này sẽ tạo ra được một không gian mới cho lời người -lời người chớ không phải lời nói- biết đưa người tới một kiếp mới, một kiếp sinh động biết đối thoại với những hẹn hò mới, biết đối thoại là biết mình còn sống, biết hẹn hò là biết mình còn yêu. *Đừng bắt tôi từ biệt. Vì tôi còn chất đầy tiếng nói. Tôi đã bao giờ muốn chết… Tôi còn muốn sống muốn sống. Thực hiện rừng danh từ của chúng tôi*. Thơ tình của anh Tâm không ca tụng trơn tru tình yêu, cũng không than khóc thụ động ủ dột tình ái, anh tìm mọi cách bảo vệ chúng, ngay giữa những thời khắc tuyệt vọng nhất.*Anh sợ những cột đèn đổ xuống*. *Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta*. *Bóp chết mọi hy vọng*. *Nên anh dìu em đi xa… Sao tuổi trẻ quá buồn*. *Như con mắt giận dữ*. *Sao tuổi trẻ quá buồn*. *Sao tuổi trẻ quá buồn như bàn ghế không bầy.*

Khi anh chị định cư tại Mỹ, thì bạn bè gần xa lại không còn được đọc thơ của anh nữa, Khoá có hỏi anh về chuyện *«vắng thơ»* này trong tuyển tập *La part d’exil*, anh trả lời: *«Gần đây, tôi không làm thơ nữa, nếu người ta ngủ cùng giường với thời sự qua những chuyện tức khắc hằng ngày, sinh lực sẽ mòn, trí tuệ sẽ bị ao tù. Thơ như những nghệ thuật khác, cần không khí trong lành, cần nội lực trong sạch, cần não trạng trong sáng… Chuyện bỗng dưng không làm thơ nữa đã xẩy ra với tôi trước năm 1960. Thời điểm mà tôi bị khủng hoảng nhưng bằng sự sáng suốt giữa cơn điên, lúc đó tôi loại thơ ra khỏi tôi một cách ý thức và rất lạnh lùng, coi thơ như một loại rễ lạ bám vào thân mình, cứ tự hỏi: Tại sao thơ? Tại sao phải làm thơ? Tại sao làm thơ giữa thời buổi này? Tại sao phải chính tôi làm thơ thời buổi này? Những câu hỏi ngu ngốc đó có sức sáng suốt của nó, nó đánh thức tôi đừng sống bằng ảo tưởng, trong thời gian như vậy tôi sống trong* cái điên sáng suốt *của mình».* Khoá vẫn tiếp tục suy nghĩ về câu trả lời này, sự yên lặng không phổ biến thơ của anh không phải là chuyện anh ngừng hẳn suy nghĩ và suy ngẫm về thơ. *Tôi vẫn sống thiệt thà dù không còn hình ảnh. Dù không còn âm thanh.* Khoá tin chắc một điều là anh không hề ngừng suy nghĩ về đời, về thơ. Sự câm lặng này của thơ chống lại cái ồn ào của ngôn ngữ, yên lặng không phải là yên bặt, trí lực thơ vẫn đột nhập vào lòng người, đưa nhân phẩm lên hàng đầu, thơ đã đặt tình người vào một cơn lốc xoáy khác, đặc thù hơn, nơi mà nhạc của thơ đã nhập nội cùng sự lặng thinh của chữ, để lý trí được lẳng lặng sống trọn cho chính mình. Chuyện lý trí vẫn là chuyện cốt, gốc, rễ trong thơ của anh, chuyện này đã có mặt trong bài *Lệ đá xanh*: *Tôi biết những người khóc lẻ loi*. *Không nguôi một phút*. *Những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình...* Chuyện thể hiện ra ngoài bằng ngôn ngữ không còn chỗ đứng tuyệt đối với thi sĩ như anh Tâm chỉ cần giữ cái nguồn, cái cội, cái mạch của trí tính, vừa lặng, vừa mạnh. Câm giọng không phải là nín lời. Đêm lắng của thơ không phải cái câm trắng của ngày, Khoá thấy rõ chuyện này qua bài *Đêm;* những người đi trong đêm, xuyên chiến tranh, thấu rõ mọi đổ vỡ, họ có *«sức thấy»* của họ mà người khác không có, vì họ đi nhiều, sống nhiều và suy nghĩ nhiều chị à.*Những đêm nào chiến tranh đã qua*. *Con mắt đen niềm im lặng*. *Anh vẫn đi hoài trong thành phố*. *Cô đơn.* T.Mann khi bỏ đất nước Đức thân yêu mình ra đi, đã trách đồng bào mình là:*«regarder sans voir»,*nhìn mà không thấy*,* *nhìn* và sống với Đức Quốc xã từ lâu, hàng ngày mà không *thấy* chúng là bọn sát nhân. Anh Tâm thấy được thật rõ nhiều chuyện tai ương của đất nước, thảm họa của dân tộc mà ít người thấy được. *Hình ảnh tự do đổ vỡ… Các con ơi cha anh chết đều chưa đầy tuổi ba mươi.* Đồng bào mình lạc lõng ngay trên đất nước mình, lạc đường giữa nhân sinh, lạc loài giữa đồng loại. *Bầu trời nắng như màu bơ vơ, nắng nhiệt đới xéo bàn tay run rẩy.*

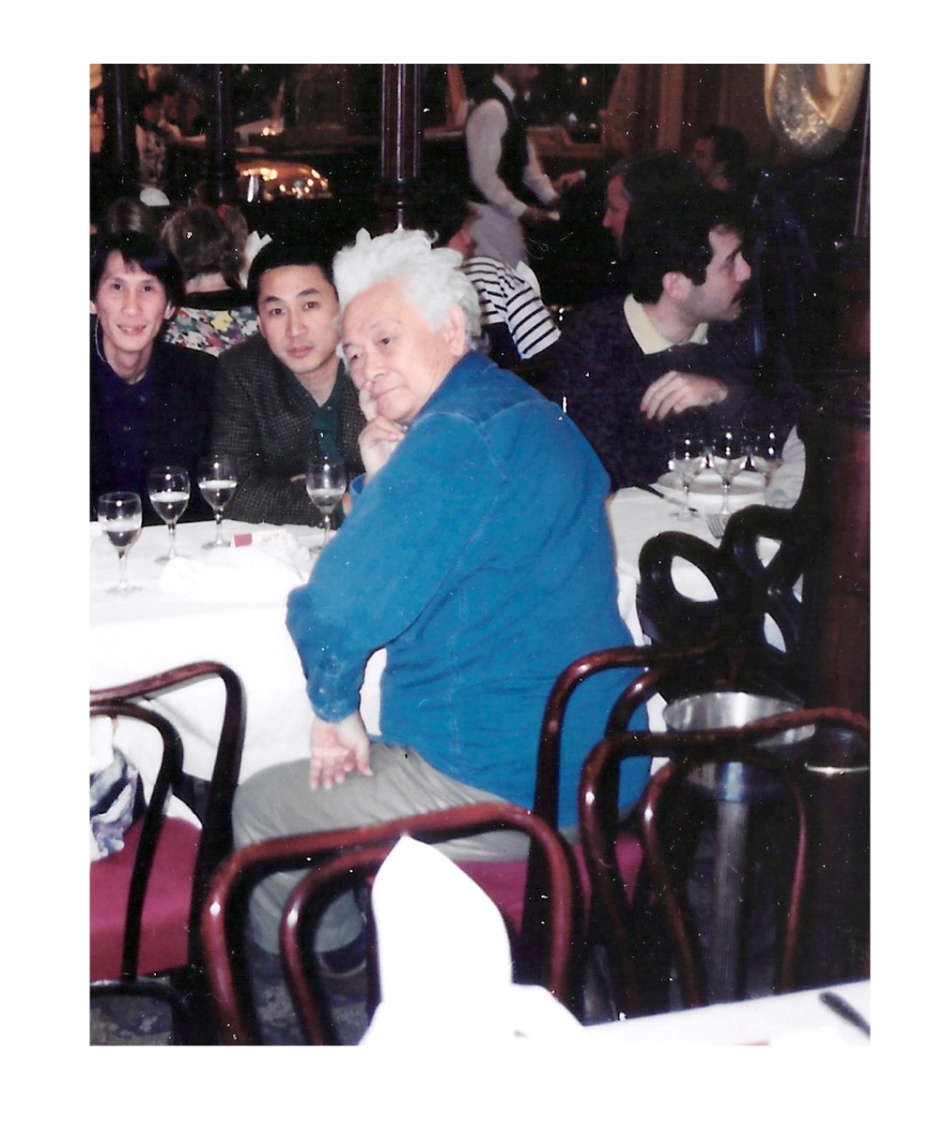
Thuở sinh thời những lúc bàn bạc về *«thơ gần ta, thơ xa ta»,* Khoá thấy anh rất gần với R.Char: *«Souvent je ne parle que pour toi afin que la terre m’oublie»;* thường thì anh chỉ nói vì em để trái đất này quên hẳn anh đi, anh Tâm có cách nhìn tình yêu của riêng anh: *…Sẽ chết như sao rơi vào bất tận*. *Sẽ yêu như giọt nước hân hoan...* Khoá có kể cho anh về P.Valery, ông tự xem mỗi bài thơ là một cơn bão của tư tưởng: *«Il me semble voir la figure une pensée pour la première fois placée dans notre espace »,* mỗi bài thơ mang một khuôn mặt mà hình như lần đầu tôi thấy được tư tưởng được đặt giữa không gian của chúng ta. Khoá nhắc là anh cũng có cách nói của anh: *…Cho đi hoang làm cơn lốc bi thảm. Cuốn ngay chính mình chết theo không gian...* Anh Tâm rất tránh các thi sĩ suốt ngày *«đẽo chữ»* cho đẹp, anh thích gần các thi sĩ *«đào sâu từng chữ»,* sự thật không phải là chuyện đẽo đục, mà là chuyện đào để tìm, sâu cùng vực, đắm cùng hoạ, để thấy rõ kiếp người, chữ *ghẻ lạnh* của riêng anh Tâm ra từ đáy vực chị à. *Trưa nắng cháy. Vào sâu trong ghẻ lạnh.* *Với máu trong tim.* C*hảy nhanh như máy móc đau ốm.* Thấy rõ hoang tàn, nhìn rõ tuyệt vọng, chủ thể thất bại nhưng nhân sinh không thảm bại, nhìn thấy được vực để tránh nó, để sống; đào sâu từng chữ để rèn cứng từng lời, không bầy biện biểu tượng, không phô trương luân lý, để giữ cho bền sức ý thức của tự do. *Cả đời là sa mạc. Cả tôi là tự do.* Chị ơi, tự do trong thơ anh luôn bị đe dọa, người ta yêu quý nó, nhưng đối với anh nó cũng là nơi của bao gẫy đổ qua thời cuộc, nó nói lên bao hữu hạn của kiếp người, với bao mất mát trước các tai ương của chiến tranh, làm tật nguyền tâm linh của nhân sinh. Làm người cách nào thì trọn vẹn khi đã mất lòng tin? Nhưng bất cứ giá nào cũng phải ôm ấp cho bằng được chủ thể tự do. *Anh ôm ghì sự bất lực đói khát, mũi dao nhọn giữa lòng tin.* Trong thơ của anh chữ tự do có lịch sử riêng của nó vì không hiểu tự do làm sao hiểu được tình yêu. *Người ta chỉ yêu khi tự do.* Đây cũng là cuộc đối đầu giữa cái ác và cái nhân, trong thơ của anh con người phải đi qua đêm để thấy một loại ánh sáng mới đứng giữa lòng đêm, rồi cùng nhau lấy chung một quyết định *chém đầu chuyện cúi đầu,* nếu lấy thời điểm 1975 làm con mốc cho chuyện biến thiên của người Việt, thì hai mươi năm trước là chuyện *di cư: «Tôi chờ đợi. Lớn lên cùng giông bão. Hôm nay tuổi nhỏ khóc trên vai. Tìm cẳng tay nước biển. Con ngựa buồn. Lửa trốn con ngươi…».* Rồi gần hai mươi năm sau là chuyện *di tản: «Rũ bỏ ký ức- ký ức người… Nuốt trọng điếm nhục… Và đi… Biết trí nhớ khuất ngoài tích sự…».* Thơ anh gom được sử đời, rồi sẵn sàng cõng nó trên lưng và đi. Anh trực diện với lịch sử, bạn bè thân của anh kể cho Khoá nghe là năm 1954 giữa đợt di cư, anh còn lấy chuyến bay cuối cùng để trở lại Hà Nội nhắn gởi gần xa hãy thận trọng với chế độ độc tài mới. Rồi giữa dòng người di tản trước ngày 30 tháng tư, có bạn bè gặp anh và hỏi: *«Nên đi hay nên ở?»,* anh trả lời: *«Đất nước của mình, mình ở, không đi, ở và chấp nhận cái giá ở lại này!».*

Anh cũng chấp nhận cái thử thách lớn nhất của thi ca trong cuộc đời làm thơ của mình, đó là chuyện thấy được cái chung của nhân sinh nằm trong sinh lực chỉ của một chủ thể, chủ thể không phải là một người riêng rẽ, chủ thể là nơi hội tụ của mọi biến cố mà nhân loại có thể chưa biết, nhưng qua chủ thể này các biến cố giờ đã được xếp thành biến cuộc mà con người có thể hiểu được qua thi ca, thơ khung lại biến loạn, thơ rào lại biến tâm, rồi đi tìm *nghĩa sống* *mới* cho nhân loại. Triết gia G.Deleuze, cùng thế hệ với anh nhận rõ được điều này: *«Un seul et même Océan pour tous les gouttes, une seule clameur de l’être pour tous les étants»*. Chỉ một và cùng đại dương cho mọi hạt nước, chỉ một cuộc bùng nổ của một chủ thể cho mọi người, bùng nổ rồi gẫy đổ, chủ thể này chấp nhận rơi vào cô đơn, đi từ chuyện thất bại này qua chuyện thua cuộc khác, để thơ tự lột được vỏ bề ngoài của mình, và thơ sẽ trao nội chất của nó cho chủ thể, như vậy nhân sinh sẽ cứng cáp hơn, nhân loại sẽ chịu đựng bền bỉ hơn trong nhân thế hỗn loạn chị à. Không sợ cái tàn nhẫn, vì lửa hẹn vẫnhôn gót chân, vì con người vẫn ham muốn chuyện hẹn hò, bất chấp chiến tranh. *Em hoàng hôn trút áo. Ngực gọi đêm về. Vì còn đồi đá sỏi. Cần lửa hôn gót chân… Sao vỡ trên môi.* Một đêm hè năm 1978, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Đinh Cường và Khoá quyết định ghé thăm Bùi Giáng, cũng cùng khu Bà Chiểu của anh chị. Hôm sau, Khoá kể cho anh nghe những suy nghĩ của Khoá về thi sĩ này, anh phân tích nửa đùa, nửa thật, nhưng thật sâu: *«Bùi Giáng nó bậy lắm, nó chọn một con đường để đi riêng, bất chấp mọi thời cuộc, bất chấp mọi hoàn cảnh, tuyệt đối hoá thơ, để chung thủy trọn vẹn với thơ, không ai làm được, vì không ai theo kịp…».* Những lời *trần tình* này cũng là những lời chân tình nhất mà chỉ thấy được ở anh Tâm; những giờ được sống và tâm sự với anh không bao giờ Khoá quên, nói theo cách của Bùi Giáng anh là người hiếm hoi trong cuộc sống biến được *sơ ngộ* thành *hạnh ngộ,* mà kẻ được hưởng như Khoá chỉ mong ngày *hội ngộ.*

Gần gũi tâm sự với anh, Khoá biết thêm anh có cách nuôi hy vọng riêng cho mình, anh rất sáng suốt khi bình câu *«l’espoir pour rien»* của R.Char, hy vọng chẳng để làm gì; anh cũng hiểu lời dặn của *Héraclite: «L’homme qui ne s’abandonne pas à l’espoir n’atteindra jamais l’inespéré»*. Người mà không bỏ rơi hy vọng sẽ không tìm tới được sự vô vọng. Trong tuyển tập *La part d’exil*, anh kể cho bạn đọc tiếng Pháp nghe được về nỗi thất vọng của anh, anh biến trí tuệ mình thành cấm địa, loại ra khỏi mình những quan hệ xã hội không đâu, tạo điều kiện cho sự trở lại bất chợt và lạ lùng của thơ. Anh còn tâm sự mỗi lần thơ trở lại, giữa cảnh tù đày cải tạo, anh thấy được hạnh phúc, có khi thấy *hơi mắc cỡ*, anh viết chữ pháp *«timide»,* rồi giấu những bài thơ đó như hồi còn trẻ, như giấu cái vui sướng thật riêng tư. *Hoang vu lời thơ ai heo hút cùng cỏ cây heo hút. Dẫn đưa anh về tận nẻo nguồn chốn bình minh lẩn lút.* Biết tìm cho mình *nẻo nguồn chốn bình minh lẩn lút* là biết sống. Có những thi sĩ mỗi ngày đều làm thơ nhưng không có chỗ riêng tư để bảo vệ thơ mình, nhiều khi thơ của họ không có chỗ để *dung thân*, anh tự dặn mình tạo chỗ *nương thân* chothơ. *Không khí nhiễm độc*. *Đập vỡ*. *Quá khứ hỗn xược trên da trống.* Cái khó hằng ngày là nuôi hy vọng của mình ngay trong địa ngục trước mắt, mà đạo Phật đã phạm trù hoá được, rồi đặt tên cho nó là: *địa ngục điện tiền*, nhớ lại bài *Đêm đông ở K2 Tân Lập*: *«…Còn qua bao cửa ngục?* *Đây quê mình quê người?...»*, địa ngục cải tạo loang như vết dầu trùm phủ cả quê hương, rồi người Việt không còn nhận ra đất nước của mình nữa. Nếu cái ác mang con người ra để *«đấu giá»* thì nhân tính sẽ thất bại, nhân sinh sẽ chết ngộp, nhân tình hấp hối giữa đời. *Giọt sáng rơi kiệt cùng cõi hư.* Không gian tối tăm này, cũng được anh đặt tên là: *miền khuyết sử,* anh phân tích rõ ý mình*: «Sự thật… sự thật như rắn rết, chuột bọ, ếch nhái, như rau cỏ, quả rừng được ăn nuốt vội vàng bất chấp mọi phép tắc. Bố đã nhai nghiến trệu trạo bằng hai hàm răng đau nhức với sự thực lượm trên đường…».* Đây là đoạn trong *Ba bài sinh nhật con gái,* anh giải thích phạm trù tự do cho đứa con gái thân yêu của anh chị; người cha này thương con mình thật đầy đủ, thật trọn vẹn chị à.

Trong thơ của anh, chủ thể đi hoang để tự cứu mình, vì môi trường sống đã thành môi trường chết, ngày mình sinh ra đời là ngày mình đi lạc trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn này, ngày sinh nhật của anh trong trại cải tạo là ngày đất đã không giữ được người, trong bài *Sinh nhật trên đồi,* anh thổ lộ*: «…Hắn tự chôn theo gió cuối trời. ».* Anh biết rất rõ thơ của *L.Milosz «Les morts les morts sont au fond moins morts que moi…»*, những người đã chết nhiều khi ít chết hơn tôi, nhưng anh không phải ông ta, anh thấy được lối ra của nhân sinh giữa vũ trụ sang mùa, lối thoát của nhân loại đi tìm một loại ánh sáng mới bằng tự do của quyền làm người, tự mình tìm lối đi cho chính mình, không để cái chết tự do độc thoại. Trong bài *Vang vang trời vào xuân,* giữa trại tù cải tạo anh thấy được mùa xuân đang dẫm trên vai cái ác, đang vượt trên đầu cái vô nhân, đi tìm ánh sáng mới giữa mùa xuân mới để đào sâu hơn ý nghĩa -và ý định- của tự do. *Vang vang trời vào xuân*. *Ta bật kêu mừng rỡ*. *Ôi bạn bè xa xăm*. *Tim ta cũng cháy đỏ*. *Rừng thẳm bóng trăng ngàn.* Những năm Khoá sống tại Paris, mỗi năm đều đón và nói chuyện với nhạc sĩ Cung Tiến, Khoá được biết những bài này làm trong các trại cải tạo, anh Tâm ký bút hiệu là Trần Kha. Những năm đó, các bạn bè thường hỏi tin của anh, vì không có dịp về thăm đất nước để trực tiếp gặp anh, Khoá có kể (hai) cho các bạn nghe hai câu chuyện về anh mỗi lần Khoá được gặp anh. Chuyện thứ nhất là anh làm việc nhiều vì suy nghĩ nhiều, anh vừa làm thơ tiếng Việt, anh vừa làm thơ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp những bài thơ này rất hay, ít người biết. Chuyện thứ nhì là năm tháng anh từ *«tù cải tạo»* ra, mỗi lần chia tay nhau, anh có một câu nói thật hay và thật buồn: *«Thôi chào Khoá, cho tôi gởi lời hỏi thăm tất cả những người mà Khoá biết và tôi biết»*. Khoá có tâm sự với họa sĩ Lê Tài Điển đây là một câu buồn của một thi sĩ tiên tri, tại sao vậy? Vì những ngày mà bạn bè tất cả đầy đủ với nhau chắc sẽ hiếm đi, coi như không còn thực hiện được. Anh nói ra được những câu như vậy, vì anh sống thật với câu chữ của mình, chuyện này làm Khoá nhớ lại nỗi băn khoăn của anh không biết bao giờ gặp lại được các bạn hữu của nhóm Sáng Tạo đang sống ở trời Tây.

Lần cuối gặp anh tại Sài Gòn năm 1987, chế độ mới cho in lại các bài thơ của Nguyễn Bính thời Thơ Mới, anh Tâm trao lên tay Khoá, dặn là Khoá về Pháp trao lại tận tay hoạ sĩ Thái Tuấn, ngày Khoá trao tập thơ này tận tay bác Thái Tuấn, Khoá thấy nước mắt bác rơi. Thơ của anh Tâm là thơ tự do, tự đào trong chữ, tự thoát trong câu, tìm nhạc tính cho riêng mình không bị lệ thuộc vào thói quen của vần điệu nhân gian, anh bơi ngược dòng với thơ của Nguyễn Bính đầy vần điệu ca dao, đầy nhạc tính dân ca, vậy mà anh rất quý trọng Nguyễn Bính và biết rõ là người bạn của mình hoạ sĩ Thái Tuấn rất thích Nguyễn Bính; Khoá học được *bài học trao tận tay* này của anh. Anh còn có hai *«độc chiêu»* khác (đây là cách nói đùa giữa bạn bè với nhau) mà hiếm thi sĩ nào có được. *«Độc chiêu* *thứ nhất»*, anh tìm được những bài thơ tiên tri của các thi sĩ ít người biết tới, đã báo động được rất sớm tương lai mịt mù của Việt tộc, giữa chiến khu Việt Minh thời chống thực dân Pháp anh kể về một bài thơ của M.V.Kháng trong đó có câu: *«Đã thấy bên sông màu thuyền thợ»,* bài thơ này đã tiên tri được một viễn ảnh tối đen của đất nước một ngày mà người cộng sản nắm chính quyền sẽ dùng luận điệu của giai cấp công nhân, đó cũng sẽ là ngày tàn của trí thức, của văn nghệ sĩ muốn tự do sáng tác. *«Độc chiêu* *thứ nhì»*, có những thi sĩ anh không thích, nhưng anh biết lấy từ họ ra những bài thơ hay, có ý nghĩa, đó là trường hợp của Lưu Trọng Lư, anh thường đọc cho Tô Thùy Yên và Khoá nghe những câu: *«Đêm hôm ấy rượu nàng ta chẳng uống, từ sau thề chẳng uống rượu ai…».* Có người cứ trách anh là *«một thi sĩ khó tính»,* riêng Khoá thấy anh là *«một thi sĩ kỹ tính»,* vì anh biết *kỹ trí* để *kỹ tâm*. Khoá chưa kể chuyện này với ai: mỗi lần chia tay nhau, Khoá về lại Pháp, anh nói rất ít, ngồi thật yên trong một góc phòng bóng tối nhiều hơn ánh sáng, rồi anh làm thơ bằng tiếng pháp, bài thơ cuối cùng được anh tặng mà câu đầu và câu cuối là: *«Ah! Il doit faire beau dans ce pays-là»*, *Ha! Trời phải đẹp ở xứ kia kìa*; giữa đất tù của mình, chủ thể vẫn tìm ra được các chân trời lạ để thấy và để sáng tác chị à. *Đau như thú dữ cháy rừng*. *Ta đập vỡ hình hài và thức giấc.*

****

*với Phạm Duy và Duy Cường, Paris*

**Nhớ Phạm Duy**

***“Tình âm dương chan chứa, xoay trong tử sinh”***

*Duy Cường thân,*

*«Tôi đang ốm nặng, tin Khoá làm tôi vui»,* đây là dòng thư cuối cùng mà tôi nhận được của Bác, viết ngày 15 tháng giêng; ngày 27 cùng tháng năm 2013, tôi nhận tin Bác qua đời. Thư cuối cùng tôi viết tới Bác để thông tin thêm các suy nghĩ mới của tôi về nghệ thuật ca khúc của Bác, sau bài nghiên cứu về Bác bằng tiếng Pháp trong bộ sách *Anthrpologie du Vietnam* của tôi. Tôi đã tặng Bác bài nghiên cứu này, vào một ngày mùa xuân năm 2010, chắc Duy Cường còn nhớ buổi trưa hôm đó, Duy Cường và tôi dùng cơm trưa gần chợ Bến Thành, Duy Cường dặn Bác qua điện thoại: *«Bố đừng đi đâu nhá, Khoá lại thăm Bố»*; rồi đầu dây bên kia, giọng của Bác lúc nào cũng mạnh và rõ: *«Khoá cứ lại, Bố chờ đây».* Tôi mang lại một bài nghiên cứu của mình sau gần hai mươi năm mới xong, Bác nửa đùa, nửa thật, trách tôi: *«Viết gì mà lâu quá vậy, tưởng tới chết vẫn chưa đọc được bài của* *toi».* Tôi lúc nào cũng có sẵn câu trả lời: *«Bác ạ, nghiên cứu không chỉ là viết, mà phải tổ chức tư liệu, sắp xếp lập luận, giải trình tư duy... mất rất nhiều thì giờ mà chưa chắc đã thành công».* Bác ngồi thanh thản nhưng rất tập trung đọc bài này, nhìn khuôn mặt Bác tôi biết Bác rất thú vị mỗi lần được đọc tiếng Pháp, vì tôi nhớ rất rõ khuôn mặt này mỗi lần Bác lại đọc sách tiếng Pháp tại nhà tôi ở Paris những năm cuối thế kỷ qua. Bác không hỏi, không bàn gì về nghệ thuật âm nhạc, cuộc đời của Bác trong bài viết, mà chỉ hỏi, hỏi thật nhiều về các tư tưởng gia, các triết gia, các nhà phê bình nghệ thuật âm nhạc và thi ca của Âu châu được trích trong bài này dùng để *«giải mã»* cách sáng tác của Bác. Bác bàn thật lâu với tôi về câu của Kant: *«L’amour est une affaire de sentiment et non de volonté, ainsi je ne peux aimer parce que je le veux, encore moins parce que je le dois, car le devoir d’aimer est un non sens»*. Tình yêu vẫn là chuyện của tình cảm, không phải chuyện của ý chí, tôi yêu vì tôi muốn yêu, không ai yêu vì bị buộc yêu, chuyện bổn phận trong tình yêu là chuyện vô nghĩa. Vô nghĩa đã biến thành vô duyên. Hôm đó, tôi nhắc là Bác có cách nói riêng của Bác: *«Ngày đôi môi đã quyết trói đời người».*

Bây giờ Bác đã ra đi, người cha thâm niên của trường ca dân tộc, người yêu bền bỉ của tình ca, đứa con tin yêu của Việt tộc, mà không một ý thức hệ nào thuần hoá được, không một chế độ nào khống chế được, không một bè phái nào có thể bôi bác được. Vì đứa con tin yêu này của Việt tộc đã tặng tổ quốc mình hàng ngàn ca khúc, với rất nhiều bài hát làm rạng rỡ tinh anh dân tộc mình, làm thăng hoa thể phách đồng bào mình. Chuyện này phải có thiên tài mới làm được. Nếu có những người trách Bác vì bị thất thế trong cuộc vật đổi sao dời vừa qua, vì chiến tranh, vì là nạn nhân của các chế độ bất nhân trong chuyện huynh đệ tương tàn của thế kỷ qua, họ cứ trách, tôi hiểu họ, thông cảm với hoàn cảnh của họ, nhưng tôi không phải là họ. Bạn bè, đồng nghiệp, sinh viên hay trách tôi: «*chỉ khen chớ không chê, chỉ nâng chớ không hạ, chỉ nghe, đọc, nhìn chuyện hay, không nhắc, không viết gì về chuyện xấu, chuyện tồi»*; mỗi lần bị trách như vậy, tôi luôn trả lời rất thành thật: *«Sách thánh hiền cả đời đọc không hết, nhạc hay nghe tới chết chưa xong, còn thì giờ đâu mà đi phanh phui chuyện dở, chuyện thấp… để viết»*; tôi được quyền có thái độ này với cuộc sống *«nắng sớm, mưa chiều»* này. Vậy nên trong những năm qua, tôi gần Bác qua cái đẹp, cái hay, cái cao, cái lành trong âm nhạc Bác, tôi tiếp tục trân trọng những cái này trong việc nghiên cứu về dân tộc học, về nhân học của mình mà không để *cái mê chấp của thời cuộc* làm mờ nhạt đóng góp của đứa con tin yêu này của Việt tộc. Nếu các thế hệ đàn cha, đàn anh đã có những ý kiến khác nhau về Bác trong cuộc biến thiên của thế kỷ qua, mà chiến tranh vô nhân, các ý thức hệ vô luân gieo bao đại nạn cho dân tộc, hàng ngày vùi dập nhân cách nghệ sĩ và trí thức; riêng tôi chỉ muốn tâm sự với các thế hệ trẻ tuổi hơn Duy Cường và tôi (chúng ta sinh cùng năm, có lần Duy Cường còn nói là: *«Tôi hơn Khoá sáu tháng»)*, tâm sự về nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan trong âm nhạc của Bác.

**Không già**

Bác là người Việt hiếm hoi mà tôi thấy tuổi đời không lấn được trí lực. Lý trí khi đã thành sinh lực, nó trở thành tinh anh và tự cho phép nghệ sỹ và trí thức đi trên vai của thời gian, cụ Tiên Điền thi hào của Việt tộc đã đào sâu được chuyện này: *«Thác là thể phách, còn là tinh anh»*. Bác vượt lên cả chuyện *thể phách, tinh anh* của riêng mình, để tinh hoa hóa môi trường sống của đất nước qua cách tự tình dân tộc của riêng mình, cả đời nghệ thuật của mình Bác biết «trẻ hoá tình yêu», «thăng hoa yêu đương», cùng vui chia nhau những niềm thương thật hiếm hoi trong cuộc sống. Muốn làm được chuyện này trong gần một thế kỷ phải có hoài bão mạnh, ý tưởng vững, nơi mà trí lực phải dựa vai cùng ý lực, như lời Bác đã đọc khi giới thiệu Đạo ca, khi phổ thơ Phạm Thiên Thư: «*Ý lực cứu độ muôn loài như cứu chính mình»,* ý Phật và tâm Phật là một. Sinh lựccủa Bác đủ vai vóc đồng hành với ý lực, chuyện Bác làm việc say mê dung hòa với chuyện ăn uống điều độ, sống một ngày với Bác thấy rõ được việc này, tránh xa mọi nơi *«chén chú, chén anh»*, kỷ luật tri thức rành mạch với thì giờ trước mắt, chuyện nghỉ ngơi đúng lúc giữ cho tầm vóc tư duy luôn được sáng suốt. Bác đã tặng cho chính mình một món quà thật quý, mà thi sĩ Y.Bonnefoy, tầm cỡ loại Nam Tào của thi ca Pháp trong thế kỷ hai mươi, đã nói rõ được chuyện này *«L’esprit sait vaincre la grisaille».* Lý trí biết cách thắng cái ảm đạm, cái mờ đục, nó không chấp nhận cái đìu hiu. Không già tức là không lẩm cẩm, mà cũng là không thụ động trước các truy bức trong cuộc sống, cứ đẩy nhân tính gần về phía biên giới của thú tính. Tôi thấy rõ chuyện kỷ luật tri thức này trong các nhà tư tưởng, các lý thuyết gia của nhân loại, sự sáng suốt có từ sự tỉnh táo, trí tuệ minh giác là nội công của lý luận, kiến thức tinh thông là nội lực của lập luận. Không già và đủ sức mở lòng thật mạnh với đời để sáng tác, lực nghệ thuật có trong sức nhạy cảm, ý nhập nội trong lý, khai nghiệp để nhập nghệ. Sau một ngày đi đây đó tại Paris, tối Bác về nhà tôi, vui vẻ kể cho tôi nghe: *«Trong mười bài Thiền ca, nội ngày hôm nay, moi làm được năm bài!»,* chuyện không già này thấy rõ trong Thiền ca: *«Hai mươi tuổi đời yêu như hổ đói, bảy mươi tuổi rồi yêu cũng vậy thôi»*. Bạn bè gần xa thường *«trách»: «Câu này chẳng có hơi hướm thiền gì cả!».* Bác và tôi thường đùa nhau: *«Nhập thiền kiểu này để tránh già!».*

**Không rũ**

Bác luôn thấy được lối ra mỗi lần cuộc sống bế tắc, sự thụ động hoàn toàn xa lạ với cá tính quyết đoán của Bác, không có cá tính này đừng tìm đến nghệ thuật, có cá tính mạnh mới trao truyền được sáng tác, kể cả những sáng tác buồn, kể cả những tác phẩm bi quan. Vì cá tính đánh thức cảm tính, vực dậy linh tính, làm thẳng lưng trí tính, mở đường cho nghệ thuật được thăng hoa; không rũ tức là không cam nhận tai biến. Trong chuyện vật đổi sao dời sau 1975, với hằng triệu đồng bào phải bỏ quê cha đất tổ ra đi, Bác có trong khúc ruột bị cắt điếng vất xa tắp khỏi quê hương đó. Những năm đầu tiên Bác cũng hoang mang như mọi người, vì đồng bào di tản của mình bắt buộc phải *vượt biên* mà dân tộc mình chưa hề có kinh nghiệm *vượt biển.* Duy Cường ơi! Biển đông đã thành một nấm mồ khổng lồ vô hình của bao bạn bè, của bao quyến thuộc… Nhưng Bác không rũ, không gục; với *Bầy chim bỏ xứ*, chủ động với nhận định *«Tự do là tiếng loài chim!»,* phải chọn lựa tự do mới bảo vệ được nhân cách của mình, phải gìn giữ tự do mới che chở được tư cách của mình, đối với nghệ sĩ và trí thức phải ôm ấp tự do mới nuôi nấng được phong cách của mình. Tôi kể về nhận định của văn sĩ J.M.Clézio: *«Le destin de chacun est sa liberté», s*ố kiếp mỗi người vẫn là tự do của người đó, Bác rất thích câu này. Trong thư, Bác thường viết *«Khoá ơi! PD, chim già chưa mỏi cánh».* Nhớ lại nhiều thi sĩ được dân mình ngưỡng mộ nhờ qua các bài được Bác phổ nhạc, hãy xem lại tên tuổi những thi sĩ đó, tất cả họ là những người yêu tự do, từ nhân sinh quan ra thế giới quan. Một tự do không ích kỷ cũng không hận thù, tự do còn phải biết biến thành tình thương đồng loại, tinh anh của nhân loại là đây, nếu tự do là riêng tư thì nó vô thưởng vô phạt. Có lần, Bác hỏi tôi: *«Trong Thiền ca, nếu chọn một câu hay nhất thì toi chọn câu nào?»,* tôi thảnh thơi nhưng cũng trầm mặc trả lời: *«Cháu chọn câu:* «Tròn như viên đạn đồng đen, đã khô vết máu, xa miền chiến tranh», *cháu chọn câu này vì nó có nội dung hòa hợp, hòa giải dân tộc!».* Sau cuộc huynh đệ tương tàn trong thế kỷ hai mươi, đáng lẽ kẻ thắng là người cộng sản phải làm chuyện này, họ không làm lại để kẻ thua trận, bại cuộc làm chuyện này, thì lương tri và nhân phẩm sẽ thuộc về bên thua cuộc. Nhớ lại người xưa thật hay, như Quang Trung Nguyễn Huệ chẳng hạn, từ Nam ra Bắc, giải phóng trọn vẹn tổ quốc, khi tới Thăng Long, thủ đô thương yêu của Việt tộc, không còn một bóng giặc Thanh, vua liền bị vây quanh bởi các kẻ đầy tị hiềm dân tộc, trao tới vua một hồ sơ những người đã hợp tác với ngoại xâm, đưa đẩy vua phải mang họ ra xử, vua đã xé bản tường trình tố cáo đó, lại còn lập ngay đàn giải oan, dứt khoát xoá tất cả vết nhơ trong chuyện huynh đệ tương tàn. Đấng minh quân này đã hóa giải chuyện *«gà nhà bôi mặt đá nhau»* để hòa giải nên chuyện *«gà cùng một mẹ, chớ hoài đá nhau».* Bác nghe tôi kể xong chuyện *hoá giải để hoà giải*, Bác liền nhắc tôi: *«Moi đã làm chuyện hoá giải để hoà giải này từ lâu, hồi còn trẻ giữa cuộc chiến tang thương, trong bài* Bên cầu biên giới *moi đã thấy hậu quả của chuỵên hận thù*: «Lòng tôi sao vẫn còn biên giới ?», *rồi trong bài* Bà mẹ Gio Linh, *ôm đầu đứa con vừa bị giặc chặt, nhưng lòng tràn đầy tình thương đồng loại*: «Xa xa tiếng chuông chùa réo», *moi hình dung một viễn ảnh của dân tộc mình mà tâm Phật qua tiếng chuông chùa chan hoà trong không gian; tình thương đồng loại ngân vang như chuông chùa giữa cuộc sống».* Duy Cường ơi! Nhạc hay là nhạc cảm hoá được mọi tỵ hiềm, cảm nhận được tình thương bao la của việc *hoá giải để hoà giải.* Hãy tâm sự với các bạn trẻ đang làm nhạc và đang nghe nhạc Việt Nam, các bạn đừng rơi vào các lời lẽ dễ dãi, câu chữ chụp giựt, âm điệu ngấu nghiến trong cách sáng tác, trong cách thưởng thức nhạc hiện nay; nếu các bạn không *hoá giải* được cái *tục* để *hoà giải* cùng với cái *thanh*, các bạn có thể bị sa lầy trong tương lai vì các bạn sẽ không đủ tâm, đủ ý, đủ lực để *hoà hợp* được với dân tộc này, đã chịu quá nhiều thảm hoạ.

**Không nản**,

Bác không coi chuyến lưu vong sau 1975 vừa qua là vĩnh viễn, phải chấp nhận kiếp lưu đày tới chết, Bác đã trở lại với quê hương, đã tìm về với dân tộc, không một xảo thuật chính trị nào có thể giật dây được thái độ này, kẻ thân với chính quyền thì bảo đã trở về với chế độ, kẻ chống cộng sản thì bảo là đã đầu hàng trước quyền lực độc tài. Riêng người nghệ sĩ họ biết trước hết họ là ai, họ là nghệ sĩ của dân tộc họ, họ có chỗ đứng trên bất cứ thời gian và không gian nào của tổ quốc họ, vì họ yêu đất nước như bất cứ một nhà cách mạng nào, như bất cứ một chính trị gia nào, đừng mơ hồ và cũng đừng *đánh lận con đen* trên chuyện này, vì nước Việt là của mọi người Việt, không một chế độ nào, không một chính phủ nào, không một ý thức hệ nào thay đổi được chân lý này.Không nản ở đây là không để cho dân tộc này bị chia xé, không để cho đất nước này bị chia cắt, vì «*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời»,* cho dù *«Đất nước cháy theo với ngọn lửa thiêu»,* cùng dân tộc tôi *«Tôi đi từ ải Nam Quan sau vài ngàn năm lẻ»;* đó là thông điệp âm nhạc của Bác. Nhưng khổ đau cuộc sống hàng ngày trên đất nước đã tới Bác trọn vẹn, nhờ sức nhận định rành mạch về thời cuộc của Bác, lần cuối gặp Bác tại Sài Gòn, Bác tâm sự: *«Đối với nghệ sĩ trên đời này chỉ có hai chế độ, chế độ ác và chế độ lành, chế độ này không lành, vì nghệ sĩ không được tự do sáng tác, kể cả tự do gặp gỡ nhau. Moi về đây đã năm năm, bị mổ, bị bịnh, bạn bè không dám tới thăm… Nhưng buồn nhất vẫn là chuyện dân tộc mình còn trong lầm than, nhất là về nông thôn, đồng bào mình sống khổ cực lắm cậu à!… Có lẽ moi sẽ trở lại Mỹ, rồi viết tiếp hồi ký, cuốn hồi ký lần này, moi sẽ đặt tựa là:* Năm năm mặc áo giấy!*».* Duy Cường ơi! *Đi với thầy tu mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy*, chúng ta chỉ bảo nhau chuyện này vừa để *phòng thân* đối với bọn xấu, vừa để *thủ thân* đối với kẻ ác, cũng vừa để tìm cách *lập thân* trong một môi trường lành, rồi *tu thân* trong cái trong. Nhưng khi chia tay, rời nhà Bác lấy taxi về lại trung tâm Sài Gòn, tôi tìm cách *ngồi thật yên, thở thật sâu* như lời dặn của thiền học, nhưng không sao thở sâu được, nước mắt tự nhiên rơi, khi nhớ lại câu: « *Nhưng buồn nhất vẫn là chuyện dân tộc còn trong lầm than, nhất là về nông thôn, đồng bào mình sống khổ cực lắm cậu à!».* Tôi nhìn kỹ hơn Sài Gòn trước mắt, *lầm than, khổ cực* đãlẳng lặng nhưng sừng sững đứng giữa tầm nhìn của tôi.

**Không chùng**

Đối với Bác vừa là không chùng bước cũng vừa là không chùng lời, trong thư từ qua lại, Bác luôn tìm cách trao tin vui: *«Đừng sợ già cậu à, càng già nhạc của moi càng hay, lời ngày càng sâu, chữ ngày càng rộng».* Từ lâu, khi nghe nhạc của Bác chúng ta học sâu thêm được nhiều chữ, trong đó có chữ *đi*: «*Cho đi lại từ đầu, chưa đi vội về sau, xin đi từ thơ ấu, đi vui và bên nhau»;* chữ *đi* không rời chữ *đời*: «*Đời ngon như men say, tình lên phơi phới*… *Đời vui như ong bay, ngọt lên cây trái…»*, rồi chữ *đời* này được làm *bạn đời*với chữ *hát: «Vì lòng tin yêu còn hát nghìn năm… Hát với tôi khi mới mang thân phận bào thai…».* Đi để hát cho đời, hát câu yêu đời để đi xa, đi rộng, đi sâu, đi có khi để tránh cảnh: « *Đất nước hai miền chật chội oan khiên…*». Nhìn lại những người quen xung quanh, ít ai đi nhiều như Bác, «*Người đi trong đêm tối, trong đêm thâu. Người đi không dắt, không ai đưa…»,* đinhưng luôn cảnh tỉnh «*Thế giới âm thầm, thủ phạm lâu năm»* để hiểu sâu đậm hơn chữ *tự do: «Ngoài trời tự do… Đưa tôi ra gặp ngay ánh sáng…».* Không chấp nhận cảnh*: « Như đui mắt, như bơ vơ… Đi trong vòng quanh của bầy ma…»,* đi và hát để thấu đượcsố phận của Việt tộc đã nằm trong cái tăm tối của thế kỷ hai mươi, rời khỏi thế kỷ này không biết là mình đang cười hay đang khóc, hài kịch cõng bi kịch trong thế kỷ này vì thảm kịch đã bồng thảm cảnh trong thế kỷ qua, «*nước mắt len sau từng nụ cười»,* vận nước nay mai rồi không biết về đâu? Nhưng đừng chùng bước trong cuộc tầm xuân: «*…Người ôm nhân loại trong mình. Cười trong nước mắt cho xuân tình dấy men…».*

**Không chờ**

Chữ ban ân, không đợi lời thương xót; trong *xuân tình*, cái lõi vẫn là *tình*, Bác nhận chữ *tình* rồi gìn giữ nó như báu vật, gìn giữ trọn vẹn không phải chuyện dễ, tình yêu đôi lứa không thiếu vắng tình thương đồng bào, đồng loại; không ngại câu chuyện tình ái, cũng không giấu diếm câu chuyện tình dục*… «Tình âm dương chan chứa, xoay trong vòng tử sinh…».* Platon dặn đời muốn hiểu được chữ *yêu,* thì phải hiểu tại sao chữ *thiếu* chống lại với chữ *có*: *«aime ce dont il manque, et qu’il ne possède pas»,* yêu vì thiếu, yêu vì chưa có. Aristote còn khẳng định rõ hơn là yêu thú vị hơn được yêu, vì sao? Chỉ vì: *«aimer est certainement une activité de plaisir et un bien, alors que le fait d’être aimé ne procède d’aucune activité chez l’être aimé»,* yêu là một sinh hoạt vừa sướng vừa vui, còn được yêu không tạo dựng được một sinh hoạt lý thú nào cả cho kẻ được yêu. Bác thấy xuyên qua các thế hệ cái lõi vui của chữ *yêu:* «*Xuân trong tôi, đã khơi trong một đêm vui. Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về».* Nhạc của Bác cũng dặn thêm cho đời chữ *mất*, người ta yêu và không ngừng yêu, vì đã bị mất mát nhiều, và biết vui lên khi cuộc sống trở lại bình thường: *«Tình xuân chớm nở đêm qua khi mùa chinh chiến đã lùi xa ngoài đời»,* số phận của một dân tộc đếm bằng *mùa chinh chiến*. Không chờ, không đợi, sẵn sàng tìm nhau *«Tìm nhau khi nhân loại được trùng tu…»* để gặp nhau*…* «*Gặp nhau trong vinh dự của đời người…».* Không chờ, không đợi để không vội, không hoảng, biết nhận vận tốc của thời gian như biết nhận tuổi đời, nhưng cũng biết thong thả với đời, để được ung dung với thân: *“Nắng còn nắng lê thê thì đêm ơi chớ vội gì”.* Phải tiếp tục sáng tác, phải tiếp tục làm chứng nhân cho sự thật và lẽ phải: «*Đừng ngậm miệng im hơi thành xác không hồn…»,* cũng chỉ vì: «*… Lời tôi thay cho tiếng đạn bay… Lời tôi khâu vá tình thương... Đừng cho ai ăn cướp tình ta… Lời tôi sâu như tiếng tình yêu…».* Trước sau, Bác vẫn không nản: «*Tôi còn yêu đời, tôi còn yêu người».* Trong tình yêu Bác đi thật xa, *đi-yêu* và *yêu-đi*, Bác thông cảm với Stendhal: *«Aimer, c’est avoir du plaisir à voir, toucher, sentir par tous les sens, et d’aussi près que possible, la personne aimée»,* yêu là có thích thú trong chuyện nhìn để thấy, va chạm để cảm nhận bằng tất cả cảm quan, càng gần người mình yêu càng hay. Rồi Stendhal như kẻ *ham-yêu* đi xa hơn: *«Il nous pousse à aller plus loin dans le sens de la jouissance: aimer c’est pouvoir jouir ou se réjouir, et se démarquer de l’indifférence et l’ennuie».* Tình yêu đưa ta tới vùng cảm nhận của khoái lạc, yêu để hưởng đi, để được sướng lại, nó hoàn toàn xa lạ với sự thờ ơ, sự buồn chán. Ngược lại với mọi lãnh đạm, buồn rầu, nhạc của Bác có sức gợi cảm trong tình yêu, bàng bạc trùm phủ chữ *yêu* trong không gian, biến môi trường sống thành lãnh địa của ham muốn: *Đêm thơm như một dòng sữa.* Nietzche vẫn không lầm khi nhận ra: *«ce qu’on fait par amour s’accomplit toujours par-delà, le bien et le mal»,* chuyện con người làm trong tình yêu, vượt lên cái thiện và cái ác.  Bác cũng hiểu rõ chuyện này của Nietzche, Bác càng hiểu hơn Réné Char, thi sĩ loại Bắc Đẩu của thi ca Pháp thế kỷ hai mươi, đào kiếm trong tình yêu để hiểu thêm ham muốn: *«L’amour réalisé du désir demeuré désir»,* tình yêu được thực hiện qua ham muốn, rồi vĩnh viễn ở luôn trong dạng ham muốn, bởi vì sao? *«Bởi vì đời còn nhiều khi là mơ! Bởi vì đời còn nhiều khi thành thơ!».*

**Nhớ Nguyễn Đức Hùng**

***Quyền tạo nghiệp***

*Cháu Linh Lê thương yêu,*

Trong thư đầu tiên gởi cho bác, cháu viết: *«Trên giường bịnh trước khi ra đi, bố cháu có đưa cho cháu carte de visite của bác, tên và địa chỉ của bác, mà không nói gì thêm…»,* bạn bè tin nhau là như vậy đó cháu à! Yên lặng nói được nhiều điều mà thời gian sẽ làm rõ mọi chuyện, cái *vô ngôn* bây giờ sẽ mở cửa cho cái *lập ngôn* sau này. Đó cũng là thái độ làm cha đầy trách nhiệm của bố cháu, sắp phải ra đi nhưng vẫn tiếp tục lo cho cháu, trên đường đời sẽ có những bạn bè tin yêu của bố cháu tiếp tục là chỗ dựa tinh thần mỗi khi cháu cần, như cần chú, cần bác trong họ hàng… Bác xin kể vài chuyện về bố cháu mà chắc cháu chưa biết: bố cháu là người thương vợ con sâu đậm, bận bao nhiêu việc trong ngày, nhưng bố cháu luôn tìm cách bảo vệ và đưa gia đình theo hướng thăng hoa. Năm 2006, bố cháu nhờ bác giúp cho chị của cháu vào trường khoa học chính trị Paris, lời lẽ trong thư gởi bác, thật hiếm có người cha nào thương con như vậy, bác làm được chuyện này, bác thấy bố cháu vui vô kể. Năm 2009, bố cháu cũng muốn đưa cháu qua Âu châu để học thêm một cao học về hợp tác quốc tế trong ban cao học mà bác làm giám đốc, một lần nữa ngồi cùng mâm cơm, trong nhiều giờ liền bố cháu nói với bác tại sao bố cháu muốn cháu học thêm bằng cao học này, một lần nữa bác chứng kiến và trực diện với một người cha thương con tới mức nào. Năm 2012, bố cháu chuẩn bị chuyến đi Âu châu cùng với mẹ cháu do bác mời, mà chuyện chính là làm cho bằng được chuyện tổng khám nghiệm sức khỏe cho mẹ cháu, bố cháu nhờ bác liên lạc kỹ lưỡng các chuyên khoa, nơi nào gặp bác sĩ, nơi nào phải qua bệnh viện… Bố cháu và bác tích cực lo chu đáo chuyện này, chưa thực hiện được, bố cháu đã phải ra đi. Thương yêu, chăm sóc cho vợ con như bố cháu mà trong phân tích định lượng của ngành xã hội học gia đình hiện đại tại Âu châu vừa kết luận xong: đây là loại người chồng, người cha hiếm có, càng ngày càng hiếm hoi… đây là thiểu số-chắc chắn-tốt của nhân loại-chưa chắc-tốt.

Trong ngành xuất bản giữa cảnh hỗn quân hỗn quan, bố cháu là người có ý thức trách nhiệm cao. Năm 2008, có lần giữa bữa tiệc mà các sinh viên Việt Nam đãi bác trong một tiệm ăn thân quen tại Đà Nẵng, có một sinh viên thuộc loại học lấy bằng để làm quan chớ không phải để dùng kiến thức đánh thức tri thức, hỏi bố cháu: *nghề làm xuất bản là làm gì vậy chú?* Trưa hôm đó bố cháu tỉnh táo trả lời nhanh gọn, nhưng câu trả lời thật đầy đủ: *«Nghề này đẹp lắm cháu à, vì nó làm chuyện chuyển tải tri thức từ thế hệ này qua thế hệ khác»*; chuyển tải tri thức - một câu trả lời đúng, với câu chữ đẹp, với nội dung lý luận hay. Có ý thức trách nhiệm cao, bố cháu còn có can đảm hiếm có trong ngộ cảnh thiếu dân chủ, thiếu tri thức, trên đe dưới búa của các loại lãnh đạo vô tri, của các trách nhiệm giáo điều vô minh, của vài đồng nghiệp vô giác trước các sáng tạo của các văn nghệ sĩ tài hoa. Ai cũng biết bố cháu can đảm ấn hành các tác phẩm xuất sắc, bị kiểm duyệt một cách thiển cận, bị trù ếm một cách mù quáng… Nhiều tác giả, nhiều văn nghệ sĩ, nói cho đúng nghĩa là phải mang ơn bố cháu, nhờ bố cháu mà tác phẩm của họ được ra đời, được giới phê bình nhận định đúng, được độc giả quý yêu. Những người đã qua đời từ thế kỷ qua như bác Trần Dần, vậy mà giữa thế kỷ mới này lại có tập Thơ Trần Dần mà bố cháu xuất bản, tập thơ này làm thức tỉnh biết bao trí thức, văn nghệ sĩ đang thấy mình lạc lõng trên chính quê hương mình, bỗng dưng tìm được định hướng cho chính mình giữa nhân sinh sớm chiều trôi dạt. Hôm nay 07 tháng bảy 2014, đang viết thư này cho cháu, thì nghe tin văn sĩ Tô Hoài từ trần, bác kể thêm một chuyện nữa cho cháu nghe: bố cháu đã cho xuất bản các tác phẩm sắc nhọn cuối đời của văn sĩ Tô Hoài. Năm 2008, trong nhà của bác Tô Hoài, giữa lòng Hà Nội, bác ấy gọi món bún chả ngoài phố thật ngon về đãi bố cháu và bác, Tô Hoài nhìn bố cháu trìu mến rồi nói: *«Dùng đi Hùng»,* chỉ một câu thật ngắn, tưởng là một câu tầm thường, nhưng ngồi giữa hai người, bác thấy Tô Hoài quý yêu bố cháu biết chừng nào! Từ Bắc, qua Trung, vô Nam, nhiều văn nghệ sĩ, nhiều trí thức quý trọng bố cháu, vì bố cháu làm việc vừa có công tâm, vừa không sợ bọn xấu luôn bên cạnh đe dọa là bố cháu là sẽ phải *«mang họa vào thân».* Trong tam giáo đồng nguyên mà dân tộc ta lấy đó làm một phần nội lực để giữ vững nhân cách cho mình thì Phật, Khổng, Lão đều dạy cái khó trên đời này là *lập công để lập đức.* Cháu Linh Lê thương yêu: bố cháu đã làm được chuyện này, đi đâu cũng có bạn, có bè, bị chặn công việc ở miền Trung, thì đã có nhiều cửa của nhiều nhà xuất bản mở sẵn ngay giữa thủ đô Hà Nội, ăn ở được như vậy ông bà mình gọi là *có hậu*. Muốn làm được chuyện này không dễ, vì có kẻ sống suốt kiếp mà không tìm được lối ra, chỉ vì quá độc ác với đồng loại, nói chi là *có hậu*, những kẻ đó thậm chí tới khi chết rồi, chôn rồi, mà vẫn bị người đời để trâu bò của họ tới giày mồ, dẫm mả.

*Nghề* xuất bản luôn gắn với *nghiệp* văn chương của bố cháu, chữ nghề và chữ nghiệp được tài hoa của bố cháu nối kết bằng chữ *nghệ*, nghệ thuật vị nhân tính, nhân cách, nhân tâm, nhân nghĩa, nhân đạo, nhân tình, nhân sinh… cháu à. Cầm một bản thảo hay trong tay, bố cháu tìm ngay cách cho nó thăng hoa, *chuyển kiếp chữ qua phúc sách*; rồi sau khi xuất bản xong, bố cháu còn đi tìm người phê bình có tầm cỡ, kẻ nhận định có bản lĩnh để nâng cuộc đời tác phẩm đó theo hướng đi lên, đi về hướng cái đẹp, cái tốt, cái lành, cái hay… Làm được như vậy phải là kẻ rất thông minh, vì định nghĩa cuối cùng của sự thông minh là gì? Thì khoa học tri thức hiện đại, tức là khoa học bộ óc hiện nay, phân tích là: một khả năng nắm bắt các thông minh bên ngoài, một năng lực tổng kết các thông minh khác mình, để mở ra một lối đi mới, một sự thông minh mới cho mình và cho mọi người. Bố cháu có tầm vóc đó. Để bác kể thêm vài chuyện mà cháu chưa biết, bố cháu là người trách nhiệm chính về xuất bản, còn trông nom cả về dịch thuật toàn bộ tác phẩm của triết gia François Jullien, ngọn hải đăng của tư tưởng luận đối chiếu đông-tây, điểm hội tụ của tri thức luận thống hợp từ cổ văn Trung quốc qua cổ triết Hy Lạp, nguồn nước sáng của triết học diễn luận đa nhân sinh hiện nay. Hàng tháng tại Paris, François Jullien thường gặp bác để bàn về chuyện nghiên cứu, lần nào ông ấy cũng đều hỏi thăm bố cháu. Có lần bác kể cho ông ấy nghe một chuyện về bố cháu mà ông không biết trong những năm sinh hoạt của François Jullien, bố cháu và bác từ 2005 tới 2010 tại Việt Nam; đó là năm 2009, sau khi in các tác phẩm của François Jullien, bố cháu đã lái xe một mình một ngày rồi cả đêm từ Đà Nẵng ra Hà Nội, để kịp trưng bày các tác phẩm của triết gia này tại buổi thảo luận do hội Minh Triết Việt Nam tổ chức. Nghe xong, François Jullien nói với bác trong ngành xuất bản hiện nay, ông chưa thấy ai yêu nghề như bố cháu. Cái mệt chưa ra khỏi thân thể vì đường xa, hôm sau bố cháu đã chở François Jullien cùng với Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Khắc Mai, Nguyên Ngọc lên Yên Tử để giới thiệu với triết gia này một phần văn minh của Việt tộc. Chuyện nghề, chuyện nghiệp, chuyện nghệ quấn vào nhau, tạo ra nhân sinh quan yêu đời, tạo ra thế giới quan huynh đệ, tạo ra vũ trụ quan rộng thoáng của bố cháu. Bố cháu luôn dành thì giờ đi tìm các tác giả hay, lạ, mới trên thế giới, mỗi lần gặp bác tại Hà Nội, Đà Nẵng, Hội An… bố cháu kể say mê về các tác giả ngoại quốc mà bố cháu vừa đọc xong.

Còn một chuyện lạ khác nữa về bố cháu mà chắc là cháu không biết: bác có cô con gái tên là Khả Anh, tên này do nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đặt, sinh ra đời với nhiều thiệt thòi cháu ạ, Khả Anh bị dị ứng rất nặng, đến độ học đường không cho đi học vì sợ tai nạn xảy ra tại trường lớp. Một bất công coi như không chấp nhận được, bác thường xuyên ở cạnh Khả Anh, biến chuyện chăm lo cho con mình thành lẽ sống của đời mình, hằng đêm cháu Khả Anh không ngủ được vì bị các cơn dị ứng hoành hành toàn thân thể; đêm nào cũng vậy hai cha con thức trắng, Khả Anh hay hỏi bác về những bài thơ của bác. Đột nhiên, cuối năm sáu tuổi chuyển qua đầu năm bảy tuổi Khả Anh bắt đầu làm thơ song ngữ, viết trước bằng tiếng Pháp, sau đó cùng bác dịch ra tiếng Việt. Năm 2007, có lần bố cháu hỏi thăm sức khoẻ của Khả Anh, bác đưa các bài thơ này cho bố cháu đọc, bố cháu yên lặng một lúc rồi bỗng dưng trả lời bác: *«Anh để tôi lo, lần này thắng to rồi !»,* một tháng sau tập thơ song ngữ *Libre le temps - Tự do đi thời gian* của Khả Anh ra đời, với lời giới thiệu của nhà phê bình Hồ Thế Hà, thật sắc nhọn về nhận định nghệ thuật thơ nhưng vẫn trong sáng giữ chất hồn nhiên của Khả Anh, và độc giả Việt Nam tiếp nhận một cách tốt lành tập thơ này. Khả Anh sinh ra, lớn lên xa hàng ngàn dặm quê hương Việt Nam, nhưng bố cháu đã đưa được Khả Anh về trong lòng văn nghệ của đất nước. Đây là câu chuyện vừa văn chương, vừa đầy tình người xuyên qua nhiều thế hệ cháu à! Vì bố cháu có cái *tinh tính* mà ít kẻ có: *nghe kỹ, đọc sâu, ngẫm chắc, chuẩn hay, tính đúng*, ngay cả trên bản thảo của một đứa bé bảy tuổi. Cháu Khả Anh chưa gặp bác Nguyễn Đức Hùng, nhà văn Đà Linh lần nào, nhưng Khả Anh đã *hạnh ngộ* với bố cháu; vì bố cháu đã trả lời một câu hỏi vô cùng khó của thi sĩ đồng hương Quảng Nam với bố là Bùi Giáng, cứ thắc mắc về nhân sinh: *Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn?* Không biết nhân loại có đáng cho ta *«sống hết mình»* không? Hay *sơ ngộ*, tức là mới vừa gặp mà bị xem như đã chết rồi! Bố cháu không những biết *«sống hết mình»* mà bố cháu còn biết và chuyển được hệ vấn đề nan giải của con người là *chưa sơ ngộ mà đã thành hạnh ngộ*. Cháu Khả Anh được bác Hùng trao tặng ba cái hạnh ngộ: hạnh ngộ với đất nước, hạnh ngộ với văn chương và hạnh ngộ với cách xuất bản của bác Hùng. Một tháng sau ngày bố cháu ra đi, bác tới Đà Nẵng tại nhà bà nội của cháu, nơi có bàn thờ của bố cháu để thắp hương cho bố cháu, bác có thay cháu Khả Anh thắp thêm một nén hương trước anh linh bác Hùng, miệng bác lẩm bẩm câu của cụ Tố Như: *Thác là thể phách, còn là tinh anh.*

Cháu Linh Lê thương yêu, năm 2010 có lần bố cháu tâm sự với bác là khi biết cháu chọn con đường văn nghiệp, bố cháu vừa mừng vừa lo. Mừng vì thành kẻ viết văn, cháu sẽ là người sáng tạo, sẽ biết khơi động được nguồn tâm thức của đồng loại, chia sẻ với đồng loại những điều sắc nhọn của tâm linh; nhưng lo vì viết văn không phải là *nghề* mà là *nghiệp*, lại cụ Tiên Điền dặn chúng ta rất kỹ: *Đã mang lấy nghiệp vào thân, chớ đừng trách lẫn trời gần trời xa*. Cháu ơi, cháu có biết cái tựa *Quyền tạo nghiệp* của bài này từ đâu ra không? Trong tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật), thì đây là một phạm trù lý luận của Phật học: có nhiều người sống cả đời mà không thoát được nghiệp chướng của tâm mình, không ra được luân hồi của đời mình, những người đó sống bằng những đau khổ của chính họ, ngày ngày phiền não, rồi còn lại làm vung vãi mảnh khổ, mảng đau của họ lên số phận của những người xung quanh; vì vậy ta phải cẩn trọng khi đối diện với nghiệp đời, phải thận trọng khi song hành với nghiệp sống, cháu à. Đất nước mình chịu nhiều oan khiên, dân tộc mình phải gánh biết bao khổ lụy, vác trên lưng, trên vai những cuộc chiến vô cùng khốc liệt, lại có lúc còn kham vào những loại ý thức hệ không đâu, để đồng bào mình nhiều phen rơi vào bẫy *huynh đệ tương tàn*. Tô Thùy Yên, thi sĩ của Việt tộc sinh ly, có lúc đã thốt lên: *Hỡi ôi! Hiền sĩ gặp ma trận*; vì nghiệp loạn này đè lên nghiệp oan kia rồi thành ma trận, không ai thoát được, vô tình truy diệt nhau trong mê loạn, bị ý thức hệ xiết ngộp nghiệp mình mà không thấy lối ra, vì không biết hòa hợp, hòa giải giữa anh em, giữa đồng bào. Từ đây, chúng ta phải biết *ôm từ tâm*, phải biết *cõng bao* *dung*, phải biết *bồng rộng lượng* mới mong thoát được nghiệp chướng này cháu à! Biết *lấy tâm* *để chuyển nghiệp*, phải thông minh hơn nữa lấy tình đồng bào, nghĩa huynh đệ, lòng thương nòi để tạo ra nghiệp mới: vắng hận thù, bớt ích kỷ, rộng từ bi; quyền tạo ra một cái nghiệp mới tốt lành, đùm bọc nhau để sống, đúng cái nghĩa *«sống hết mình»;* cháu biết không? Bố của cháu đã làm được chuyện này thủa sinh thời, cháu à.



Với Đinh Cường, Chateau de Normandie

**Nhớ Đinh Cường.**

***«Ai gọi bia đời tôi?»***

*Cher Chinh,*

*«Kính báo chú Khoá, Ba cháu đã qua đời ngày 7 tháng 1.2016. Quá đau buồn, không thể nguôi»,* đây là câu cháu viết cho chú, để trả lời lá thư của chú gởi cho Ba cháu, báo là chú sẽ ghé thăm Ba trong chuyến đi Mỹ đầu năm nay. Chú cảm nhận đầy đủ được câu: Quá đau buồn của cháu, cũng là nỗi buồn của bao bạn bè gần xa đã biết, quen, thân với Ba cháu. Trong thư này, chú xin kể vài chuyện tình thâm của giới văn học, nghệ thuật mà có thể cháu chưa biết về Ba, con người của Ba trong thế giới văn nghệ sĩ đẹp lắm cháu à.

Trịnh Công Sơn, dãy Trường Sơn của ca khúc nối được bao vòng tay lớn cho Việt tộc, cũng là người bạn tâm giao của Ba cháu, tâm giao và tâm đắc trong tĩnh lặng, không ồn ào, vì có nhiều người hay nhận là bạn của nhạc sĩ thân thương này của chúng ta, nhưng bạn bè thân thuộc với cả hai, thấy rất rõ, hiếm ai gần gũi với Trịnh tiên sinh hơn Ba cháu. Những năm vừa buồn chán, vừa bế tắc sau 1975, mà đồng bào mình tan loãng bốn phương, tám hướng; bè bạn tù tội, bị đày đọa trong các trại cải tạo, đi mà không biết ngày về… mỗi gia đình thấy cái tan rữa ngay trong căn nhà của mình, mỗi bầy bạn thấy cái rã nát từng ngày trong tình bằng hữu, gặp nhau rất khó, tâm sự với nhau còn khó hơn, trước một hệ thống công an vô tâm, được kích thích bởi một ý thức hệ cực đoan bị ung thư tư duy ngay trong phản xạ rình rập. Nhưng đó là những năm mà tình bạn giữa Ba và Trịnh Công Sơn thật gắn bó, có những buổi trưa mà «cả nước đang say giấc cá trưa», đây là câu thường tới trong đầu của chú, mỗi lần chú thấy cả Việt tộc, thật tội nghiệp, mệt rồi gục ngủ sau nhiều năm dài đằng đẵng chiến tranh, không tỉnh giấc đúng lúc trước những hạnh ngộ với nhân quyền, chưa sơ ngộ với dân chủ, chưa gặp mà đã bị đánh mất, như lời răn của Bác Bùi Giáng «Chết từ sơ ngộ, mầu hoa trên ngàn». Những năm tháng đó, Bác nhạc sĩ tới thăm Ba họa sĩ, có khi ngồi với nhau thật lâu, mà chẳng nói với nhau một lời, cái yên lặng quý báu giữa cuộc đời thăng trầm, cái yên lặng có nội lực của tình người trong thử thách về nhân cách; đồng hội, đồng thuyền trong đồng cam, đồng kham. Những buổi trưa như vậy, chú học được bao nhiêu điều sâu đậm của tình bạn, trong cái yên lặng khôn nguôi này. Rồi những buổi tối, tại nhà của Trịnh nhạc sĩ, với bao bạn bè, lúc đùa giỡn ồn ào, lúc tranh cãi sôi nổi, Ba cháu luôn có mặt, nhưng Ba chọn một cái ghế dài, ở nhà Bác Sơn, hay ở nhà chú Tịnh, em Bác Sơn, Ba ngả lưng, cũng yên lặng, lúc mắt nhắm nghiền, lúc hút những hơi thuốc lá thật sâu, theo dõi sát các câu chuyện, Ba luôn cười, vui đúng lúc theo nhịp sống, nhịp đời với bè bạn. Tâm giao, đắc khí với Bác Sơn, ngay trong nghệ thuật ca khúc, ngay trong sáng tạo ca từ của Bác ấy; những lúc ngồi riêng với chú, không có Bác Sơn, Ba hay nhắc chú những câu mà Ba tâm đắc nhất trong nhạc của Bác Sơn. Trong nhạc tình, Ba hay nhắc tới câu: «Em vì câu khấn nhỏ, bỏ ta đứng bên đời kia», Ba giải thích là những ca từ này là con người rất thật, qua cuộc sống cũng rất thật của Bác Sơn; trong cái đẹp ngữ pháp của Trịnh nhạc sĩ, Ba dặn chú đừng quên cái thật của Bác ấy trong cách cấu từ. Trong các bài nói về thế hệ của Ba và Bác Sơn, Ba thích nhất câu: «Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì», chỉ một câu mà tổng kết rồi giải kết cho một thế hệ, phải gồng gánh bao đau thương của cả một dân tộc, để đi ngang qua một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc, cháu à. Chú nói với Ba là câu này cũng là loại câu thống hợp với đầy đủ tính sử học, nói được sâu đậm cái mất mát của thế hệ của Ba và Bác Sơn, theo chú thì câu này còn hoang vu, còn hoang lạnh hơn cả câu :«Chúng tôi tuổi trẻ đầu thai lầm thế kỷ» của người thầy của chú là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Nghe chú nói xong, Ba để lộ một nỗi buồn, cùng với một nỗi vui, ẩn hiện cùng lúc trên khuôn mặt của Ba, chắc là Ba nhận ra được sự cảm thông của thế hệ đàn em, ít chịu đựng «thử lửa» hơn bao thế hệ đàn anh của mình.

Bạn bè văn nghệ sĩ miền Nam vẫn hàng ngày bị hệ thống công an rình rập, Ba luôn chú ý tới cuộc sống hằng ngày của bè bạn, Ba thường thông tin cho chú biết ai đang gặp khó khăn, ai cần phải giúp đỡ gấp. Mùa hè năm 1986, chú vừa tới Sài Gòn, Ba tìm chú, rồi kể: «Khóa ơi ! Mộ của Hoàng Trúc Ly, không được chăm sóc, bị bò dẫm nát cả!», Ba lại sợ chú đã quên thơ của Hoàng thi sĩ, Ba đọc liền bài Ca sĩ: «Từ Em tiếng hát lên trời… Tay vê vòm tóc, tay mời âm thanh… Giọt sầu chẻ xuống lòng anh…». Chú trả lời: «Để Khóa lo, nhưng phải về Paris đi cầy đã, rồi gởi tiền xây mộ sau, chuyện mướn thợ xây mộ, anh lo nhé!», Ba: «Ừ, để moi lo!», hai tuần sau khi nhận được tiền, chú nhận được tấm ảnh Ba đứng cạnh mộ Bác Ly đã được xây lại, cùng vài người trong gia đình Bác ấy. Uy tín của Ba trong giới văn nghệ sĩ là vậy, thầm lặng giúp bạn bè, không bao giờ ồn ào, làm bao cầu nối, giúp nhiều bạn bè vừa ra khỏi tù cải tạo, giúp họ nhận được «viện trợ» đúng lúc. Mùa hè năm sau, 1987, chú hỏi Ba: «Nghe nói là Vũ Thành An vừa ra khỏi trại cải tạo, chắc còn khó khăn?», Ba: «Ừ!», rồi tiếp luôn: «Nếu toi muốn giúp An, thì moi đi tìm An, mai gặp vào giờ cơm trưa nha!». Hôm sau, Ba xuất hiện với Vũ tiên sinh, ngay giờ cơm trưa tại nhà đường Duy Tân của Bác Sơn, hôm đó Bác An, tác giả chân tù của lối thú… không tên, nói một câu thôi với Bác Sơn, tác giả miệng ngọt hạt từ tâm, mà sau gần 30 năm chú nhớ rất rõ: «Sau bao nhiêu năm rồi, mình mới gặp nhau Sơn hả!». Tại sao chú phải nhớ câu này trong những năm dài đằng đẵng vậy cháu? Vì bạn bè cùng một thế hệ, sống trong cùng một xã hội, đam mê cùng một nghệ thuật, vậy mà gặp nhau quá khó, cái vắng mặt trùm phủ thời gian, để khi bè bạn gặp nhau, thì hết là chuyện thường, mà là cơ may như hải đăng le lói, nửa cúi, nửa gục trong đêm đen, biển sâu, đây cũng là nghiệp chướng của thế hệ của Ba, rồi của chú.

Khi qua định cư tại Mỹ, Ba vẫn giữ chặt chẽ cầu nối với bạn bè còn lại trên quê hương, trong đó có Bùi Giáng vẫn luôn được chăm sóc. Năm 2007, Ba biết chú đang có mặt tại Sài Gòn, Ba gọi chú lên tiệm Givral, là nơi Ba rất thích ngồi uống cà phê với bè bạn gần nửa thế kỷ qua, chú vừa tới, Ba đưa ngay điện thoại di động cho chú, rồi nói là: «Nghe Nguyễn Đức Sơn đọc bài thơ vừa làm xong!», đầu dây bên kia Bác Sơn (Sơn thơ chớ không phải Sơn nhạc) kể: «Khóa ơi, số phận dân tộc mình vẫn đen tối Khóa à, moi vừa làm xong một bài mới, mà thơ của moi bây giờ mỗi bài chỉ có một câu, đây là bài mới nhất của moi : thằng nào nhiều lựu đạn, thằng đó thắng!». Có lần, Ba cháu cũng qua tận Paris năm 1994 thăm chú, ba cháu rất ngạc nhiên với cảnh «hàn vi» của chú, trong một căn phòng 20 thước vuông, vô cùng chật chội nằm ngay giữa thủ đô, Ba cháu phải ngủ dưới đất, Ba thắc mắc rồi hỏi kỹ về kiểu sống: option 0 của chú, tức là «Không còn một cắc trong túi ngày cuối tháng», làm được bao nhiêu tiền, thì «tặng-gởi-biếu-trao» các văn nghệ sĩ, Nam có, Trung có, Bắc có. Có lần, Ba thích thú đọc trong danh sách những người nhận trợ giúp, có những người rất lớn tuổi: Đoàn Phú Tứ, Vũ Đình Liên, Trần Huyền Trân, Văn Cao… Đó là những năm tháng thật lạ, thú thật với cháu, là những năm tháng vui trong cuộc đời của chú… Vì chú biết rõ là không có một bạo quyền nào giết được tình người, tình bạn. Những năm tháng đó, có khi giữa đêm, chú hay thức giấc, xin lỗi Bác Sơn (Sơn nhạc), tự động đổi một chữ trong câu của Bác Sơn: «Ngọn gió hoang vu (vui) suốt xuân thì». Những năm tháng đó chú rất gần gũi với Ba, chú nghĩ chắc là Ba cũng có niềm vui đó. Gần đây với tuổi đời, chú cũng xin lỗi luôn Bác Sơn (Sơn thơ), tự động thêm hai chữ trong câu của Bác ấy: «Thằng nào nhiều lựu đạn, thằng đó (chưa chắc) thắng!».

Thanh Tâm Tuyền, ngọn núi u hiển nhưng vời vợi của thơ tự do Việt Nam, cũng là bạn thân của Ba cháu, trong những năm ngột ngạt của chế độ công an, thích bắt người hơn bảo vệ người. Bác Tâm thường ghé thăm Ba những lúc Bác ấy buồn vì cuộc sống không có ngày mai của Việt tộc. Trong thi ca cũng như trong văn chương, Bác ấy luôn thấy trước, thấy sâu, thấy rộng hơn những người chung quanh, tại nhà của Ba Má cháu khi còn ở khu Tân Định là nơi chú nghe được những tâm sự sâu lắng «Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ», của thi sĩ Tôi không còn cô độc. Những ngày tháng này, chú càng hiểu rõ hơn nỗi cô độc trùm phủ lên thế hệ của Bác Tâm, của Ba, cái cô độc làm ra cái sáng tạo lúc thâm trầm, lúc mãnh liệt của bao văn nghệ sĩ miền Nam. Nhà của Ba những năm sau 1975, cũng là nơi mà Bác Tâm dặn dò chú rất kỹ: «Trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống, dù là «khốn nạn nhất», đừng bao giờ nuôi dưỡng hận thù trong tâm trí, trong văn thơ…». Chú tu hằng ngày câu này của Bác Tâm, tu cho tới ngày chú rời cuộc sống này, chỉ có một câu thôi mà tu cả đời không xong, bài học này chú nghe và học được ngay trong ngôi nhà của Ba, của các cháu.

Nhưng bè bạn gần xa quý yêu rồi quý trọng Ba ngay trên thực tài họa sĩ của Ba, vì có người tư xưng là họa sĩ nhưng họ không biết vẽ cháu à! Lại có người vẽ rất giỏi về kỹ thuật nhưng người xem tranh họ, ta không có được một cảm xúc nào cả. Ba thì nắm chắc kỹ thuật, rồi trải nghệ thuật của mình trong những xúc cảm, mà người xem tranh của Ba chia sẻ được ngay bối cảnh, tâm trạng, tình huống tạo hình của Ba. Ba cháu chung thủy với một đề tài, dành cuộc đời nghệ thuật của mình cho chủ đề mình chọn; người ta nhận ra ngay họa sĩ Đinh Cường, với những sắc màu hoài niệm, vờn bay qua bao đổ nát của quê hương với khuôn mặt của một thiếu nữ luôn giữ trọn vẻ đẹp thầm lặng của mình, như giữ cho bằng được nhân cách giờ đã thành nhân dạng của mình. Đây là chuyện khó trong nghệ thuật tạo hình, những người hiểu tranh của Ba thấy được tư tưởng nghệ thuật này qua cách tạo hình, tạo thể, tạo dạng, tạo phách trong tranh của Ba, nghệ của Ba dính chặt với nghiệp của dân tộc mình cháu à.

Tô Thùy Yên, dòng nước ngầm thâm sâu, nhiều lúc dâng đầy bao nẻo đường lao nạn của Việt tộc, cũng là người rất gần gũi với Ba. Trong cái rình rập của một chế độ công an cú vọ, say sưa hãm hại, đam mê trừng phạt hơn là bảo vệ nguyện lực của nhân sinh, những lần chú gặp gỡ được Bác Tiên thường là ở nhà của Ba, mà Má của cháu cũng là người rất «*mê»* thơ của thi sĩ *«Chiều trên phá Tam Giang»* này. Có lúc, Ba vừa vẽ, vừa *«thúc»* Bác Tiên nhớ lại các bài thơ vừa mới làm xong, rồi *«giục»* Bác ấy viết lên những khổ giấy dài, mà cuộn gọn lại được; có lần Tô tiên sinh hỏi: *«Tại sao phải viết thơ của moi trên khổ giấy này?»*, Ba vừa cười, vừa trả lời: *«Để cho moi treo lên đây, cho bạn bè đọc trước, sau đó để thằng Khóa cuộn lại mang đi Tâ****y****!»*. Ít người biết là những năm tháng đó, có nhiều bạn bè gần xa, ghé thăm Ba, và ngồi thật lâu trước các bài thơ mới của Bác Tiên, trong đó có Bác Sơn, rất quý yêu các bài của Bác Tiên, chú còn giữ bài *Hái rau,* ghi lại những năm tù rạc trong các trại học tập của Bác Tiên, lần mò giữa rừng núi, hái từng đọt rau dại nuôi thân:

*«Chiều ra đồng hái rau hoang,*

*Nghe sầu trong gió thổi tràn mặt ta*

*Ơn trời, ơn đất bao la*

*Hái đi này những xót xa kiếp người*

*Cổ kim chung một mái trời*

*Kinh thi cũng có kiếp người hái rau».*

Ba còn có một chân tài tạo hình khác, mà ít họa sĩ khác có được: Ba vẽ chân dung bạn bè rất đẹp, Ba đã để lại một dấu ấn tạo hình xuất sắc qua thể loại này. Các portraits của Bác Sơn, Bác Tâm, Bác Tiên, Bác Cần (Cung Trầm Tưởng)… đã trở thành những tạo hình nhân dạng khó quên của nghệ thuật chân dung cho hội họa Việt Nam. Ba cũng đã để lại những chân dung của Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Lưu Trọng Lư… ở tầm cao trong sáng tạo thần sắc văn nghệ **sĩ**; qua Mỹ Ba vẫn tiếp tục thể hiện tài hoa này khi Ba vẽ chân dung của Lê Uyên Phương, Du Tử Lê… với trọn vẹn thiên năng diễn sâu nhân tính bạn bè của mình đă chịu bao thử thách của nhân sinh.

*Cher Chinh,*

Cháu có biết câu làm tựa cho bài viết này:*«Ai gọi bia đời tôi?»* từ đâu ra không? Đó là câu trong một bài thơ của Ba cháu, làm thời thanh niên, làm trên đoạn đường nối hai miền của đất nước, miền Trung quê quán của Ba, và miền Nam đất dung thân, dụng võ của Ba, trong những năm dài đằng đẵng huynh đệ tương tàn của thế kỷ XX, đã lấy đi bao bạn bè, lấy luôn cả cái ham muốn sống của bao thanh niên trong thế hệ của Ba, ham muốn được sống bình thường với thân quyến, được sống trọn vẹn với nghệ thuật của mình. Năm 1987, họa sĩ Hồ Thành Đức đọc bài thơ này cho các họa sĩ hay thường tụ họp tại nhà của họa sĩ Bé Ký, xóm Đa Kao, vào cuối tuần; lần đầu tiên chú nghe được bài thơ này, chú cúi đầu cảm nhận thâm sâu nỗi cô đơn, luôn mang theo cái mất mát không ngừng trùm phủ lên kiếp người, luôn ráp nhập vào cái chết; cái mất mát và cái chết luôn kề cạnh thế hệ của Ba, của chú trong khói lửa chiến tranh, mà không sao buông bỏ được cháu à!

****

*Đinh Cường cạnh mộ Hoàng Trúc Ly****Bà Nội***

***«Nuôi con mới biết công lao mẫu từ»***

*Chère Khả An, Chère Khả Anh,*

Hai con Khả An, Khả Anh thương yêu của bố,

Hôm nay, 18 tháng 11 năm 2012, ngày giỗ Bà Nội, đã gần 30 năm, Bà Nội ra đi, vĩnh viễn xa mình. Cách đây hơn 10 ngày, ngày 05 tháng 11 Ông nội cũng ra đi, cũng tháng 11, hai sinh ly thật lớn trong một đời người. Sáng nay, Bố dậy sớm để giỗ Bà Nội, cũng luôn thể làm giỗ nhớ Ông Nội; giữa đất trời biển rừng Địa Trung Hải, bố lẩn thẩn ra vào một mình, không khí chủ nhật trong lành, bố nhớ lại biết bao chuyện đời xung quanh thủa sinh thời của Bà Nội; nhớ lại cuộc đời của mẹ mình, buồn nhưng phải giữ sự sáng suốt cho trí tuệ, sự tỉnh táo cho tâm linh để thấu hiểu câu ông bà dạy: *“công cha, nghĩa mẹ”*, chữ *nghĩa mẹ* này, tâm niệm cả đời chưa chắc hiểu đầy đủ, trọn vẹn các con à.

Bà Nội và Ông Nội không kể cho bố nghe là hai người gặp nhau trong bối cảnh nào? Nhưng cả hai người gốc Bắc, Bà Nội người Hải Hưng, Ông Nội Hải Phòng, cả hai vào Nam rất sớm, trước đợt di cư 1954, Bà cố bên nội mình ở lại miền Bắc, Bà cố bên ngoại vào Nam với Bà Nội, trong suốt cuộc chiến dài đằng đẵng 30 năm, gia đình mình như bao gia đình Việt nam khác, *“tứ phương, tám hướng”*, ra đời cùng một gia đình nhưng suốt đời trông mong nhau, mong được sum họp đầy đủ như ông bà căn dặn: *“tứ đại đồng đường”,* bốn thế hệ chung một mái ấm gia đình. Tội tình gì mà một kiếp người phải nhận, phải *“kham”* bao sinh ly, cách biệt. Vậy mà cuộc đời của Bà Nội và Ông Nội là sự quyết tâm phấn đấu, tạo tương lai cho các con của của mình, đưa cuộc sống đi lên, tạo thật nhiều điều tốt lành cho quyến thuộc gần xa. Những năm khói lửa chiến tranh, Bà Nội nuôi nhiều người, có người là bà con, có người không trong họ hàng mình, còn Ông Nội giúp biết bao người *“thoát hiểm”* xa cảnh chết chóc chiến tranh. Đi đây, đi đó nghe người đời kể về phúc đức của Bà Nội và Ông Nội; bố hiểu rõ thêm câu:*«cha mẹ hiền để phúc cho con»*. Nhưng mỗi lần nhắc tới Bà Nội là nhắc tới tính hiền lành, thực thà, đôn hậu. Các con ơi, với tuổi đời bố mới hiểu ra: hiền lành, thực thà, đôn hậu, không phải là dại khờ, vô tư, ngây ngô, đây là một nhân tính rất thông minh của con người, mà các đạo Khổng, Lão, Phật ra công mài giũa, chiết lọc để bảo vệ nhân cách cho nhân sinh. Tính hiền lành của Bà Nội bao trùm một tình thương lớn với những người cùng khổ; sự thực thà của Bà Nội bàng bạc trong sinh hoạt hằng ngày làm người có phản xạ hung dữ với đồng loại nếu có suy nghĩ phải suy ngẫm lại; còn tính đôn hậu của Bà Nội là lòng vô tư lợi, giữa thăng trầm của cuộc sống con người nâng nhau lên để cùng nhau vượt thắng mọi hoạn nạn, đặt sự sống lên cao, đưa nó xa cái hủy diệt vô nhân. Bà Nội mình đứng trên cao mọi ý thức hệ, tách xa mọi tính toán chính trị của bọn gây chiến tranh, bắt đồng bào gánh chịu cảnh *“huynh đệ tương tàn”.* Các con biết không? Bà Nội có tham gia kháng chiến chống ngoại xâm Pháp, giành độc lập cho dân tộc, Bà Nội vui sướng nhất là khi được tham gia phong trào *“xoá nạn mù chữ”* với tuổi thanh niên của mình. Những năm đầu của phong trào *“vào thành”* chống chiến tranh Mỹ, Bà Nội nuôi cán bộ kháng chiến; thời độc tài của chính quyền Khánh, Thiệu (1965-1975), Bà Nội tham gia biểu tình trong các phong trào tiến bộ đòi chấm dứt chiến tranh, Bà Nội bị tù. Cuộc chiến dai dẳng qua năm tháng, nhưng tình thương người cao cả của Bà Nội vượt lên mọi mê chấp, Bà Nội hằng ngày nuôi những người lính miền Nam thiếu túng quanh quẩn canh gác khu xóm Chùa nhà mình. Khổng Tử dạy chữ *nhân,* Mạnh tử dạy thêm ba chữ: *lòng trắc ẩn*, một tình thương đồng loại, vượt lên mọi đố kỵ, hiềm khích. Không có một ý thức hệ nào đóng khung được tình thương người.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, dãy Trường Sơn của ca khúc Việt Nam, tự xem mình như *«kẻ hát rong»,* nhưng hát lên được nhân phẩm Việt tộc trong cuộc vấn nạn của thế kỷ hai mươi với bao điêu linh, tan vỡ trong tâm hồn của đồng bào mình; và cũng là người thầy tinh thần của cả gia đình mình, đã đặt tên cho hai con, chị là Khả An, mong con được *“an nhiên tự tại”*, giữ được sự bình tâm trước những thăng trầm của cuộc sống; em là Khả Anh, mong con giữ mãi *“tinh anh”,* lấy đó làm cốt lõi cho thể phách, vượt mọi thử thách trong một đời người. Có lần, Bác Sơn tâm sự với bố: *“Một trong những mất mát lớn nhất trên đời này là mất mẹ”*; trong một ca khúc những năm còn thanh niên, Bác đã thấy được tình thương máu, thịt, xương giữa mẹ và con: *“Đứa con này, mẹ mang đầy bụng, mẹ bồng trên tay”,* c’est un amour fusionnel, mà người Việt nói là *«liền mẹ, liền con».* Cảm nhận điều này, những đứa con không sợ thành *“bụi đời”* giữa cuộc sống*,* khi qua đời không lo biến thành *“oan hồn”* lạc lõng cô đơn, trơ trọi trong âm giới*.* Sau lần đất nước thống nhất cũng là lần biến loạn *“kẻ ở người đi”,* kẻ di tản, người vượt biên, Bác mình quyết định ở lại quê nhà, nhận biết bao lời *“thị phi”*. Lần đầu tiên, lại thăm gia đình mình Tết năm 1984, khi đó Bà Nội vừa qua đời được ba tháng, tại *“căn cứ địa của gia đình mình”* 56, Nguyễn Hữu Cảnh, Quận 1, Sài Gòn, căn nhà do Ông Bà Nội mình xây lên. Các con biết không? Động tác đầu tiên của Bác Sơn khi tới nhà mình ở Sài Gòn là *“thắp nhang”* cho Bà Nội, cử chỉ thành kính của Bác làm bố cảm động khôn nguôi. Ngày Bác Sơn mất mẹ, bố biết Bác buồn vô hạn, buồn đã thành lời trong nhạc của Bác: “*Này nhân gian có nghe đời nghiêng”*; các con thân yêu ơi, một người kính yêu qua đời mà cả nhân loại bị nghiêng đi, thế giới bị lệch sang hướng khác, nhạc của Bác Sơn có tầm vóc xúc cảm đó. Những năm qua, mỗi lần *“thắp nhang”* ngày giỗ Bác Sơn tại nhà mình ở Nice đây, trên đỉnh đồi Địa Trung Hải này, bố thường nhớ về những lời của Bác Sơn khi Bác nói về mẹ mình.

Các con cũng có một Bác nữa, vô cùng thân yêu, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, dòng thác chủ đạo của thơ tự do, ngọn núi xa tắp của bình nguyên văn xuôi cận đại Việt Nam, và người luôn làm bố *“tỉnh lại”* trước những biến loạn của cuộc đời, Bác Tâm cũng là người đặt cái tên thứ nhì cho “Em Bé” Khả Anh, Bác đặt tên con là: *Tuyết Xuân*, Bác có làm một bài thơ cùng tựa kèm theo năm 2000, năm con ra đời, Bác dặn bố những điều thật cốt lõi cho tương lai: *“phải thấy giữa mùa đông băng tuyết, mùa xuân đã có mặt trong lòng đất, vì đất vẫn giữ được hơi nóng của sức sống; thở không khí lạnh muà đông nhưng biết trời đã báo tin xuân. Càng tin tưởng vào đạo thờ ông bà, thì càng phải bảo vệ các thế hệ mới ra đời”*. Các con thương yêu của bố, các con có biết là những năm đen tối nhất của cuộc đời Bác Tâm trong các trại học tập cải tạo từ Nam ra Bắc, mà Bác và bố gọi là *“nhà tù giữa trời”*, Bác làm những bài thơ thật đẹp về những ngày sinh nhật của những đứa con của Bác, những ngày sinh nhật này theo Bác cũng *“hệ trọng”* như những ngày giỗ ông bà. Thông điệp thi ca của Bác Tâm là phải bảo vệ cho bằng đượcnhững mầm non của cuộc sống, để thấy giữa trời đất một hình ảnh bao la thật đẹp của các thế hệ mai sau: *“vang vang trời vào xuân”*, tựa một bài thơ của Bác trong những năm ngục tù cải tạo, gửi tin yêu của nhân sinh vào giữa những lầm than ngục sống. Những năm sau 1975, văn nghệ sĩ miền Nam bị chế độ mới đày đoạ, ít người thấy được tương lai như Bác Tâm: *“Trời xanh trong vắt, giếng nước ngọc”.* Hôm nay là ngày giỗ Bà Nội, bố cũng *“thắp nhang”* nhớ Bác Tâm, nhớ lời Bác dặn phải bảo vệ tương lai các con; nếu Bà Nội còn sống cũng sẽ dặn bố như vậy.

Cùng với Bác Tâm, các con cũng có Bác Tiên, thật gần gũi với gia đình mình, thi sĩ Tô Thùy Yên, vừa là vai vóc nhân cách Việt tộc trước cuồng phong của thời đại, vừa là nguồn nước ngầm nghẹn ngào của nhân loại trước những tàn khốc của lịch sử thế kỷ này và thế kỷ vừa qua. Trong những năm tù rạc mịt mù, mặc dù đất nước *“mang tiếng”* đã hoà bình, đã thống nhất, Bác Tiên gởi tới các đấng sinh thành ra mình những lời *khẩn thương,* để thấu cho bằng được tâm khảm vấn nạn, hiểu cho thật sâu tâm cảnh thời cuộc, để những người còn sống cùng nhau tâm giao, cũng vừa để tạ lỗi với cha mẹ, vừa tự dặn với lòng mình là phải biết đường về nhà:*“Ta về như đứa con phung phá. Khánh tận đời ta cuộc bể dâu”*. Lúc cha mẹ nhắm mắt qua đời, những đứa con lại không có mặt, đó cũng là chuyện của bố, ngày Bà Nội qua đời: 18 tháng 11 năm 1983, tại Lyon; bố ở Nice, đi tìm tư liệu tại Aix en Provence để chuẩn bị bảo vệ luận án tiến sĩ ngày 30 tháng 11. Bà Nội ra đi mà không thấy mặt bố, vậy nên ngày Ông Nội sắp ra đi, bố tìm về Lyon cho bằng được, bố và Khả An vượt đoạn đường đầy trắc trở mưa gió, từ lớp huấn luyện võ Limoges của Khả An, băng rừng đèo về Lyon cho kịp, để Khả An được nắm tay Ông Nội lần cuối. Bác Tiên mình nhìn thấy cha mẹ mình như *“những ngọn đèn giờ đã cạn dầu”* sau một kiếp người đầy sóng gió; vậy mà trước lúc cha mẹ ra đi, mình vẫn bị cuộc đời bắt xô dạt muôn phương, nổi trôi xa nhà. Những năm qua, càng đọc thơ của Bác Tiên, bố càng tâm niệm: vừa phải luôn gần cha mẹ, vừa phải luôn gần các con.

Các con còn có một Bác quý yêu nữa, nhạc sĩ Phạm Duy, cây đại thụ âm nhạc Việt Nam, người bạn thâm niên của *“tự tình dân tộc”*, biến chiều sâu của dân ca thành chiều cao sáng tạo của mình, Bác vừa là tác giả bài *Mẹ Việt Nam*, vừa là người tặng cho dân tộc mình hằng ngàn ca khúc. Có lần Bác hỏi bố: *“Bỏ Paris, về Nice nơi xa xăm cực nam nước Pháp, nơi không có bà con, đồng bào liệu hai con của cậu có còn nói tiếng Việt nữa không?”.* Năm đó hai con còn học mẫu giáo, hai đứa nói tiếng Việt rất giỏi, bố trả lời Bác là: *“Hai cháu nói tiếng Việt được, biết hát cả nhạc Việt Nam nữa, nhất là nhạc của Bác, nhưng hai đứa có khi hiểu sai bài hát của Bác. Chẳng hạn như bài* Quê Nghèo *có câu: “Bao giờ em trở lại vườn dâu hỡi em?”*. *Mỗi lần hát tới đó là hai đứa thường đùa với nhau: “Dâu, ce sont des frais! humme… c’est bon!”, dâu hả? Ngon lắm”.* Nghe đến đây, Bác cười ngất, bố cười theo, nhưng tối đó bố nghĩ về chuyện này, lòng buồn sâu lắng. Des frais, những trái dâu tây, một loại trái cây dạng hình quý phái, da màu sang trọng, xuất hiện lúc đất trời sắp thở hơi xuân, dân Âu châu ăn tráng miệng mỗi dịp khí trời dần ấm. Các con ơi! Còn dâu của *Quê nghèo* mình là vườn dâu để nuôi tằm, *“kiếp tằm tới chết vẫn còn vương tơ”,* nói lên cái nghiệp mà một kiếp người phải đeo, dù cùng quẫn, dù thiếu thốn trong cảnh *Quê nghèo* của đất nước. Đó cũng là hình ảnh quê hương của Bà Nội. Nghiệp chướng thật ác nghiệt, có người sinh ra trên xứ sở giàu sang, đầy đủ như các con, thấy dâu là vui vì được ăn ngon. Cũng có những người khi sinh ra là phải sống ngay với sự cùng cực, tần tảo một kiếp tằm như Bà Nội. Vậy mà Bà Nội và Ông Nội vẫn quyết vươn lên, đổi kiếp cho bố, bố muốn học tới đâu, Bà Nội cũng hỗ trợ bố tới đó. Giữa cuộc chiến với cái chết ập đến bất cứ lúc nào, xuất hiện hàng ngày của những năm 1970-1974, nếu *“thi rớt”* phải đi *“quân dịch”* ngay, với cái chết theo sau. Bố xin Bà Nội được *“học nhảy”* hai lần, *“nhảy”* hai lớp: đệ tứ và đệ nhị, để thi tú tài sớm, Bà Nội đồng ý ngay. Bố nhớ mãi chuyện này, vì Bà Nội là người mẹ tin vào học lực của các con mình, bố luôn tâm niệm điều này trong cuộc sống hiện nay, và bố tin tưởng hai con trên đường học vấn, đưa các con tới nơi, tới điểm tốt lành của tương lai các con à.

*«Mẹ đâu con đấy»;* có những bà mẹ làm đầy đủ bổn phận, trách nhiệm với con cái, nhưng trong cuộc sống hằng ngày chẳng chia sẻ được gì với các đứa con; Bà Nội mình thì khác, tôn trọng thế giới quan, nhân sinh quan của các con mình, cùng lúc chia sẻ được nhiều điều thật bình thường nhưng cũng thật tốt lành với các con mình. Bố nhớ thật sâu đậm những khi Bà Nội và bố ngồi cùng nhau vui sướng ăn những trái khổ qua thật đắng, vừa ăn, vừa đùa:*“khổ qua là khổ quá!”*, chia nhau một mùi vị, thấy được hạnh phúc hằng ngày trong các món ăn thanh đạm; nếu cuộc sống thanh bạch, con người không sợ thanh bần các con à. Chiến tranh luôn mang theo sự nghèo đói, túng thiếu, các con phải nhớ rõ và nhớ kỹ điều này, phải luôn bảo vệ hoà bình như bảo vệ sự sống và nhân phẩm con người, Bà Nội và bố nhớ rất sâu về sự túng nghèo của những năm tháng chiến tranh. Từ năm bố ra đời 1956 đất nước đã lãnh họa chiến tranh cho tới ngày bố đi du học 1975, chiến tranh không ngừng, bố nhớ rõ những năm tháng đó Bà Nội nấu một nồi canh chua cho cả ngày, cho cả nhà ăn, những lúc đó Bà Nội hay ngồi một mình trong bóng tối, buồn vì sự thiếu thốn, không nói, không than thở. Bố kể cho sinh viên Âu châu của bố từ 30 năm nay về mẹ mình, mỗi lần được giảng về văn hoá Việt Nam: *“c’est moment-là, j’ai l’impression que toute humanité est en panne”*, mẹ mình buồn mà bố thấy như cả nhân loại đang bị quỵ, bị gục. Nhưng Bà Nội mình không để bị quỵ, bị gục, nhận chuyện *“máu chảy ruột* *mềm”* của các đấng sinh thành, chấp nhận mọi thử thách để tránh bi kịch phải: “*mang con bỏ chợ”.* Từ lúc các con ra đời, mỗi ngày bố đều nhớ Bà Nội, hiểu thấu lòng mẹ với câu của nhân gian: « *Lên non mới biết non cao. Nuôi con mới biết công lao mẫu từ».* Cho tới ngày qua đời, Bố sẽ không theo một tôn giáo nào cả, nhưng bố **sẽ** nghiền ngẫm câu: “*Tu đâu cho bằng tu nhà. Thờ cha kính mẹ mới là chân tu”.* Hiểu được câu này, các con sẽ hiểu được câu sau, thật tốt lành: “*con đâu cha mẹ đấy”.* Đạo thờ tổ tiên dặn ta: “*Thà đui mà giữ đạo nhà. Còn hơn có mẹ có cha không thờ”*; câu này không hề quá khích, nó nói lên được lòng biết ơn vô hạn đối với các bậc sinh thành, *ơn* cha mẹ không những đã tặng cho mình hình hài, mà tặng luôn cả cuộc đời trước mắt với sự hy sinh hằng ngày của mẹ cha cho tới lúc qua đời. *Ơn sâu nghĩa nặng,* các con ơi, chữ *ơn* như vậy đã biến thành chữ *ân*!Những ngày giỗ tổ tiên là những ngày bố tâm niệm nhiều về câu: “*Máu chảy tới đâu ruột đau tới đó”.*

Trong cuộc sống hằng ngày của gia đình mình tại Nice, vùng đất xa lạ nhưng thật tốt lành này, đất lành chim đậu, chắc là các con thấy rất lạ là bố hay ra vườn một mình, hay nhìn về phía bắc trùng điệp núi Alpes, phía tây đồi chắn đồi, phía đông rừng ngăn rừng, nhìn về phía nam biền biệt biển Địa Trung Hải, bố cứ lẳng lặng *«như* *người mất hồn»*, âm thầm như mặc niệm, đó là lúc bố sống sâu đậm với đạo thờ cha mẹ, và cũng là lúc mình nhớ mẹ mình thật nhiều: *“Chiều chiều ra đứng ngõ sau.*

*Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”.*

******

Ông Nội **cõng** Khả An, Collonges. (ảnh bác Khá)

**Ông Nội**

***«Đầu sóng ngọn gió»***

*Chère Khả An, Chère Khả Anh,*

*hai con Khả An, Khả Anh thương yêu,*

*« Đêm đêm thắp ngọn đèn trời*

*Cầu cho cha mẹ sống đời với con »,*

Ngày 05 tháng 11 năm 2012, Ông Nội đã vĩnh viễn ra đi, rồi ngày 07 tháng 11, các con và bố đưa Ông Nội tới nơi an nghỉ cuối cùng, nơi đó đã có Bà Nội. Những đứa con như bố cứ «*cầu cho cha mẹ sống đời»* với mình, vì hiểu được những hy sinh cả đời của cha mẹ dành cho mình, không chỉ như vậy càng trưởng thành các đứa con càng thấy rõ tình thương của cha mẹ mình, một tình thương bao la nhất, nhưng lại gần gũi nhất của nhân loại, tình thương này khi bị mất đi, không sao tìm lại được. Những lần được đi điền dã dân tộc học trên quê hương mình, để nghiên cứu về cao dao, tục ngữ, dân ca… bố thường đi quẩn quanh, tìm hỏi về chuyện *ngọn đèn trời*. *Đèn trời* là đèn gì? Bố thơ thẩn trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình, mảnh đất lấy đạo thờ ông bà ra làm nhân sinh quan để mọi lúc, mọi nơi con người dù có cô đơn đến đâu cũng biết mình có cội, có nguồn; chọn đạo thờ ông bà làm thế giới quan để vượt qua các thăng trầm của kiếp người mà không sợ bị mất gốc, mất rễ. Có lần trên mảnh đất thân thương miền Trung, tại Quảng Nam, chốn Tam Kỳ, có một đồng nghiệp giải thích là: «*Đèn trời là đèn thắp bằng dầu lạc,* *dân mình thường thắp ngoài trời»*, ngọn đèn le lói giữa trời, chỉ một trận mưa, một cơn gió qua là tắt, nhưng nó đứng giữa đất và làm sáng trời; đứng giữa đêm khuya, giúp người nhìn được nhau, nếu không nhìn ra mặt nhau dễ mất phương hướng trước cuộc đời, dễ đánh rơi đạo lý làm người.

*«Cái khó bó cái khôn»,* các con ơi! Gia đình Ông Nội tại làng Tả Quan, Kiến An, Hải Phòng rất nghèo, Ông Nội kể: *«Hồi nhỏ ông nội phải đi chăn trâu, mười bốn tuổi phải đi làm công để nuôi mẹ, nuôi em gái mình, mơ ước suốt đời được đi học, nhưng không sao thực hiện được».* Nhưng một cậu bé có rất nhiều cách ngồi trên lưng trâu, ngồi để nhìn rõ quê hương mình, nhưng ngồi cũng để nhìn thật xa, gởi tầm nhìn về các chân trời thăm thẳm; gởi theo niềm tin vào tương lai, quyết đổi cho bằng được kiếp nghèo của cha mẹ mình, số phận hẩm hiu của mình. Chấp nhận chuyện *tha phương cầu thực* như chấp nhận một thử thách quyết liệt trong chuyện đổi đời. Bến Bính, cảng Hải Phòng là nơi Ông Nội ra đi tìm cuộc sống mới, vào Nam bằng nghề thủy thủ, rồi Ông Nội đi khắp năm châu bốn bể, các đứa con chưa thấy ai đi xa, đi nhiều, đi rộng khắp như cha mình. Suốt đời của Ông Nội là tự hỏi, tự học, học trường đời các con à, *học thầy không tầy học bạn*; cũng vừa đi, vừa học, *đi một ngày đàng học một sàng khôn.* Ông Nội học rất kỹ về cách đối nhân xử thế, về lời ăn tiếng nói*,* nhưông bà mình dặn con cái: *học ăn học nói, học gói học mở.* Có vài người sống quanh Ông Nội, thấy Ông Nội *«hơi khó tính»,* phải hiểu đúng hơn Ông Nội: *kỹ tính*. Không hiểu hai chữ *kỹ tính* này, sẽ không hiểu hai chữ khác trọn vẹn hơn: *tử tế*, tử là nhỏ, tế còn nhỏ hơn tử, nhỏ của nhỏ, phải biết chăm sóc từng chi tiết dù thật nhỏ trong cuộc sống hằng ngày cho mình và cho những người xung quanh; vì tử tế là nền, là khung cho sự tôn trọng lẫn nhau.

*«Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm»,* Ông Nội thường dặn bố câu này; không được phung phí, vì cuộc sống *chén cơm manh áo* hằng ngày thật nhọc nhằn, những người gần Ông Nội đều biết Ông Nội thích *ăn ngon mặc đẹp*, nhưng không thích xài hoang, đó là cách tôn trọng sức lao động của mình và của người khác; sự kính trọng nhau phải bắt đầu bằng sự tôn trọng công sức lao động của nhau. Nhắc tới Ông Nội là nhắc tới một người có *công tâm*, Ông Nội không thích gần những người *“làm chơi, ăn thật”,* nhất là loại người:*“ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”*. Cuộc sống hằng ngày của Ông Nội là *thức khuya, dậy sớm*, sống gần Ông Nội, bố dần dần hiểu được ra câu: *một nắng, hai sương.* Những người thiết tha với công việc của mình, quyết chí vượt thoát kiếp túng nghèo, với hình ảnh: *dãi nắng, dầm mưa*, Ông Nội nhận hình ảnh đó như nhận trách nhiệm của một người cha, người chồng. Bà Nội hiểu Ông Nội hơn ai hết, thường nhắc tới chuyện nhọc nhằn vì nghề nghiệp của Ông Nội qua hình ảnh: *đầu sóng, ngọn gió*, với nghề biển vừa phải xa nhà, vừa phải nhận bao giông tố ngoài khơi. Những năm 1963-1966, được Ông Nội đưa đi nghỉ hè bằng đường biển ra Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Nẵng… Bố thấm sâu câu này của Bà Nội.

*“Liệu cơm, gắp mắm”,* Ông Nội theo ông bà căn dặn con cái*, “ăn bữa sáng, lo bữa tối”,* nhưng không vì đó mà “ngặt nghèo hoá” cuộc sống, khắc nghiệt với đời người. Con cái sống gần Ông Nội, luôn được ăn các *“món ngon, vật lạ";* nếu mơ được thưởng thức*“sơn hào, hải vị”,* Ông Nội tìm mọi cách để thực hiện, dùng kinh nghiệm *“sành ăn”* để làm cuộc sống đẹp hơn. Nhưng những kỷ niệm sâu sắc của bố với Ông Nội là bố được ăn các món *“cây nhà, lá vườn”* theo nghĩa vừa trải rộng, vừa thấm đậm mùi vị từng vùng trên quê hương miền Bắc của Ông Nội. Đây không chỉ là câu chuyện ăn uống, mà chính là chuyện văn hoá, văn hiến, văn minh của một dân tộc. Ông mình cũng không theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vì Ông Nội làm nhiều các món Âu châu, Á châu trong các bữa ăn cho con cháu. Bếp Việt Nam, bố được ăn các món: *nộm gân bò rau muống ướp khế, canh lươn hầm bắp chuối mắm tôm, ốc xào chuối xanh trộn tía tô,* và nhiều món nữa thật ngon, giữ sâu đậm những hương vị này như giữ những kỷ niệm quý báu. Những năm qua, sức khỏe Ông Nội xuống nhiều, yếu dần, không làm lại các món này; và mỗi lần được đi công vụ đại học trên miền Bắc, quê hương của Ông Nội, từ Hà Nội qua Bắc Ninh, Hà Tây, Ninh Bình, tới Hải Phòng, nơi *chôn nhau cắt rốn* của Cha mình, cũng là quê hương thân yêu của Doãn Mẫn, Đỗ Nhuận, Hoàng Quý, Tô Vũ, Văn Cao…bố lần mò, thẫn thờ đi tìm các món thật dân tộc mà mình được biết qua Ông Nội. Mỗi lần như vậy, khi tìm được các món ăn mà ông Nội đã làm cho Bố thửa nào, Bố xúc động, cùng lúc cũng thất vọng: thấy giống mà khi ăn thì rất khác, cừng tên gọi, rồi cùng chất liệu nhưng không phải hương vị của ông Nội mình thửa xa xưa*…* Các con ơi! Một người kính yêu qua đời đã mang theo cả một vũ trụ hương vị ra đi.

*“Xông nhà, chúc tết”,* phúc của Ông Nội bàng bạc trong cuộc sống với bà con gần xa, Ông Nội đi xa luôn có quà cho người ở lại; hàng xóm thường mong, thường mời Ông Nội *chúc tết* *đầu năm*, mỗi dịp giao thừa, tết đến, mang *“điều hên, điềm lành”* tới cho họ. Hình ảnh Ông Nội đêm giao thừa thật đẹp, Ông Nội mình mặc quần áo chỉnh tề, tay cầm phong pháo tết, gởi chúc chân thành tới bà con, láng giềng. Ông Nội là niềm tin đối với một cộng đồng quyến thuộc, mong chuyện tốt lành tới với gia đình mình và với mọi người mỗi dịp xuân về; hình ảnh của một người tử tế biết *đối nhân, xử thế.* Giữa chiến tranh, cái chết xuất hiện cùng sự nghèo đói, các con biết không, những lần Ông Nội đi *“ngoại quốc về”,* đi Nhật, đi Tây… Ông Nội đều mang thật nhiều quà về cho các con mình, nhưng không quên con cái của bà con hàng xóm chung quanh. Có bận Ông Nội tổ chức *“đá banh”,* có lúc Ông Nội tổ chức *“đua xe đạp”,* mỗi lần như vậy đều có phần thưởng cho tất cả thanh thiếu niên tham dự của xóm Chùa, trước mái nhà thân yêu của gia đình mình 56, đường Nguyễn Hữu Cảnh, Quận 1, Sài Gòn. Những người được gần Ông Nội đều thấy rõ ở Ông Nội tính phóng khoáng, lòng rộng lượng với quyến thuộc gần xa, tặng nhiều hơn nhận, đức của một người trao mà không cần đòi, phải cao cả lắm mới có phong cách này, các con à.

*«Sống khôn, chết thiêng»,* khi biết tin buồn Ông Nội qua đời, nhiều bạn bè gần xa gửi lời chia buồn tới bố, bố nhớ nhất câu của Bác Nguyễn Đức Hùng, văn sĩ Đà Linh, người bạn tâm giao của bố nay cũng đã qua đời, người đã vui sướng xuất bản tập thơ *Tự do đi, thời gian* của “Em Bé” Khả Anh lúc đó vừa bảy tuổi. Bác Hùng viết về Ông Nội: *«Tôi sẽ thắp hương lạy Cụ bên này, chúc Cụ sống khôn chết thiêng, phù hộ con cháu ».* Bác Hùng chưa hề gặp Ông Nội, nhưng nghe nói về Ông Nội, Bác viết rất đúng. *”Sống khôn”,* các con thương yêu của bố, *khôn* đây ngược lại với *khôn lanh*, dễ làm người đời rơi vào xảo quyệt trong cách đối xử, Ông Nội rất tránh những người có tính này. *Khôn* đây là *khôn ngoan*, vì sống phải *biết người biết ta*; dựa nhau mà sống, cùng nhau khôn ra, cùng nhau thông minh lên, nâng nhau vượt khổ trước những biến thiên của đời người. Có lần, bố vắng mặt ở Lyon vì phải đi giảng dạy tại đại học Lille; các bác, cô, chú nhà mình có kể cho bố nghe là Khả An năm đó ba tuổi, cầm bức ảnh của Ông Nội đưa cho “Em Bé” Khả Anh mình, năm đó hai tuổi, xem và nói là: *“Em Bé có thấy là Ông Nội mặt mũi rất khôn không?”*; cả nhà cười ngất. Đây không phải là chuyện: *trông mặt bắt hình dong;* mà đây là chuyện tình người; dù còn nhỏ nhưng Khả An đã nhận ra được sự khôn ngoan trong tính từ tâm có trong Ông Nội, luôn chăm lo chu đáo chuyện ăn ở của con, của cháu suốt cuộc đời mình, Ông Nội lo từng bữa ăn cho các con các cháu, lo cho các con mình khi trưởng thành mỗi đứa được một căn nhà; ăn ngon miệng thì làm cho cuộc sống bớt đi những nhọc nhằn, có nhà ở là có mái ấm che thân. Từ lúc làm công tới khi làm chủ, Ông Nội không hề có thái độ *“khinh người”, “độc đoán », «lớn tiếng »* với nhân viên mình, Ông Nội luôn tâm niệm và luôn dặn con cái: *“kẻ có của, người có công”,* che chở nhau, tôn trọng nhau… *Sống lâu mới biết lòng người có nhân*. Cái khôn của sự thông minh phải biến thành tình người nó mới tồn tại lâu các con à. *“Người khôn chưa đắn đã đo. Chưa ra tới biển đã dò nông sâu”*, chữ *khôn* mà Khả An và “Em Bé” Khả Anh phải đi tìm qua hình ảnh của Ông Nội trong cuộc sống tương lai là người khôn luôn*“nhìn xa, trông rộng”.* Khi bố đi du học qua Pháp, từ Sài Gòn tới Toulon, rồi Marseille, qua Aix en Provence, theo Ông Nội tới Lyon, trong sáu đứa con chỉ có bố là gần Ông Nội vào những năm 1975-1979, Ông Nội thường dặn bố: *“khôn thì phải để người khác khôn bằng mình, mọi người giúp nhau khôn lên”*. Bố càng hiểu lời dặn này, bố càng tránh rơi vào các câu cao dao, tục ngữ chẳng hạn như là:*«Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu bực mình»*, bố hiểu câu này nhưng bố sẽ không theo, vì nó tạo ra sự cách biệt, phân chia giữa người và người, kẻ dùng câu này thường thiếu lòng khiêm tốn, vắng sự nhún nhường. Kiêu ngạo, tự mãn là hai tính rất xa con người của Ông Nội, Ông mình hiểu sự trung dung, thấu được cái tương đối của luật đời, Ông Nội hiểu được một bài học thật sâu của Lão Tử: *“Quân tử là thầy của tiểu nhân, nhưng tiểu nhân cũng là vốn của quân tử”;* Ông Nội cũng hiểu sâu chữ *tâm,* theo lời dặn của thi hào Nguyễn Du: *“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”*.

*“Lá lành đùm lá rách”,* Ông Nội làm được một chuyện mà bố thấy ít người dám làm: giúp bạn bè và con cháu họ rời được chiến tranh khói lửa của đất nước những năm 1954-1966 qua Pháp lập nghiệp, học hành. Trong nước, ngoài nước, bố gặp được những người mà trong chuyện họ kể về Ông Nội, câu cuối cùng là: *“Tôi phải mang ơn ông Khái”.* Đây là chuyện *“thương người như thể thương thân”* mà Ông Nội không nói ra, nhưng Ông Nội làm, vì trong cuộc sống có người nói mà không làm*.*Trong cuộc sống gia đình, hình ảnh của Ông Nội và Bà Nội là: *“Lá rách đùm lá lành”,* với biết bao hy sinh cho con cái, bố kể ra không hết, và chưa chắc từ đây cho tới ngày qua đời bố làm được như Ông Bà Nội; đó là hình ảnh lá chuối cha, lá chuối mẹ rách tả tơi vì lấy chính thân mình ra để che chở, bảo bọc con cái, để cho những lá chuối con, còn non nhưng luôn luôn lành, sạch, đẹp, tránh được bao giông tố giữa cuộc đời.

*“Ở thương, đi nhớ”;* đó là lời của thi sĩ Xuân Diệu, trăng rằm giữa vũ trụ thi ca lãng mạn Việt Nam, dặn bố giữa mùa đông Paris, năm1983, *“Ở sao cho vừa lòng người? Nhưng nếu mình ăn ở tử tế thì ở người ta thương, đi người ta nhớ cậu à“*. Hôm qua ngày 14 tháng 11 này, không hiểu sao sinh viên Âu châu của bố biết tin Ông Nội qua đời, chờ bố giảng bài xong, đợi bố trước văn phòng, nói những lời chia buồn thật gọn nhưng cũng thật sâu sắc, bố vô cùng xúc động. Bố nhắc tới Nobert Elias với họ, một trong những tổ sư ngành xã hội học của bố, kể cho họ nghe về ông là người có một minh thuyết rất sâu rộng: *“Người thân qua đời luôn là sự mất mát lớn cho người sống; vì người qua đời mang theo họ những phần “sống động nhất” của người sống ra đi”.* Trong cuộc đời mình, Nobert Elias phải chứng kiến bao lần cảnh người thân qua đời, dân tộc Do Thái của ông bị Đức quốc xã tàn sát thảm thương. Bố dặn các sinh viên này hãy bảo vệ ký ức của những người qua đời như bảo vệ những phần *“sống động nhất”* của cuộc sống này. *“Đi mong, về mừng”,* đó là hình ảnh của các người xung quanh dành tặng Ông Nội, gần 90 tuổi, gần một thế kỷ giữ được sự tử tế trong xử thế, giữ được tấm lòng thương người trước mọi thử thách, phong ba; những người như Ông Nội, họ *chết trong vì không sống đục* các con à.

*«Đêm qua chớp bể mưa nguồn. Hỏi người bên ấy có buồn hay không?»,* Ông Nội thường hát câu này mỗi lần Ông Nội ru Khả An ngủ tại nhà Collonges, một biệt thự thật đẹp mà Ông Nội chăm lo từng cảnh, từng cây một. Các con biết không? Câu hát đó là lòng hoài hương sâu lắng của Ông Nội, trằn trọc ngày đêm nhớ quê hương, thương quê cha đất tổ tới bầm gan tím ruột. Nhưng Ông Nội cũng là người nhận ra được sự tốt lành của xứ Pháp này, *«nhờ duyên ta biết quê mình nơi đây»,* các con ơi, người Việt mình dạy nhau đếm, dạy nhau làm toán*,* mới nghe tưởng là thô sơ nhưng ngẫm thật lâu thì nó vô cùng sâu sắc: *một duyên, hai nợ, ba tình*. *Có duyên* với vùng đất này, đã nhận mình và sẽ nuôi con cái mình, đây là quê hương thứ hai của mình, nên Ông Nội luôn mang ơn dân tộc này, quý trọng văn hoá họ, bây giờ đã là quê hương và văn hoá của các con. *Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* trọn vẹn, Ông Nội hiểu đầy đủ với lòng biết ơn sâu đậm. Các con phải hiểu được điều này, để không bị rơi vào bi kịch *«vong ân, bội nghĩa»,* biết ơn là biết mình có liêm sỉ, có lương tri, vì kiếp người là *«sống nay chết mai»,* các con à*.*

Biết Ông Nội qua đời, một đồng nghiệp mà cũng là bạn tâm giao trong đại học với bố, Bernard Bac, giáo sư về ngôn ngữ và văn minh Đức, một lãnh đạo xuất sắc của đại học Charles-de-Gaulle của bố hiện nay, viết lời chia buồn gởi tới bố: *“Sự hy sinh của cha mẹ đã biến thành tình thương, nó cứng cáp như một sức mạnh, giúp mình mạnh lên trước những thử thách sắp tới…”.* Sức mạnh đây là sức mạnh của tâm linh, giúp linh hồn và trí tuệ luôn rõ được một điều là: hai người đưa ta vào đời là cha và mẹ, đủ sức đại diện cho cả nhân loại để trao tặng mình một sức mạnh dựa trên sự hy sinh hằng ngày và cả đời, các lá chuối con ngày càng cứng cáp, vững chắc, sau bao ngày được lá chuối cha, lá chuối mẹ chở che. Trong một cuộc gặp gỡ giữa các nhà tư tưởng gia, các *cây đa, cây đề* của triết học của Pháp, có người hỏi Paul Ricoeur, trường giang của triết luân lý, Nam Tào của hiện tượng luận, người thầy kính yêu của bố: *“Qui est le proche dans la vie?”.* Ai là người thân của mình trong cuộc sống? Hôm đó ông trả lời là: *“Le proche est celui qui portera le deuil!”,* người thân của mình là kẻ sẽ nhận tang. *Nhận tang* chớ không phải *để tang*, tiếng Việt hay lắm các con ơi, vì tiếng Việt vừa rõ, vừa sắc, vừa nhọn: *nhận tang* là nhận bằng sự chủ động, bằng lòng thành kính và biết ơn; còn *chịu tang* là chịu một cách thụ động, *kham* mà không *ham*; còn nhận là *kính* *yêu* nên sẵn sàng *gánh* *vác*. Các con và bố đã *nhận tang* và sẽ giữ những kỷ niệm cứng cáp như một sức mạnh bằng hình ảnh thật đẹp của Ông Nội qua câu mà Bà Nội vừa hát, vừa trông về hướng “*đầu sóng, ngọn gió”*:

*«Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,*

*Nhớ người quân tử khăn điều khoác (vắt) vai».*

****

**Vài kỷ niệm với họa sĩ Lê Tài Điển**

***Nhân tình, nhân tính***

*Chère Sophie, Chère Sylvie,*

*Hai cháu Sophie và Sylvie thương yêu,*

Chuyện chú Khoá sắp kể ra đây, có lẽ hai cháu chưa biết: ba Điển của hai cháu là người nghệ sĩ đầy nhân tính. Xung quanh ba có nhiều nghệ sĩ rất tài hoa nhưng họ ít có nhân tính, chuyện nhân tính thật hiếm trong cuộc sống, làm người hằng ngày và cả đời nhưng chưa chắc đã có nhân tính, chữ nhân trong Khổng giáo là như vậy, nhân là nhân tính; Rousseau cũng nói rõ chuyện này: *«Les hommes soyez humains!» Con người ơi hãy giữ nhân tính*. Có thể trở thành họa sĩ thành đạt với tài năng hoặc kỹ xảo, nhưng không thành họa sĩ lớn được nếu không có nhân tính; lòng vị tha có trong tư duy của nghệ sĩ, lòng trắc ẩn có trong sáng tác của nghệ sĩ. Ba của các cháu có rất thoải mái một tình thương lớn với cuộc đời, có rất tự nhiên một tình bạn đầy nhân tính với bạn bè bốn phương. Ba của hai cháu là người rất chung thủy với bạn. Người nào đối xử trọn vẹn với bạn bè, với thân thuộc được đạo lý Việt Nam tặng câu: *«như bát nước đầy»;* nhiều thanh niên thế hệ thứ hai như các cháu sinh ra và đang sống tại phương Tây tâm sự với chú là câu này nghe khó hiểu. Thật ra câu này dễ hiểu, vì chính người Pháp cũng rất *«ghét»* cách đối xử: *«une bouteille moitié vide, moitié pleine» (chai nửa vơi, nửa đầy),* những loại người đang sống giữa đời nhưng không hết lòng với cuộc đời. Nửa vời, sống như không sống. Từ những năm khói lửa chiến tranh trên quê nhà, tới những tháng ngày lưu lạc quê người; từ một người yêu quê hương đến bầm ruột tím gan, tới một người nhận kiếp lưu vong nơi đất lạ, Ba của hai cháu luôn là bát nước đầy đối với bạn bè xa gần. Phải là bát nước đầy nhân tính mới hiểu được sâu xa nhân tình. Câu chuyện nhân tính của chú không nằm trong các mô hình về luân lý của bố thí, trong phạm trù của tội nghiệp, mà nó là sức thông minh của con người, một loại thông minh rất lạ: phải có nhân tính thật sâu mới hiểu thật cao, thật rộng nhân tình. Phật thấu hiểu điều này, nên trong đạo Phật tình thương đã trở thành lòng từ bi, sự thông minh của nhân tính, nó vượt mọi khuôn khổ chật hẹp của luân lý xã hội, nó bàng bạc mọi nơi, nơi nào có sự sống, nơi đó nhân tính có mặt để *«trợ duyên»* giúp người vượt khổ. Các đạo giáo khác ngợp thượng đế, ngập thần linh, đạo Phật chọn *tâm đạo,* con tim-con đường, lối đi nẻo về của nhân tính; phải tôn trọng sự sống mới gọi *muôn loài* là *chúng sinh*; phải thấy sự sống là thiêng liêng mới gọi *chúng sinh*là *sinh linh.* Câu chuyện nhân tính luôn là câu chuyện cốt lõi của cuộc đời, nhất là với thời cuộc của thế kỷ hai mươi vừa qua, thế kỷ của vật đổi sao dời, chuyện *«lừa thầy phản bạn»* nhan nhản ngợp mắt. Trong thế kỷ mới này cũng vậy, càng ngày người ta càng ít nói đạo làm người, ít bàn tới đạo lý người nghệ sĩ, nhân tính trong sáng tạo, chú cũng không hiểu tại sao?

Có lần giữa bàn tiệc, một người nói với Ba rằng: *«mày không phải là nghệ sĩ!».* Chú thấy Ba các cháu buồn vì câu này, chú khuyên Ba đừng buồn; không phải ngồi vẽ suốt ngày, loại bỏ tất cả chuyện đời qua một bên là hoạ sĩ chân chính; không phải loại trừ tất cả bổn phận, trách nhiệm gia đình để đeo đuổi một sự nghiệp nghệ thuật là nghệ sĩ trọn vẹn. Có những người nghệ sĩ chân chính nhưng không có nhân tính. Ba của các cháu sống với nghệ thuật hằng ngày, nhưng không hề quên bổn phận một người chồng, trách nhiệm một người cha, sức ép của một xã hội vật chất thường trực buộc người chồng, người cha có nhân tính phải gánh vác, phải *«kham»* đầy đủ cho mọi người trong gia đình. Ba các cháu và chú là môn đệ trung thành của thi hào Nguyễn Du, khi rảnh rỗi cùng nhau ngồi uống rượu cuối tuần, sau những ngày phải vật lộn với *«chén cơm, manh áo»*, hai đứa thường *«hét»* lên câu của sư phụ mình: *«Những phường giá áo, túi cơm xá gì!».* Nhưng «*khi* *tỉnh rượu lúc tàn canh»* thì tự ngẫm thân phận mình cũng bằng câu của sư phụ này: *«Giật mình mình lại thương mình xót xa»;* vì biết rằng thứ hai đầu tuần phải đi làm tiếp để nuôi vợ con. Một câu tám chữ mà tới ba lần chữ: *mình*. Thương mình mệt rã rời trong chuyện kiếm ăn mà không ai biết, kể cả vợ con. Thương mình không đeo đuổi trọn vẹn sự nghiệp nghệ thuật của mình. Thương mình nhiều khi không bảo vệ được nhân tính của chính mình trong chuyện *«tranh ăn, kiếm sống»* hằng ngày. Mỗi lúc như vậy, Ba và chú thấy mình gần gũi biết chừng nào thi sĩ Bùi Giáng: *«xương trong mình mòn mỏi, máu trong mình rã riêng».* Tha phương cầu thực với nỗi buồn mòn mỏi, với nỗi lo rã riêng. Những năm tháng sống tại Paris, vì chuyện sinh nhai, mỗi tuần chú đi làm *vài* ngàn cây số (các cháu nhớ chữ *vài* này nhé), cuối tuần gặp nhau, Ba của hai cháu chỉ hỏi chú một câu gãy gọn: *«Mệt không toi?»,* mỗi lần như vậy chú vô cùng xúc động, một câu thật ngắn của một người cõng nhân tính đi giữa đời, biết thương mình, thương người. Những năm tháng đó vào mỗi dịp cuối năm, ngồi nhớ lại những đoạn đường đã đi kiếm sống hằng trăm ngàn cây số, tự nhiên thấy rợn người. Chốn này chân đứng vẫn là phương xa… Tại sao mình lại cực thân như vậy? Tại sao sự nhọc nhằn lại đeo đuổi dai dẳng, dày đặc một kiếp người như vậy? Nhiều lần, trên đỉnh đồi Địa Trung Hải, chung quanh là biển, trời, rừng, núi, chú thường bật dậy giữa đêm ra vườn thắp nhang tưởng nhớ tới cụ Tiên Điền, vì sư phụ mình cứ lo: «*Hậu thế ai người khóc Tố Như?».* Có bận, vừa thắp nhang, chú vừa van xin thi hào của Việt tộc cho phép chú đổi câu: *«Những phường giá áo, túi cơm xá gì!»* ra thành: *«Những phường giá áo, túi cơm (*tội) *gì?».* Tội tình gì mà kiếp người bị đày đoạ như vậy.

Trở lại lối nói: *«Mày không phải là nghệ sĩ! Tao mới là nghệ sĩ»* là lối nói liều, thiếu nhân tính, những người có nhân tính không nói như vậy; Kant dặn nghệ sĩ *«L’esthétique est inséparable de l’éthique»,* mỹ thuật không rời đạo lý, cái đẹp không bỏ cái nhân. Những người họa sĩ chỉ lo cho danh vọng của mình sẽ không hiểu nổi nhân tính của Ba. Có những sáng tác tâm não của Ba, một bức tranh, một pho tượng, nếu bạn bè thích Ba tặng ngay. Có những người trẻ có khiếu điêu khắc, Ba khuyến khích họ, lấy xe mỗi cuối tuần đưa đón từ nhà họ tới lớp điêu khắc của Ba do thành phố Sartrouville tổ chức. Thầy đưa đón trò mỗi tuần để trò được gặp, được sống với nghệ thuật, hình ảnh đó đầy nhân tính. Từ nhiều năm nay chú rời Paris, về định cư phía cực nam của Pháp, chọn Địa Trung Hải cái nôi của triết học, dân chủ… cũng là cái nôi của nghệ thuật, của thi ca để dung thân, đây cũng là nơi chốn của biết bao chuyện đời về nhân tính. Nhưng trong cuộc sống hằng ngày tại đây, chú lại sống gần với biển, trời, rừng, núi; có khi nhiều tháng không gặp bạn bè, đồng nghiệp, sinh viên… Tự lo cho mình không biết còn giữ được nhân tính không? Mỗi lần nỗi lo này tới là chú đi tìm dấu vết của nhân tính qua các hoạ sĩ đã chung thủy với vùng đất này. Một hoạ sĩ lớn, lớn vì sự nghiệp nghệ thuật, nhưng cũng lớn vì nhân tính của mình. Chú lên Cagne tìm dấu vết Renoir, chú ghé Antibes tìm Picasso, lên đồi Cimiez tìm Matisse, cạnh đó có Chagall… Làm thường xuyên chuyện tìm dấu vết nhân tính, cũng để hiểu thêm tại sao những người này gạt được các sức ép của xã hội xung quanh, về vùng này lại sống tách biệt mà không sợ bị mất nhân tính; chấp nhận một loại thử thách mà đạo Lão gọi là *«mai danh ẩn tích»* mà nhân cách, phong cách, tư cách không hề bị suy mòn. Chú thích thú làm việc tìm dấu vết nhân tính này với điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, người mẹ tinh thần của chú, khi bà còn sáng tác tại Vallauris. Mỗi lần lang thang cùng bà đi tìm nhân dạng nghệ thuật người xưa, bà thường dặn chú: «*Đừng nhìn đồng hồ nghen!»*, không để chuyện đếm giờ chi phối mình, không chấp nhận sức ép của thời gian, không để khoảng khắc o ép mình trong việc đi tìm nhân tính.

Vậy mà tuổi đời lấn mình hằng ngày, nợ đời tới chết chắc trả chưa xong. Người Việt nói: *«Nợ giữa đời»*, nợ đây là nợ với tình người, nhạc sĩ Trịnh Cộng Sơn nói rõ được chuyện này: *«Nợ đến bạc đầu chưa hết tình đâu»;* Ba và chú cũng thường dặn nhau: *«bạn bè nợ nhau».* Có lần thi sĩ Tô Thùy Yên từ Texas đi Đức, ghé Paris thăm bạn bè gần xa; Ba cùng văn sĩ Kiệt Tấn và chú nhận *«nghĩa vụ»* đưa Tô tiên sinh đi Orléans thăm hoạ sĩ Thái Tuấn. Một thi sĩ nhóm Sáng Tạo tìm thăm một hoạ sĩ cũng trong nhóm Sáng Tạo, sau nhiều năm tù rạc, lạc lõng trên đường lưu vong, sau cơn biến loạn mà nhiều bạn bè đã vong thân, vong mạng**.** Câu chuyện nhân tính trong văn nghệ cũng lạ lắm các cháu. Năm 1954, giữa thế kỷ thứ hai mươi đất nước bị cắt làm đôi, tiền đồ dân tộc bị đe doạ, giống nòi trong cảnh sinh ly, đế quốc cùng cường quốc giành giựt quyền lợi của nhau đẩy đồng bào mình tới *họa huynh đệ tương tàn*, miền Bắc cộng sản, miền Nam quốc gia, cả hai chế độ đều *«vắng nhân tính».* Vậy mà trong đại họa này, cùng lúc, miền Bắc nhóm Nhân Văn nổi lên, miền Nam nhóm Sáng Tạo ra đời, hai dòng thác văn nghệ đầy nhân tính, nhân phẩm người Việt không bị suy kiệt, lương tri dân tộc không bị quỵ gục. Những người của hai nhóm này họ chưa hề cùng nhau sinh hoạt trong văn nghệ, mặc dầu họ cùng làm nghệ thuật, có cùng văn hoá, chia nhau một tiếng mẹ đẻ, thậm chí họ sống cùng một thời điểm lịch sử; họ không hề gặp nhau, trực diện, nhưng họ đã gặp nhau qua nhân tính. Nhân tính của người làm văn nghệ. Nhân phẩm của người sáng tạo… Trở lại chuyến *«Tây du»* của Tô tiên sinh, sau khi rời nhà Thái Tuấn, trên đường về lại Paris, bạn bè không muốn chia tay nhau, thẫn thờ rồi thơ thẩn trong các quán nước tại nhà ga xe lửa Austerlitz. Chú ngỏ ý xin bài thơ vừa ra đời của Tô Thùy Yên: *Khất giả,* bài thơ đầy nhân tính, nhưng phải chọn một trong bốn người, ai có chữ đẹp mới được viết bài thơ này trên giấy trắng. Tô tiên sinh loại chú ra ngay: *«Đừng để thằng Khoá chép bài thơ này, vì chữ của nó như gà bới»,* Ba được chọn chép bài thơ này qua giọng đọc thơ đầy nhân tính của Tô Thuỳ Yên. Thơ đẹp vì nhân tính đẹp, cũng cần có tuồng chữ đẹp.

Sau khi nghe câu: *«Mày không phải là nghệ sĩ!»*, Ba cháu không để bụng giận người này, giận đó rồi quên ngay. Trước những khổ đau của cuộc đời, ba cháu và chú thường dặn dò nhau rằng: từ lúc được sống tới ngày phải chết, phải sống hồn nhiên đôn hậu, sống mà không có đối phương, không coi ai là đối thủ, chẳng ai là kẻ thù của mình. Sống mà không có tử thù trong cuộc sống. Nên Ba và chú rất xa lạ với những loại ý thức hệ: *«nhìn thẳng đầu thù mà bắn», «uống máu quân thù»*… Những loại chính trị không nhân tính, những loại khẩu lịnh không tình người, không đủ sức tự hoà hợp, tự hoà giải với chính bản thân mình… Không vượt được hận thù riêng tư để gặp được nhân tính của loài người. Câu chuyện nhân tính phải bắt đầu bằng chuyện thương người, thương mình các cháu à… Để chú kể một chuyện nữa cho các cháu nghe: mỗi lần được về thăm quê nhà qua các chuyến công vụ đại học, chú thường để những ngày cuối cùng đi thăm bạn bè văn nghệ sĩ còn đang sống trên quê hương. Khi về lại Paris, Ba thường hay hỏi chú tin tức của các bạn này. Có lần, Ba hỏi: *«Lần này, toi có gặp Thằng… không?»*, chú trả lời: *«Có chứ, nói chuyện nhắc tới anh hoài, nhớ anh quá trời, thương anh lắm»,* Ba nghe xong, hai dòng nước mắt lăn trên má, ngồi thật lâu với nhau, chẳng ai nói lời nào. Những người có nhân tính với nhau, khi họ nhớ nhau, nhắc nhau, nước mắt họ rơi rất tự nhiên các cháu à.

Chú kể *vài* câu chuyện về Ba, *vài* kỷ niệm với người hoạ sĩ đầy nhân tính, các cháu nhớ *«cẩn thận»* với chữ *vài* trong tiếng Việt. Năm 1986, có lần thi sĩ Thanh Tâm Tuyền dặn chú phải *«cẩn trọng»* với chữ *vài* này, khi ông vừa rời chốn tù rạc (Ba của các cháu rất quý trọng thi sĩ này). Tâm tiên sinh nhắc tới câu cuối cùng trong truyện Kiều của thi hào-sư phụ Nguyễn Du *«Mua vui cũng được một vài trống canh ».* Đọc truyện Kiều là đọc về số phận con người, tự mình vấn nạn mình để đủ sức tự mình đi tìm nhân tính cho chính mình, cho nên không hề có chuyện dễ dãi *«Mua vui»,* vì sao? Vì mỗi đêm chỉ có *«năm canh»,* theo Thanh Tâm Tuyền thì *«vài trống canh»* chắc chắn là hết cả đêm*.* Câu chuyện đi tìm nhân tính là chuyện đi suốt đêm thâu, đi cả đời người, vậy mà chưa chắc tìm ra được nhân tính.

**Gởi Hoàng Lan**

**Hoàng Lan, *tin-bạn***

*Chère Hoàng Lan,*

*«Khi biết mình mang trọng bịnh, tôi cứ hát cả ngày, hát hoài, hát mọi nơi, mọi lúc… những người được nghe tôi hát nhiều nhất là: các bác tài xế taxi, vì cả ngày tôi dùng taxi để đi lại nhiều nơi trong thành phố, cứ lên xe là tôi hát, và hát suốt các lộ trình trong ngày… Các bác tài xế cứ hay hỏi tôi: làm sao có được CD của tôi để luôn được nghe tôi hát?».* Những người bạn thân của Hoàng Lan nhận ra ngay con người, nhận ra rất rõ tấm lòng của Hoàng Lan trong câu nói này. Câu nói dễ hiểu của một ca sĩ luôn sống với thực chất của mình, bằng tấm lòng của mình, một tấm lòng hát cho đời, chớ không phải hát vì sự nghiệp của riêng mình.

Điều kiện ngặt nghèo của những người bạn của Hoàng Lan: *phân tán-lưu vong-sinh ly*… vung vãi khắp các châu lục, gặp được nhau thật khó, để rồi mất tin nhau, đây thì đúng là một *cái lỗi*, để khi tôi biết đêm văn nghệ giành riêng cho Hoàng Lan tại Sài Gòn năm nay qua Youtube, nơi mà Hoàng Lan đã kể về nan bịnh của mình với một giọng thật đằm thắm, với nụ cười thật bình an. Tôi không được có mặt cùng Hoàng Lan trong đêm văn nghệ đó, thì *cái lỗi* đã sắp chuyển qua *cái tội*. Nếu không muốn mang *cái tội* này, thì phải có ngay ý thức là xin Hoàng Lan: *thứ lỗi và tha tội*. Những năm tháng vắng tin, để khoảng cách, để thời gian làm suy diệt *tin-bạn*. Tôi nghe thật kỹ và thật rõ giọng Hoàng Lan trong đêm văn nghệ này, mà não trạng cứ nhắc tôi một câu của Tô Thùy Yên của những năm bạn bè mất tin nhau, sau cơn biến loạn 1975: *«Bỏ đi biền biệt miệt thiên thu»,* còn sống giữa đời mà đã *biền biệt* tin-bạn*,* mỗi người một *miệt*, một miền, một cõi, đánh *mất-tin-bạn* thì cõi sống như đã bị dìm sâu vào cõi biệt nhân dạng, cõi bạt nhân duyên… thiệt thòi này lớn quá trong cõi nhân sinh.

*«…Tiếng nàng hát vọng đôi câu… Ngừng tay viết mướn lòng sầu vẩn vơ…»*, đó là lần đầu tiên tôi nghe được giọng hát của Hoàng Lan, qua ca khúc *Gọi em là đóa hoa sầu*, thơ của Phạm Thiên Thư, được Phạm Duy (thần tình) phổ nhạc, cũng tại phòng trà Văn Nghệ của gia đình nhạc sĩ này, năm 2008. Một ca khúc bó, xiết, dồn, bắt những ca sĩ hát bài này phải *«moi ruột»* để diễn tả tới nơi tới chốn; nơi đọ sức để biết đá vàng trong nghệ thuật ca khúc Việt. Trong lịch sử âm nhạc của mọi dân tộc, mọi văn hóa có những ca khúc loại như vậy: chúng vừa trao tặng, vừa thách thức các ca sĩ muốn hát chúng, phải hiến dâng thực chất của riêng mình để trao truyền tấm lòng của mình tới người nghe, Hoàng Lan đã thành công trong ca khúc này. Sau bài hát và ngay trong phòng trà này, chúng ta hứa sẽ giữ liên lạc, thông báo tin nhau: *tin bạn-tin đời*, trong mọi thăng trầm của cuộc sống, vậy mà tôi để mất *tin bạn-tin đời* từ 2011. Năm 2017 này, mùa xuân đang vung dạng để ghé Địa Trung Hải, nơi tôi đang lưu vong, ngày ngày cảm nhận lưu đầy, mùa xuân đang tới với bao sức sống mới của biển, đồi, núi, rừng: có hoa mơ vội nở, có hoa đào theo sau ngay, có thông vươn thân, có cỏ động dáng, có sương sớm-sáng khi trời chưa-sáng… đột nhiên nghe tin trọng bịnh của Hoàng Lan, tôi bần thần rồi tự đầy đọa mình trong câu của Thanh Tâm Tuyền thủa nọ, những năm bạn bè phải nhận kiếp lưu vong để giữ nhân cách trước bạo quyền, sau 1975: *«Rũ bỏ ký ức… ký ức người, nuốt trọng điếm nhục… mà đi!».* Mất *tin-bạn* đúng là mất ký ức, Hoàng Lan à!

Nhưng chúng ta cũng *căng trời-giăng đời* để giữ *tin-bạn*, trong nhiều năm, những năm đó tôi hứa mỗi lần được đi công vụ đại học tại quê nhà, là sẽ có mặt tại Sài Gòn để chào Hoàng Lan, quê hương thứ hai sau quê quán sinh thành miền Trung của Hoàng Lan. Mỗi lần được gặp nhau, tôi thường trao tặng Hoàng Lan các mỹ phẩm của Pháp, của xứ sở cứ luôn tìm mọi cách để *ăn ngon, mặc đẹp* này, cũng như Hoàng Lan biết *ăn ngon, mặc đẹp* cho thân sáng-người vui*.* Mỗi lần như vậy, sau khi nhận quà, Hoàng Lan thường trách tôi ngay: *«Sao thần sắc, mặt mũi anh lúc nào cũng mệt như ma vậy! Làm việc vừa vừa chứ! Phải biết nghỉ ngơi chứ!»*. Mỗi lần *bị-và-được* nghe câu này, tôi cúi đầu lĩnh hội, không dám sửa một chữ. Vì Hoàng Lan biết rất **rõ** là từ ngày đầu tiên tới ngày cuối cùng của mọi công vụ đại học tại quê nhà là tôi: *giảng-rồi-họp* từ sáng tới tối, giờ giải lao cũng như giờ cơm trưa, cơm tối cũng không được *«tha»,* hết đồng nghiệp tới sinh viên *«quay»* tôi cho tới khuya, cho tới *«gục»,* về tới khách sạn lăn ra *ngủ-vì-gục*. Đồng cảm thì thảnh thơi trong đồng giao, chúng ta thấy rõ trong từng chữ, từng câu của những ai thực sự là bạn với nhau, vì không phải là bạn thì không sao có những câu chữ như vầy: *«Bận thì bận chứ! Phải giữ ra một buổi tối để ăn cơm với nhau chứ! Ăn xong rồi tới một phòng trà nhỏ, em hát cho mà nghe!»*. Mỗi lần tôi nhớ lại câu này của Hoàng Lan, ký ức chuyển tôi tới ngay một câu của Trịnh Công Sơn, dặn tôi mỗi lần tôi có công vụ đại học ghé ngang Sài Gòn, vào cuối thế kỷ qua: *«Ráng ăn với nhau một bữa cơm, anh sẽ hát các bài mới cho Khóa nghe… Trên đời này tiếc nhất là lỗi hẹn với bạn bè!».* Với tuổi đời cứ ngày ngày lấn cuộc đời, tôi tâm niệm mãi câu này, coi đó là nhân sinh quan với đầy đủ bạn bè qua lại đông đủ trong đời mình, cũng là thế giới quan của nhân tình tán tụ trong sinh ly, vũ trụ quan trọn vẹn của nhân tri trong tình bạn dầy tình người, vậy mà tôi để suy-rồi-quỵ, kiệt-rồi-diệt *tin-bạn* với Hoàng Lan trong những năm qua. Nhớ lại năm nọ, 2009, trong một phòng trà nhỏ với bạn bè thân thuộc, Hoàng Lan đã hát tặng tôi, cũng bài *Gọi em là đóa hoa sầu,* và thỏ thẻ với những người nghe chỉ một câu: *«Tôi xin tặng bài này tới một người bạn tới từ thật xa… Bạn tôi ở xa đây lắm… Tối nay tôi phải hát cho bạn tôi nghe…».* Ngay tối đó, cùng với chồng của Hoàng Lan (một người bạn cao quý) và các bạn bè cùng nhau bàn bạc là tìm mọi cách để Hoàng Lan có được một CD cho riêng Hoàng Lan, trước khi Hoàng Lan rời quê hương, theo chồng qua Pháp. Và khi chia tay, tôi có nói thêm với các bạn: *«Giọng hát còn vô thường hơn cả kiếp người, không biết thâu-để-giữ nó bây giờ, thì sau này muốn giữ-để-nhớ nó cũng không được, cũng không kịp!»*. Vậy mà chuyện này vẫn chưa thực hiện được, để tới năm nay trong đêm văn nghệ bạn bè tổ chức riêng cho Hoàng Lan với tin bạo bịnh; *tin-bạn* đã chuyển thật sự qua *tin-buồn* rồi sao?

Những năm gần đây, tôi vẫn thường hỏi thăm tin của Hoàng Lan qua nhạc **sĩ** Duy Cường, người bạn chung của chúng ta, chính Duy Cường cũng mất liên lạc với Hoàng Lan, chúng ta không phải là những người bạn vô tâm; nhưng ngày ngày, tháng tháng, năm năm trước những thăng trầm trong kiếp người đã làm chúng ta mất phương hướng ngay trong cuộc sống riêng của mỗi người. Năm 2011, chồng của Hoàng Lan điện thoại cho tôi báo cho tôi biết là Hoàng Lan đã ổn định cuộc sống tại Pháp và mời tôi tới thăm hai vợ chồng. Thật kinh hoàng năm đó! Tôi bị gieo trên kiếp của mình bao thử thách, và cứ lầm lũi ngày ngày, tháng tháng, năm năm bảo vệ cho bằng được cuộc đời và tương lai của hai cô con gái, mà tôi đã kể cho Hoàng Lan nghe là tên của hai cô được nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đặt : *Khả An* và *Khả Anh*. Tôi căng sức (lắm khi kiệt sức) để giữ chữ *an*, để nắm chữ *anh* cho hai con. Chỉ hai ngữ pháp: *bình an* và *tinh anh*, mà tôi đã nhận như bổn phận hằng ngày, trách nhiệm hằng giờ của kẻ làm cha; hậu quả là từ năm đó cho tới nay, tôi đã đánh mất biết bao *tin-bạn.* Những lúc được sống riêng cho mình, trước giấc ngủ chưa muốn tới, giữa khuya, cứ thầm mong bè bạn: *thứ lỗi và tha tội* cho tôi. Có lần, cha của Duy Cường, nhạc sĩ Phạm Duy (Hoàng Lan hát rất hay các ca khúc của nhạc sĩ -mà nhạc thuật như rừng thẳm- này): *«Tôi dặn Khóa là những việc làm được cho bạn bè văn nghệ sĩ thì làm đi… làm nhanh lên… không làm bây giờ thì sau đó ai cũng phải qua đời… lúc đó mà làm thì trễ rồi, đã bị mất ý nghĩa rồi!»*. Hôm nay, câu này làm tôi thật đau, Hoàng Lan à!

Đêm văn nghệ bạn bè tổ chức riêng cho Hoàng Lan năm nay, một đêm *nửa báo tin chia tay-nửa giữ lời tái ngộ*, đây đúng là ẩn số của thử thách trong nhân sinh, Hoàng Lan đã tặng các bạn bè ngoại quốc hai bài: *«Je t’aime»* tiếng Pháp, *«Come away with me»* tiếng Anh, thật trọn vẹn! Bạn bè thấy càng rõ nhân sinh quan yêu người; nhìn rõ thế giới quan yêu đời, nhận rõ vũ trụ quan luôn chan hòa với thân hữu gần xa của Hoàng Lan. Ai quen được Hoàng Lan, cũng thấy rõ sức thông minh của Hoàng Lan biết: biến *sơ ngộ* thành *tái ngộ*, chuyển *hội ngộ* ra *hạnh ngộ,* phải thật sự thông minh mới làm được chuyện *ngộ* trong cuộc sống. Vì *ngộ* là sức mạnh của thông minh: *giác ngộ*, giúp ta không phải rơi vào cái bi kịch, mà Bùi Giáng đã dặn: «*Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn!*»; thuật ngữ này nhắc ta cẩn trọng từng sát na trong cuộc đời, vì *sơ ngộ*làmới gặp mà đã mất, chưa sống mà đã để cuộc sống vụt bay. Bạn bè thân quen biết rõ Hoàng Lan có một nội công nghệ thuật, một bản lĩnh cá nhân, một tầm vóc chủ thể: quý *hạnh ngộ* để *hành ngộ,* một năng lực giúpHoàng Lan luôn gặp lại được bè bạn gần xa … Mỗi lần muốn: tìm bạn là gặp bạn!

Nice. Xuân 2017.

***Đứa cháu lai***

*Quốc Bảo thương yêu,*

Tháng vừa qua, bố mẹ cháu có gởi cho chú tấm ảnh của đứa con đầu lòng của cháu, chú vô cùng xúc động khi nhìn tấm ảnh này; lý do thứ nhất là đứa con của cháu rất giống cháu, cùng lúc mang được dòng máu của mẹ là gốc người Mỹ. Đối với chú đây là một chuyện nhiệm mầu của cuộc sống, sự tiếp nối thống tộc hài hoà với chuyện trao truyền hình hài qua nhiều thế hệ; tổ tiên, cha mẹ luôn có trong xương, thịt, máu, da… của con cháu, ý nghĩa đạo thờ ông bà là ở đó, *con cháu ở đâu ông bà ở đó*. Lý do thứ nhì về sự xúc động của chú là từ tấm ảnh này, chú nhớ lại bao kỷ niệm thời thơ ấu của cháu, những năm đầu khi cháu chào đời trong một đất nước chiến tranh. Sự điêu tàn, cái mất mát hiện rõ trên từng khuôn mặt của đồng bào mình, *sống nay chết mai; ăn bữa sáng, lo bữa tối*, lo nhất là phải bảo vệ lẫn nhau để sống còn, vượt qua cuộc chiến khốc liệt huynh đệ tương tàn, tưởng chừng như không bao giờ dứt. Cháu Quốc Bảo thương yêu, cháu sinh ra trong bối cảnh đó, vậy mà cháu không thiếu một tình thương nào trên đời này, trong kiếp người này, vì cháu được đùm bọc che chở trọn vẹn trong tình thương gia đình của bố cháu. Có những người sinh ra đời rất bất hạnh, nói theo đạo Phật sống mà như mang một nghiệp chướng.

Ngoài cha mẹ cháu ra, người thương cháu nhất có lẽ là bà nội, cháu còn hình dung được khuôn mặt hiền từ của bà nội không? Cháu còn hình dung được phong cách rộng lượng, khoan dung, lòng từ bi, tình thương người của bà nội không? Bà nội thương cháu nhất vì bà nội rất thương bố cháu, hiếm có người mẹ nào thương con, như bà nội thương bố cháu. Ngày bố cháu xin được làm đám cưới với mẹ cháu, bố cháu phải nhập ngũ, vào quân đội trong cuộc chiến đe dọa sinh mạng thanh niên hằng ngày, còn mẹ cháu vừa học xong trung học, cả hai coi như chưa trưởng thành, chưa tự chủ được về vật chất, tài chính, kinh tế, vậy mà bà nội đồng ý ngay, cho hai trẻ làm lễ thành hôn, vì bà nội thương và tin nơi bố cháu, tin là bố cháu và mẹ cháu sẽ gây dựng được một gia đình tốt lành, rồi gieo được những hạt giống thương yêu cao đẹp vào cuộc đời của cháu. Bà nội quyết định không sai, bây giờ cháu có con tức là ông bà nội đã có thế hệ thứ ba, gia đình mình vẫn trong một dòng sinh mạng, không hề bị đứt đoạn. Chú cũng chưa thấy ai thương con dâu như bà nội; thương yêu, che chở, đùm bọc mẹ cháu từng ngày, chia sẻ với mẹ cháu từng giờ những nỗi lo trong việc nuôi nấng cháu. Ngày cháu ra đời cũng là ngày vui sướng nhất của bà nội, *cười ra nước mắt* cháu à! Chú thấy rõ niềm vui trên khuôn mặt của bà nội mỗi khi bà nội bồng cháu trên tay, ru cháu thật khẽ, thật nhẹ, chú quan sát **kỹ** những lúc như vậy, cháu ngủ rất yên, rất ngoan, như vậy là đầy đủ an lạc đối với bà nội, vì bà nội cũng đã ru bố cháu như vậy, tất cả các con của bà nội được ru như vậy, một tình thương lắng đọng nhưng bao la, *con đi có trọn kiếp người, cũng không đi hết những lời mẹ ru,* thơ của thi sĩ Nguyễn Duy.

Ngày cháu ra đời, ông nội không có mặt trên quê hương Việt Nam đằng đẵng chiến tranh, tha phương cầu thực, nuôi gia đình từ xa, nhưng ông nội không hề quên cháu, ngày biết tin bố mẹ cùng cháu đã thoát nạn trong chuyến di tản 30 tháng 4 năm 1975, và đã tới Mỹ, đất nước thật tốt lành này giờ đã là quê hương của cháu và của con của cháu, ông nội tới tận nơi đón gia đình nhỏ bé, đầy đủ của cháu với niềm vui của một người ông đã có một đứa cháu. Chú còn giữ trong thư viện của chú tấm ảnh năm 1975, tại Florida, ông nội bồng cháu trên tay, cười tươi, bố mẹ cháu theo sau lưng hai ông cháu, dưới ánh nắng thanh bình của Florida. Cháu Quốc Bảo thương yêu, ông nội chăm lo rất nhiều cho cháu, từng bữa ăn mỗi khi gần gũi bên cháu, ở Orlando hay ở Lyon, ông nội muốn cháu ăn thật ngon miệng, sống thật vui. Có lần, cháu chơi giầy trượt lướt, bị tai nạn trên chân, tận bên Anh quốc, ông nội lo bồn chồn ở Lyon, đứng ngồi không yên, làm cô chú của cháu tại Lyon, cũng nao núng theo. Ông nội thăm hỏi rất thường xuyên chuyện học hành, chuyện hành nghề của cháu. Cuộc sống bắt chúng ta muốn biết hạnh phúc, phải biết so sánh gần xa, cháu sẽ thấy hiếm người ông nào thương cháu như ông nội thương cháu. Các cô chú cùng phải học ở ông nội rất nhiều, thương yêu và chăm lo cho con của cháu sau này, như ông nội đã từng thường yêu chăm lo cho cháu thủa sinh thời. Chú vẫn thường nhắc nhở Khả An, Khả Anh, hai đứa con thương yêu của chú, lẽ sống của đời chú, là hai con phải luôn giữ hình ảnh thật đẹp về tình thương ông cháu qua những hành động cụ thể của ông nội, chăm lo các cháu mình hơn nâng niu bảo ngọc, vì thương ai thì phải mang lại những điều tích cực tốt lành nhất cho người mình thương cháu à.

Còn các cô chú xung quanh cháu? Cô chú cũng lo rất đầy đủ cho cháu trong thời chiến tranh, cháu luôn có cô chú sáng, trưa, chiều, tối… Bố mẹ cháu đi chơi yên tâm, cô chú vui sướng được chăm lo cho cháu. Những năm cô Hồng làm trình dược viên, lương cao, cô thường mua cho cháu và cho cả nhà những món ăn ngon, cả nhà vừa ăn vừa đùa giỡn với cháu. Cô Liễu dành nhiều thì giờ cho cháu nhất, cô bồng, cô mớm cơm cho cháu, sành sỏi như một người mẹ. Cô Hà phụ cô Liễu cõng cháu trên lưng đi cùng nhà, lên cầu thang, nhưng cả nhà không cho cô Hà cõng cháu lên sân thượng, vì cầu thang sắt lên sân thượng rất nguy hiểm. Có lần chú tập võ trên sân thượng này, trượt chân té, bị tai nạn rất nặng, bố cháu như muốn ngất xỉu, bà nội và bố cháu phải đưa chú đi bộ cấp cứu dưới mưa tới tận nhà thương Tân Định; nhắc lại bố cháu và chú vẫn còn sợ. Chú Khánh với bố cháu thích nuôi cá, trên hành lang lầu một không hơn năm thước vuông trong ngôi nhà 56 Nguyễn Hữu Cảnh của gia đình mình tại quận Nhất Sài Gòn, vậy mà Chú Khánh và bố cháu, vừa trồng cây, vừa nuôi cá. Chú Khánh chỉ cho cháu thấy các con cá đủ màu, cá này là cá mẹ, cá này là cá con… Còn chú thì chờ cuối ngày, khi trời bớt nóng, từ năm giờ tới bẩy giờ tối là chú để cháu lên chiếc xe đẩy bằng gỗ của ông Hưng hàng xóm cho mượn, cột vào sợi dây rồi kéo cháu từ nhà chú Mùi qua tới nhà bà Huế, một vỉa hè không hơn hai mươi thước, vậy mà cháu vui vô kể, cười nức nẻ, làm cả nhà mình vui theo, hàng xóm cũng vui lây. Cuộc sống đẹp vì kỷ niệm đẹp cháu à; kỷ niệm đẹp trong quá khứ làm cho hiện tại đáng sống, hiện tại có vững chãi, con người mới có thể chấp nhận các thử thách sắp tới của tương lai.

Chú có nhiều thói hư, tật xấu, nhưng được ông bà nội trao tặng chú một hình hài mà trong đó ký ức của chú rất vững chắc, chú nhớ dai, nhớ kỹ, nhưng với tuổi đời chú chỉ muốn giữ những kỷ niệm đẹp với gia đình, với bạn bè, với xóm giềng, với đồng nghiệp, với các môn sinh của chú. Chú tìm mọi cách loại hẳn ra khỏi não bộ của mình những chuyện xấu, dở, tồi, tục… chú nhớ da diết những kỷ niệm đẹp như để làm nền cho đạo lý cá nhân chú, lấy cái hay, cái cao, cái rộng của tình người để sống, chỉ làm như vậy cuộc đời mới đẹp hơn cháu à! Càng tìm về những kỷ niệm đẹp thời thơ ấu của cháu, chú càng thương cho hai con của chú: Khả An và Khả Anh, không được biết và không được nhận tình thương của bà nội, nhận được rất nhiều tình thương của ông nội nhưng ông nội mình phải ra đi khi hai đứa cháu còn nhỏ quá, còn cô chú bác vì chuyện sinh nhai, vì điều kiện lưu vong gay gắt, gia đình mình bốn phương tám hướng, không gần gũi, thương yêu, giáo dưỡng hằng ngày hai đứa cháu chưa trưởng thành. Gia đình chú bị thử thách nhiều trong những năm qua, thương cho hai con chú luôn cố gắng cùng chú vượt qua nguy nan, chú luôn cầu nguyện ông bà nội phù hộ độ trì cho Khả An, Khả Anh cùng chú vượt qua khổ nạn…

Chú viết bài này tặng cháu, mừng ngày sinh nhật đầu đời đứa con của cháu, cũng mong cháu đọc và hiểu những dòng chữ này để hiểu thêm về tình cảm gia đình nhà mình mà dân tộc Việt Nam đặt tên là: *tình ruột thịt*. Cùng ruột thịt, vì cùng cha mẹ, vì cùng tổ tiên, vì cùng một dòng sinh mệnh trước cuộc sống đầy sinh ly cháu à. Bà nội đã qua đời từ hơn 30 năm nay, ông nội cũng vừa ra đi, rồi lần lượt các người thân cũng không ở đời được với chúng ta. Đạo Phật dạy *sinh, lão, bịnh, tử*, đó là chuyện dễ hiểu, nhưng cùng lúc Phật dạy một bài học khác tưởng dễ nhưng rất khó: *chánh niệm,* sống trọn vẹn với giây phút thực tại, phải thấu hiểu cái bây giờ và ở đây để cảm nhận đầy đủ hạnh phúc của cuộc sống cháu à, đừng để cuộc sống *chén cơm manh áo* lôi cuốn chúng ta vào độc lộ của *giá áo túi cơm* mà quên đi tình thương ruột thịt. Có *chánh niệm,* Phật dặn phải có luôn *quán chiếu,* nhìn thật rõ, hiểu thật sâu, thấm toàn diện, nắm tổng quan và cẩn trọng trong từng sát na để tình thương không vuột mất trong cuộc sống hiện tại. Nhưng thực hành *chánh niệm* và *quán chiếu* hằng ngày thật ra không khó, cháu chỉ cần nói bằng tiếng Mỹ hay tiếng Việt với con của cháu: *«Có bố đây», «Bố luôn ở cạnh con đây»*… Tự nhiên cháu **sẽ** thấy trên khuôn mặt còn thơ dại của đứa con một nụ cười, một niềm yên vui, đó là lòng tin của đứa con có chỗ dựa là cha mẹ… Từ khi Khả An, Khả Anh ra đời, rồi biết đi, biết nói, mỗi lần hai đứa gọi chú: *«Bố ơi»,* chú luôn vui sướng trả lời bằng giọng chắc nịch: *«Bố đây!»…* Có những ngày, chúng không gọi chú, nhưng chú vẫn nhắc hai đứa: *«Cần gì cứ gọi bố».* Cháu cũng vậy, cháu nên thường xuyên có mặt, để trả lời với con của cháu: *«Có bố đây!».*

*Chú Bé tặng* Quốc Bảo

*và đứa con đầu lòng của cháu*.

**Kết nội kết**

*Thương thương nhân yêu*

*Nhân nhân bạn đây*

*Bạn bạn hẹn mở*

*hẹn hẹn gặp bừng*

*gặp gặp vui rộng*

*vui vui chuyện loang*

*chuyện chuyện cười dâng*

*cười cười say loáng*

*say say nói sâu*

*nói nói khóc cao*

*khóc khóc sống rộng*

*hẹn … gặp … say … sống …*

LÊ HỮU KHÓA

**Thư mục các tác phẩm quốc tế**

**LISTE DES PUBLICATIONS**

***OUVRAGES INDIVIDUELS****:*

• *Les Vietnamiens en France*, insertion et identité, L'Harmattan.

• Les *jeunes Vietnamiens de la deuxième génération, semi-rupture au quotidien*, L'Harmattan.

• *L'interculturel et l'Eurasien*, L'Harmattan.

• *Asiatiques en France, les expériences d'intégration locale*, L'Harmattan.

• *L'immigration confucéenne en France, "On s’exile toujours avec ses ancêtres",* essai de sociologie de l’exil, L'Harmattan.

• *L'immigration asiatique, économie communautaire et stratégies professionnelle*, Documentation Française, Centre des Hautes Études de l'Asie Moderne, Fondation des sciences politiques.

-*Liens méthodologiques et Parenté épistémologique entre les sciences sociales*,

Collection Sens & Preuves, Presse Universitaire du Septentrion, 2000.

*-Femmes asiatiques en France, places familiales, placements professionnels et déplacements sociaux*.

Editions *Les Indes Savantes.*

**Anthropologie du Vietnam**

Tome I: *l’espace mental du lien*.

Tome II: *l’espace spirituel de la vie*.

Tome III: *l’espace réflexif de l’homme*.

Tome IV**:** *l’espace singulier du destin****.***

Tome V: *l’espace cognitif du peuple*

Editions *les Indes savantes*.

***OUVRAGES COLLECTIFS****:*

**DIRECTION ET CODIRECTIONS D’OUVRAGES COLLECTIFS**

• L’immigration entre lois et vie quotidienne,

Avec J. Barou, L’Harmattan.

• *La part d'exil, sociologie de la littérature des exilés*,

*Publication d'Université de Provence*.

• *Dépayser la pensée*, avec T. Marchaise,

*Les empêcheurs de penser en rond*, Seuil.

• Chine-Europe, Percussions dans la pensée,

Avec P. Chartier, Coll. *Quadrige Essais-Débats*, PUF.

• *Le dialogue entre les cultures, du commun à la production de l’universel*

François Jullien, Le Huu Khoa. Editions *Les Indes Savantes****.***

**DIRECTION DES DOSSIERS DE REVUES**

• *Populations du Sud-est asiatique*, *Revue Hommes & Migrations*.

• *Réfugiés asiatiques*, *Revue Groupement pour les Droits des Minorités*.

• *Lettres d'exil*, *Revue Hommes & Migrations*.

• *Bouddhisme en France*, *Revue Hommes & Migrations*.

• *Confucianisme: permanence et renouveau*, *Revue Approches Asie*, Economica.

• *Pratique alimentaire et identité culturelle*, *Revue de l'Ethnologie française*.

• *Vietnamologie et francophonie*, Revue *Approches Asie*, Economica.

**Thư mục các tác phẩm việt ngữ**

**Thơ :**

**°** *Vách và vực***,** nxb Grisea, USA.

**°** *Vó*,nxb Đà Nẳng

**°** *Vong***,** nxb Đà Nẳng

**°** *Vó****c*,** nxb Văn học

**Tùy Bút:** nxbMaster-Asie, *Anthropol-Asie*, Grisea

° *Thương yêu (duyên trao nợ cho tình****)***

° *Thư tình-tình thư (tình yêu tiếp tình thương nhận tình người).*

**Chính luận**: nxb Master-Asie, *Anthropol-Asie*, Grisea

° Nhân Việt (Nhân cách giáo lý Việt tộc).

**Báo cáo nghiên cứu quốc tế**

**RAPPORTS DE RECHERCHE**

• **Ministère des affaires sociales,**

**Mission Interministérielle Recherche Expérimentation - MIRE:**

*L'insertion socioprofessionnelle des jeunes issus de l'immigration du sud-est asiatique*.

• **Premier-Ministre**,

**Secrétaire Général à l'Intégration-SGI:**

*La présence chinoise à Paris.*

*L’intégration asiatique dans les secteurs technologiques de pointe.*

*Les générations de l'immigration du Sud-est asiatique.*

*Le dilemme du cadrage de l’intégration asiatique.*

• **Ministère des affaires sociales,**

**Agence du Développement des Relations Interculturelles - ADRI**,

*Les immigrés et réfugiés originaires de la péninsule indochinoise*.

*Les réfugiés du sud-est asiatique*.

*La littérature de l'Asie du sud-est*.

*L'immigration du Sud-est asiatique*.

• **Ministère des affaires sociales,**

**Direction de la population et des migrations - DPM**,

**Fond d’action sociale- FAS, Secrétaire général à l'intégration - SGI**

*L’intégration des populations asiatiques, conditions locales et expériences collectives*.

*L’immigration asiatique : les espaces économiques et ses unités ethniques dans la stratégie d’ascension professionnelle*.

*Connaissance des dispositifs d'accueils et mode d'installation dans le regroupement familial*, *(enquête nationale sur les familles immigrées)*.

• **Ministère de l'Intérieur,**

**Institut des Hautes études de la sécurité intérieure - IHESI,**

**Groupe de recherche interdisciplinaire sur l'autorité**

*L’immigration et l'autorité*.

• **Ministère de la cohésion sociale**,

**ACES - Agence nationale pour la cohésion sociales et l’égalité des chances,**

*Carrières à l'international et masters professionnels, parcours des diplômes, trajets de stage, itinéraires d’embauche, destinations d’Asie*.



**Lê Hữu Khóa**

Giáo sư Đại học Lille

**Professeur à l’Université Lille**

***Teacher at Lille University***

**里尔三大（戴高乐大学）教师**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tiến sĩ quốc gia trường **gia** cao học khoa học xã hội Paris

**Doctorat d'État, École des Hautes Études en Sciences Sociales de Paris.**

***Doctorate, School for Advanced Studies in Social Sciences, Paris***

**巴黎社会科学高等学院博士 -**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tiến sĩ xã hội học đại học Nice-Sophia Antipolis.

**Doctorat en sociologie, Université Nice-Sophia Antipolis**

***PhD in Sociology, Sophia Antipolis University, Nice***

**尼斯索菲亚-安提波利斯大学社会学博士**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Giám đốc Ban Cao học châu Á

**Directeur du Master-Asie-Relations interculturelles et coopération internationale**

***Headteacher of the “Asia” program of the Intercultural Relations and International Cooperation Master***

**亚洲国际关系和跨文化交流（研究生）系主任 - 里尔三大**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Giám đốc biên tập Anthropol-Asie,

**Directeur de la collection *Anthropol-Asie*, Editions** **Les Indes Savantes.**

***Anthropol-Asie editor, publisher : Les Indes Savantes***

**《亚洲人类学》主编 - 印度学者出版社**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Chủ tịch nhóm Nghiên cứu Nhập cư Đông Nam Á

**Président du GRISEA-Groupe de Recherche sur l'immigration du sud-est asiatique**

***President of GRISEA – Research group on immigration in south-east Asia.***

**东南亚移民研究主席**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Cố vấn Chương trình Chống Kỳ thị của UNESCO – Liên Hiệp Quốc.

**Expert à l'UNESCO, Programme *"Luttes contre la discrimination"***

***UNESCO expert, Program «Fight against discrimination ».***

**联合国教科文组织“反对种族歧视”项目专家**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Cố vấn Trung tâm quốc tế giáo khoa

**Expert au CIEP- Centre intenational d’études pédagogiques.**

***Expert at CIEP – International center for pedagogical studies***

**法国国际教育研究中心专家**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Cố vấn thẩm định giáo dục và nghiên cứu đại học Franche-Comté

**Expert d’****évaluation des enseignements et des recherches de l’Université Franche-Comté.**

***Assessment expert on education and researches at Franche-Comté University***

**贝桑松大学教学研究评估专家**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Biên tập viên tập chí *Hommes&Migrations.*

**Membre du comité de rédaction de la revue *Hommes&Migrations.***

***Editorial board member for the periodical “Hommes & Migrations”***

**《人类&迁移》杂志编辑部成员**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Thành viên hội đồng khoa học bảo tàng lịch sử nhập cư

**Membre du comité scientifique de la *Cité et l’histoire de l'immigration.***

***Scientific board member of Cité of migration***

**“移民历史城”科研委员会成员**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Thành viên hội đồng khoa học Viện nghiên cứu **Đông Nam Á**

**Membre du Conseil Scientifique de l'IRASEC-Institut de Recherche sur l'Asie du Sud-Est.**

***IRASEC Scientific board member (Research Institute on South East Asia)***

**东南亚研究所科研委员会成员**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Hội viên danh dự nhóm Thuyết khác biệt, Học viện nghiên cứu thế giới.

**Membre invité du Groupe Altérité, Chaire sur l’altérité, du Collège des études mondiales.**

***Guest member of the group “Altérité”, chamber an alterity, at Collège d’études mondiales.***

**世界研究协会“相异性”研究组特邀成员及教授.**

1. Anh Cường (họa sỉ Đinh Cường), anh Cần, (thi sỉ Cung Trầm Tưởng) anh Tiên (thi sỉ Tô Thùy Yên). [↑](#footnote-ref-1)
2. Thanh Tâm Tuyền [↑](#footnote-ref-2)
3. Bùi Giáng, trong cõi người ta pp: 475-483, 2008, édi Lao Động, Trung tâm Văn hoá Đông Tây, Hà Nội, [↑](#footnote-ref-3)
4. Bùi Giáng, trong cõi người ta, pp: 187-189. [↑](#footnote-ref-4)
5. Montaigne, *Essais*, I, 20, éd. par Jean Plattard, coll. «Les textes français », p. 123. [↑](#footnote-ref-5)
6. Anh Tâm (thi sỉ Thanh Tâm Tuyền) [↑](#footnote-ref-6)